

Yokai Attack!

Từ điển yêu quái

Hiroko Yoda và **Matt Alt**

Minh hoạ: **Tatsuya Morino**

Người dịch: **Nguyên Hương**

Cuộc nổi dậy của yêu quái Nhật Bản

Cẩn thận yêu quái!!

WingsBooks
NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG





Yokai Attack!
Từ điển yêu quái

Hiroko Yoda và **Matt Alt**
Minh hoạ: **Tatsuya Morino**
Người dịch: **Nguyên Hương**

Cuộc nổi dậy của yêu quái Nhật Bản

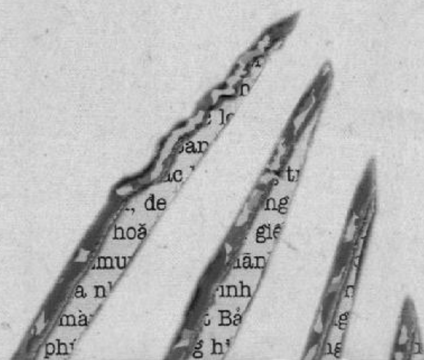


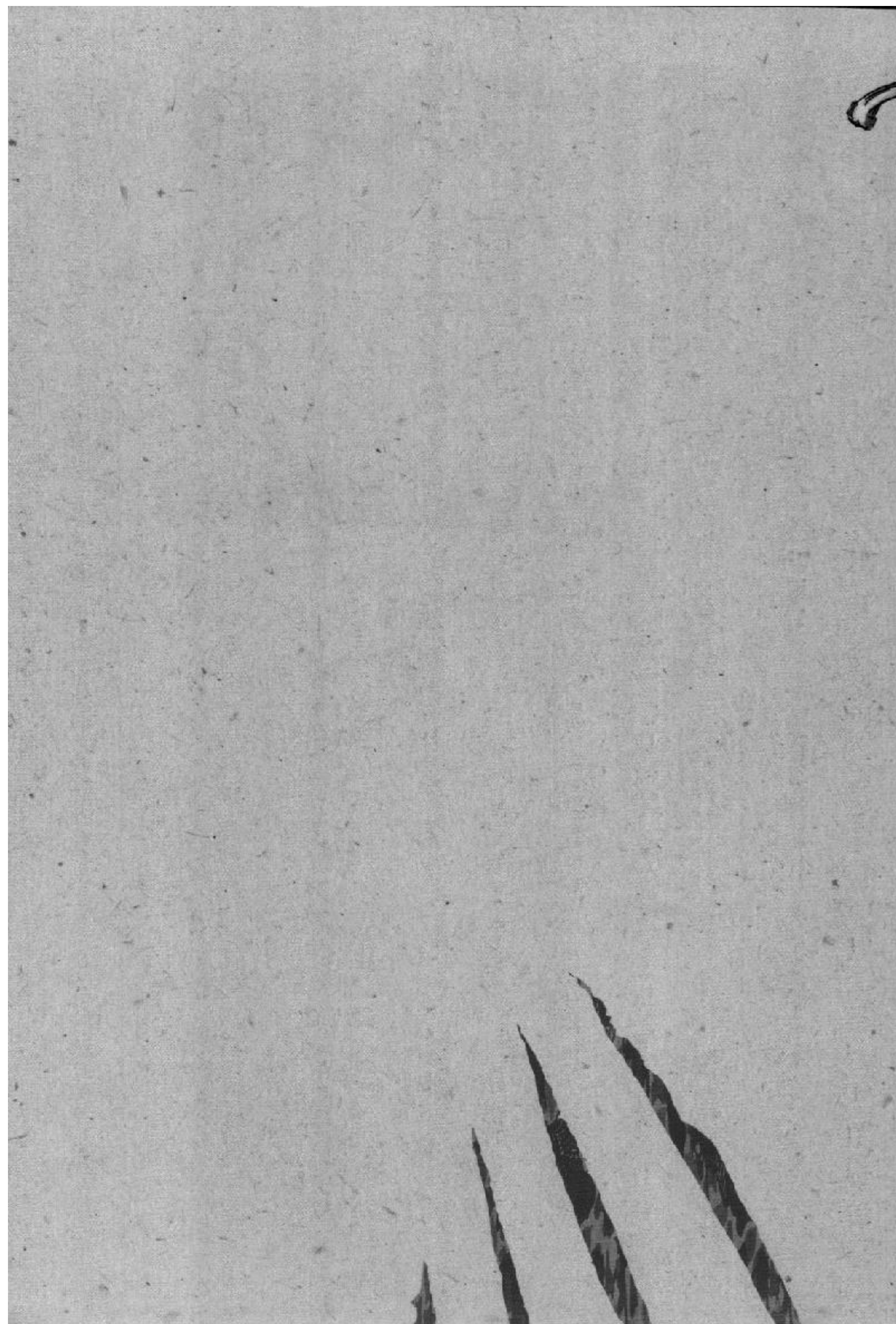
Cẩn thận yêu quái!!

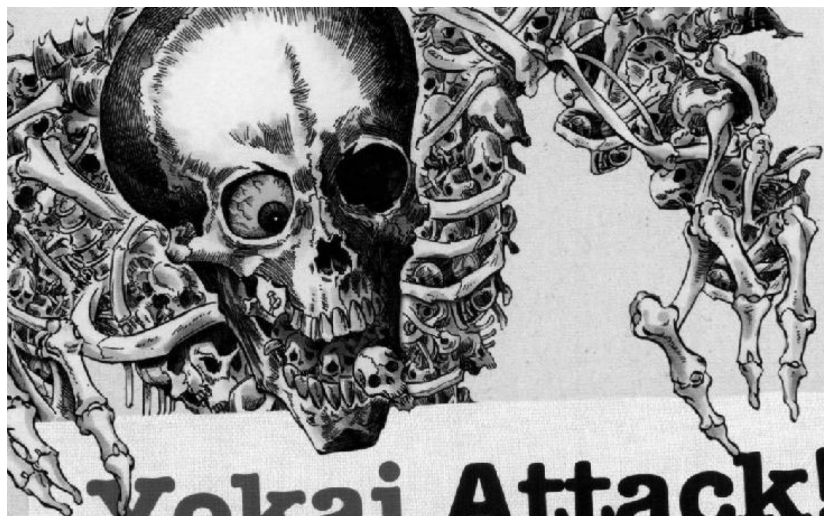
WingsBooks
NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Yokai Attack!







Yokai Attack!
Từ điển yêu quái

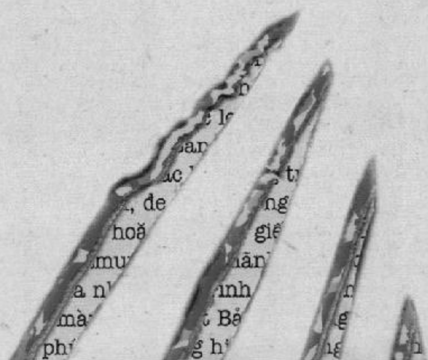
Hiroko Yoda và **Matt Alt**

Minh hoạ: **Tatsuya Morino**

Người dịch: **Nguyên Hương**

Cuộc nổi dậy của yêu quái Nhật Bản

[Dành cho tuổi trưởng thành]



WingsBooks

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Yokai Attack!
The Japanese Monster Survival Guide

Mục lục

Dành tặng Setsuko và
Yakumo Koizumi, tức vợ
chồng Lafcadio Hearn

Lời nói đầu

Yokai là những yêu quái Nhật Bản ghê rợn nhất mà bạn chưa từng nghe nói đến, và đã đến lúc chúng phải nhận sự đối đãi thích hợp.

妖怪

Được viết bằng kí tự tiếng Nhật có nghĩa "thế giới khác" và "kì quái", từ "yokai" thường được dịch theo nhiều cách, từ "quỷ" đến "ma" rồi "yêu tinh" hay "bóng ma" – tất cả đều thiếu chính xác và máy móc chẳng khác gì dịch "samurai" thành "võ sĩ Nhật Bản", hay "sushi" thành "cơm cá sống". Yokai tức là yokai.

Các yokai trong cuốn bí kíp này là những sinh vật thần thoại, siêu nhiên từng có mặt trong truyện cổ tích và truyện kể dân gian Nhật Bản suốt bao thế hệ. Bạn có thể thấy chúng trong sách cuộn, bình phong, tranh khắc gỗ và các loại hình nghệ thuật Nhật Bản truyền thống khác tại các bảo tàng trên khắp thế giới, đe doạ thường dân yếu ớt hoặc bị chém giết bởi các samurai dũng mãnh. Chúng là những thứ rình rập trong màn đêm Nhật Bản, là bộ mặt phía sau những hiện tượng không thể giải thích, là nhân cách đằng sau những quân bài lạ lùng mà số phận chia cho chúng ta. Chúng đại diện cho nỗ lực tưởng tượng phong phú của con người nhằm gán ý nghĩa và tính hợp lí cho một thế giới hỗn loạn, không thể lường trước được, khó giải thích. Yokai về cơ bản chính là: những tư tưởng mê tín được nhân cách hoá.

Suốt nhiều thế kỉ chúng đã rình rập rừng núi, đồng ruộng, sông ngòi và bờ biển Nhật Bản. Một số có hình dạng động vật, một số mang lốt người. Một số khác vốn là những đồ vật vô tri vô giác nhưng đã sở hữu hình thái huyền bí có trí khôn. Một số là hình tượng nhân hoá của các hiện tượng tự nhiên. Trong khi một số khác rõ ràng là sản phẩm tưởng tượng hài hước dưới vỏ bọc nghiêm túc – là hình thái thực thể của các truyện cười, phép chơi chữ hay thành ngữ. Một số được cho là yêu quái có ích. Đa phần rất tinh nghịch. Và không ít bị xem là cực kì, cực kì nguy hiểm. Chúng là những ông ba bị của Nhật Bản, và một khi tắt đèn, chúng sẽ luôn xuất hiện.

Từ yokai không phải lúc nào cũng được sử dụng rộng rãi để mô tả những tạo vật này

như ngày nay. Đến tận cuối thế kỉ mười bảy, chúng vẫn thường được biết đến với tên gọi *mononoke* (hồn ma) hoặc *bakemono* (quái vật). Rất nhiều trong số chúng có nguồn gốc ngoại lai, đến Nhật Bản thông qua tôn giáo và văn tự học thuật Trung Hoa. Một số khác là sản vật địa phương chính hiệu.

Tập minh hoạ yokai nổi tiếng nhất có thể được tìm thấy trong tác phẩm biếm hoạ năm 1776 của Toriyama Sekien *Gazu Hyakki Yako*, hay "Hoạ Đồ Bách Quỷ Dạ Hành". Tác phẩm miêu tả hơn năm mươi yokai, một số có nguồn gốc truyền thống, nhưng đa phần do Sekien tự sáng tác để châm chọc khá nhiều các tục lệ xã hội khác nhau. Sự thành công của nó dẫn đến một loạt các tập tiếp theo và mở màn cho sự quan tâm của công chúng đối với tạo vật huyền bí.

Thời đại hoàng kim đích thực của yokai là vào đầu tới giữa những năm 1800, tức là khoảng thời gian cuối thời kì Edo chuyển sang thời đại Meiji, ngay trước khi Nhật Bản mở cửa lại với phương Tây và bắt đầu hiện đại hoá. Lớn lên trên mảnh đất màu mỡ của nền văn hoá vật linh, đa thần Nhật Bản, được mài giũa bởi bao thế hệ người kể chuyện đồng quê và cuối cùng được các hoạ sĩ cùng nghệ nhân đô thị nhào nặn thành hình, các tạo vật trong truyện dân gian đã mê hoặc con người ở thời đại đó. Chúng nhanh chóng trở thành đề tài ưa thích trong các phương tiện truyền thông đại chúng đang nở rộ, vào thời đó bao gồm sách, tranh khắc gỗ, sách cuộn, và truyện kể nơi công cộng. Người lớn tìm đọc các ấn bản giật gân chứa đầy miêu tả sống động về những cuộc gặp gỡ được cho là có thật với yokai, trong khi trẻ con thì sưu tập *karuta* (thẻ bài) yokai theo một phong trào mà so với cơn sốt Pokémon từng làm mưa làm gió khắp thế giới vào cuối thế kỉ hai mươi thì giống đến giật mình.

Thế nhưng bất chấp sức hấp dẫn và cả nỗi khiếp sợ mà chúng gieo rắc lên bao thế hệ người Nhật, những tạo vật kì dị này ban đầu vẫn không đọ lại được tiến trình chẳng gì cản nổi của sự phát triển. Vào cuối thế kỉ mười chín, triết gia kiêm giáo sư đại học người Nhật Inoue Enryo coi tín ngưỡng rộng rãi về yokai là một mối đe doạ đối với sự nghiệp hiện đại hoá, khiến ông lập ra *yokaigaku* – "yêu quái học" – một cách tiếp cận có cơ sở khoa học, có hệ thống nhằm phân loại và lật tẩy các sự tích về yokai. Chậm mà chắc, yokai bắt đầu biến mất khỏi ý thức của công chúng vào cùng khoảng thời gian Nhật Bản bắt

đầu công nghiệp hoá và xây dựng một hệ thống giáo dục chính thống. (Nghịch lí thay, những dữ liệu mà Inoue đã dày công thu thập lại là kho tàng quý giá cho những ai quan tâm đến yokai ngày nay.)

Từng có thời, người ta tưởng như trong đám ba bị lộn xộn này, một số mạnh và đói khát đến mức có thể tay không moi ruột người ta, hoá ra lại yếu ớt đến mức có thể bị đẩy lùi bởi sự ra đời của điện, bồn cầu tự hoại, và những thiết bị của một xã hội công nghiệp.

Nhưng yokai không bao giờ chết – chúng chỉ mờ nhạt đi cho đến thời khắc thích hợp cho chúng quay trở lại. Trong lúc ánh đèn có thể thực sự không bao giờ tắt ở các đô thị Nhật Bản hiện đại, yokai cũng chưa từng thôi hoành hành trên các trang sách văn học Nhật Bản.

Có một người nước ngoài đã nhen nhóm lại câu chuyện tình giữa Nhật Bản và yokai: Lafcadio Hearn, một nhà báo lập dị từng xuất bản sách bằng tiếng Anh dưới tên thật và bằng tiếng Nhật dưới cái tên Yakumo Koizumi. Các tập thần thoại Nhật Bản do ông biên soạn, với sự trợ giúp của người vợ kiêm phiên dịch Setsuko, bao gồm *In Ghostly Japan*(1) (1899) và *Kwaidan*(2) (1903). Khi được dịch trở lại tiếng Nhật, chúng đã ảnh hưởng tới một thế hệ mới các học giả nghiên cứu truyện dân gian địa phương.

Tono Monogatari ("Truyện kể ở Tono") của Yanagita Kunio, một tuyển tập truyện dân gian và truyện kể về yokai ở miền Bắc Nhật Bản, đã chứng minh được mức độ phủ sóng dữ dội của mình trong lần xuất bản vào năm 1912, và vẫn còn lưu hành đến tận ngày nay. Truyện tranh có các nhân vật yokai thổi bùng lên một làn sóng mới về đề tài yokai vào những năm 1960, đáng chú ý nhất là bộ truyện đình đám *Ge Ge Ge no Kitaro* của Mizuki Shigeru. Nhiều nhân vật của Mizuki dựa trên những truyện dân gian và tác phẩm nghệ thuật cổ điển mà chúng tôi dùng tham khảo cho cuốn sách này.

Lứa trẻ em được nuôi dưỡng từ món ăn tinh thần hãi hùng này lớn lên mang theo niềm say mê với các tạo vật huyền bí. Nhiều nhân vật giống yokai từng xuất hiện trong tiểu thuyết của nhà văn ăn khách người Nhật Murakami Haruki, bao gồm Người Cừu bí ẩn trong *Cuộc Săn Cừu Hoang* và *yamikuro* ("ma đen" trong bản tiếng Việt) từng ám hệ thống cống ngầm Tokyo trong *Xứ Sở Diệu Kỳ Tàn Bạo Và Chốn Tận Cùng Thế Giới*. Những bộ phim gây tiếng vang

(1) *Nhật Bản ma quái.*
(2) *Quái Đàm. – ND*

quốc tế của đạo diễn Miyazaki Hayao cũng chứa nhiều hình ảnh liên quan đến yokai – bao gồm *Sen to Chihiro no Kami Kakushi (Sen và Chihiro ở thế giới thần bí), Mononoke Hime (Công Chúa Mononoke), Pom Poko,* và kể cả *Tonari no Totoro (Hàng xóm của tôi là Totoro),* trong đó nhân vật chính Totoro có thể coi là một dạng yokai. Ngoài ra còn hàng trăm – có lẽ hàng nghìn – yokai góp mặt trong bộ phim năm 2005 của Miike Takashi *Yokai Daisenso (Yokai Đại Chiến).* Trong tâm trí công chúng, yokai có thể không còn vị thế chúng từng giữ trong quá khứ, nhưng chúng vẫn tiếp tục lẩn khuất trong nhịp đập mĩ học ẩn dưới bề mặt của văn hoá đại chúng Nhật Bản.

Hãy tìm hiểu về yokai và bạn sẽ hiểu thêm một mảnh ghép quan trọng mà văn hoá Nhật Bản vẫn thường thể hiện ra bên ngoài.

Đó chính là chỗ dành cho cuốn sách này. *Yokai Attack!* Là bí kíp cấp tốc giúp bạn tìm hiểu về những loài quái dị truyền thống của Nhật Bản. Yokai là những tạo vật hư ảo, gần như luôn lộ mặt vào ban đêm, nên mỗi người có một cách tiếp nhận khác nhau về việc chúng trông ra sao ngoài đời thực và chúng có thể mang những đặc điểm như thế nào. Cuốn sách này thể hiện một nỗ lực dung hoà những cách mô tả từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở ghi chép về những lần chạm trán riêng lẻ, tranh khắc gỗ Nhật Bản tiêu biểu, và tranh minh hoạ cổ được lưu giữ dưới dạng vi phim trong Thư viện Quốc hội Nhật Bản ở Tokyo.

Tranh minh hoạ hoàn toàn mới do hoạ sĩ tài năng Tatsuya Morino sáng tác, đặc tả chi tiết diện mạo tiềm năng của mỗi loài yokai. Trong nhiều trường hợp, chúng được khắc hoạ theo phong cách truyền thống, với một số khác, chúng tôi quyết định đưa vào vài ý tưởng hài hước về hình tượng chúng có thể có trong bối cảnh hiện đại. Đi kèm mỗi tranh minh hoạ là một loạt "dữ liệu" cho phép bạn nắm bắt các đặc điểm chính trong nháy mắt. Và quan trọng nhất, chúng tôi cung cấp thông tin về cách sống sót khi gặp phải những tạo vật kì dị này – bí kíp hữu ích cho bất kì nguy cơ chạm trán nào.

Đôi điều để tránh hiểu lầm về cuốn sách này. Nó không nhằm mục đích trở thành tư liệu xác thực về nguồn gốc hay hành vi của những tạo vật này. Nó chỉ là tập hợp của hiểu biết thông thường (hay có lẽ nên gọi là "hiểu biết phi thường"?) về yokai – những thứ mà một người

Nhật bình thường có lẽ sẽ biết. Hãy coi đây là bàn đạp để bạn tự khám phá sâu hơn, cũng như một công cụ giúp bạn hiểu được nhiều trích dẫn hay đề cập về yokai xuất hiện trong điện ảnh, văn học và kể cả đối thoại hằng ngày của Nhật Bản hiện đại.

Trong "yêu quái học" Nhật Bản truyền thống, những tạo vật này được phân loại theo nơi chúng thường xuất hiện. Môi trường sống thường gặp bao gồm trong và quanh nhà (cả có người ở lẫn bỏ hoang), rừng núi, chùa miếu, bờ hồ hoặc sông, vùng biển gần bờ, v.v... Nhưng để làm mọi thứ dễ hiểu hơn với bạn đọc mới, những người không mấy quen thuộc với bối cảnh truyền thống, ở đây chúng tôi tập hợp lại một bộ sưu tập nhỏ gồm những yokai nổi tiếng và có bề ngoài nổi bật nhất phân theo tính cách. **Quái thú hung tàn** là những loại bạn không muốn gặp phải trong ngõ tối (hoặc kể cả ngõ sáng). **Khẩu vị nặng** là những yokai có thói quen ăn uống khác thường. **Hàng xóm khó ưa** là loại khiến bạn ước rằng mình không bao giờ dọn nhà tới bên cạnh. **Điệu đà và Độc địa** sẽ quyến rũ con mồi bằng dáng vẻ thanh mảnh yểu điệu và sự cuốn hút xác thịt. Còn **Lũ Nhát Cáy** đúng như cái tên biểu thị: những yêu quái có lẽ sợ bạn hơn cả bạn sợ chúng.

Vậy nên hãy quên Godzilla đi. Hãy quên những loài quái thú khổng lồ bị choảng ngất ngư bởi vô số hiện thân của Ultraman, Kamen Rider, và Power Rangers. Hãy quên Sadako trong *Ring (Vòng tròn ác nghiệt)* lẫn đứa bé trắng toát ghê rợn của *Ju-on (Lời Nguyền)*. Hãy quên mọi thứ bạn biết về truyện kinh dị Nhật Bản.

Nếu bạn muốn sống sót sau cuộc đụng độ với thành viên của đàn yêu quái ghê rợn và hấp dẫn nhất Nhật Bản, bạn có thứ cần đọc bây giờ.

- Hiroko Yoda & Matt Alt
Tokyo
2012

Từ điển Yokai

CHO NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU!

Bakemono: Từ này có nghĩa rất rộng, có thể dùng để chỉ bất kì loại quái vật hay sinh vật siêu nhiên nào. Thường được dùng như từ đồng nghĩa của "yokai", đã từng được dùng riêng để chỉ những loại tạo vật giới thiệu trong cuốn sách này.

Biwa: Một loại đàn truyền thống cổ ngắn của Nhật Bản, du nhập tới Nhật Bản qua Trung Quốc vào khoảng thế kỉ thứ tám, bắt nguồn từ nhạc cụ tương tự ở Trung Đông.

Edo: Cũng phát âm là "Yedo". Tên của Tokyo trước khi trở thành thủ đô của Nhật Bản vào năm 1868.

Thời đại Edo: Kéo dài từ 1603 đến 1867. Các tác phẩm liên quan đến yokai, bao gồm hội hoạ, tranh khắc gỗ, và thẻ bài *karuta*, trở nên khá phổ biến trong thời kì này của lịch sử Nhật Bản.

Hearn, Lafcadio: (1850-1904) Là một nhà báo, nhà văn, nhà giáo, Hearn được biết đến nhiều nhất nhờ việc giới thiệu truyện ma Nhật Bản với cộng đồng nói tiếng Anh. Sinh ra ở Hy Lạp và được giáo dục ở Ireland, ông dành phần lớn sự nghiệp tại Mỹ và Tây Ấn trước khi đến Nhật. Ông lấy tên Yakumo Koizumi sau khi lấy Setsuko làm vợ và nhập quốc tịch Nhật Bản.

Thời đại Heian: Một thời kì trong lịch sử Nhật Bản, bắt đầu bằng việc dời đô đến Kyoto vào năm 794 và kéo dài đến năm 1185.

Heiankyo: Tên cũ của Kyoto, vốn là kinh đô của Nhật Bản trong hơn một ngàn năm. Vào năm 1868, thủ đô dời đến Tokyo.

Inoue, Enryo: (1858-1919) Nhà nghiên cứu tiên phong về các hiện tượng siêu nhiên Nhật Bản. Tác phẩm để đời của ông, một loạt sách và triết lí có tên *Yokaigaku* (Yêu quái học) đem lại cho ông biệt danh "Tiến sĩ Yokai". Dù nghiên cứu và những nỗ lực giáo dục của ông là nhằm xoá bỏ tín ngưỡng về huyền bí và siêu nhiên, nhưng bộ sưu tập của ông về các chuyện mê tín địa phương lại là kho tàng cho những người nghiên cứu văn hoá dân gian.

Kaidan: Đôi khi được viết thành "Kwaidan" (phương ngữ), từ này để chỉ truyện kinh dị và ma quái.

Kami: Dịch sát nghĩa là "thần", khái niệm này khác với cách dùng của phương Tây. Kami có thể dùng để chỉ đấng sáng thế toàn năng, nhưng cũng bao hàm hầu như mọi linh hồn, thần thánh, hay tồn tại thuộc thế giới khác. Xa xưa, nó thường được dùng để tả những tác động siêu phàm của tự nhiên.

Xem ảnh chụp đền thờ Shinto trong mục Kitsune (trang 154) và Hanadaka-tengu (trang 22).

Karuta: Bắt nguồn từ một từ tiếng Bồ Đào Nha có nghĩa "thẻ bài", những tấm thẻ giấy (sau này là bìa cứng) được trang trí cầu kì này dùng trong một trò chơi truyền thống của Nhật. Karuta thể hiện chủ đề yêu quái trở nên phổ biến trong thời Edo.

Koto: Một loại đàn nằm, dài khoảng 1,8 mét. Một số phiên bản là sản phẩm bắt nguồn từ Nhật Bản; một số khác là biến thể từ các nhạc cụ Trung Quốc tương tự.

Mononoke: Sự tồn tại siêu nhiên. Xem Bakemono và Yurei.

Obake: Dịch sát nghĩa là "quái vật đáng kính". Một phiên bản hiền lành, đáng yêu, gần gũi hơn của Bakemono.

Oni: Thường được dịch thành "quỷ", Oni mang hàm nghĩa sức mạnh tột bậc và không nhất thiết luôn luôn ám chỉ những tạo vật tà ác và gây hại. Phổ biến trong truyện dân gian Nhật Bản, chúng thường được miêu tả với diện mạo giống người có móng vuốt, răng nanh, da đỏ hoặc xanh lục, mặc khố da hổ, và đầu mọc một cặp sừng ngắn.

Shamisen: Một nhạc cụ truyền thống ba dây được chơi bằng móng gảy.

Shinto: Tôn giáo nguyên gốc của Nhật Bản, là một tín ngưỡng vật linh đa thần chú trọng tôn thờ tự nhiên. Trong khi số đông người Nhật Bản không tự nhận mình là người theo tôn giáo này, các đền thờ Shinto cực kì phổ biến trên khắp đất nước, và tín ngưỡng cốt lõi của nó vẫn có mối liên hệ mật thiết với văn hoá.

Shoji: Một vách ngăn trượt có phủ giấy lên khung gỗ. Một dạng vật dụng trong nhà truyền thống của Nhật Bản.

Toire: Phiên bản tiếng Nhật cho từ "toilet".

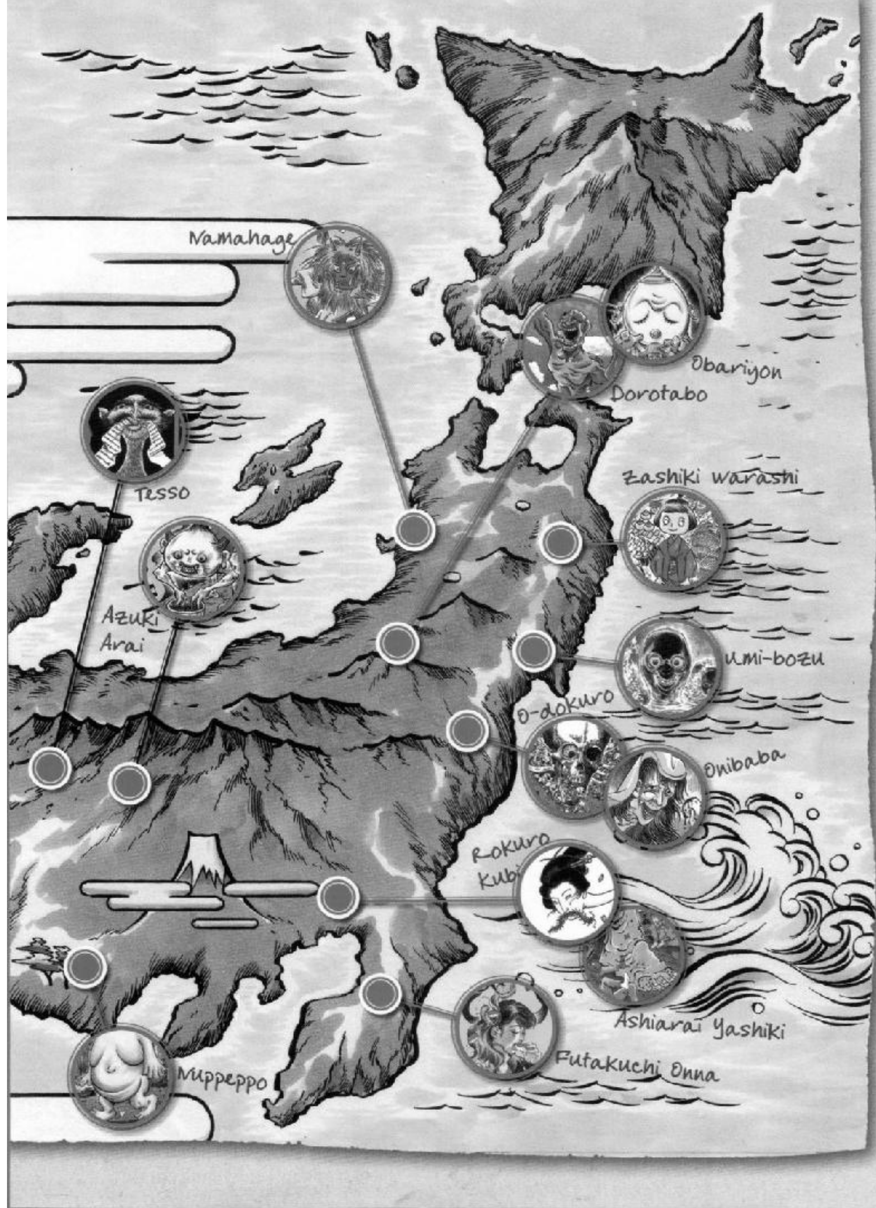
Toriyama, Sekien: (1712-1788) Một hoạ sĩ tranh khắc gỗ tài ba với sở thích miêu tả những chủ đề lấy từ truyện dân gian. Tranh minh hoạ tiên phong của ông về yokai và các tạo vật siêu nhiên khác vẫn rất phổ biến ngày nay. Một số bản sao các tác phẩm của ông có xuất hiện trong cuốn sách này.

Yanagita, Kunio: (1875-1962) Tác giả cuốn sách ra đời năm 1912 và có sức ảnh hưởng rất lớn, *Tono Monogatari* (Truyện kể ở Tono), giới thiệu lại với Nhật Bản đang hiện đại hoá nhanh chóng về một loạt những truyện dân gian, truyền thuyết và mê tín từ miền Viễn Bắc của đất nước này.

Yokai: Xem Lời nói đầu.

Yurei: Một linh hồn mà vì lí do nào đó, không sang thế giới bên kia. Về cơ bản là một hồn ma.


ĐỊA ĐIỂM NHIỀU KHẢ NĂNG LÀ KHỞI NGUỒN VÀ/ HOẶC NƠI BỊ BẮT GẶP GẦN ĐÂY NHẤT CỦA MỘT SỐ YOKAI.
Tsukumo-gami
Nure Onna
Wanyudo
Murikabe
Nue
Hashi Hime
Nobiagari
Tearai Oni
Tengu
妖怪地図
ĐỊA ĐỒ YOKAI



Namahage
Obariyon
Dorotabo
Tesso
Zashiki Warashi
Azuki
Arai
Umi-bozu
O-dokuro
Onibaba
Rokuro
Kubi
Ashiarai Yashiki
Futakuchi Onna
Nuppeppo

輪入道

車の轂に大なる入道の顔つきたるが
かた輪にてをのれとめぐりありくこれをみる者魂をうばふ
此所勝母の里と紙にかきて家の出入の



Quái thú hung tàn

Nói thẳng ra thì: Đụng độ với một thành viên của bầy đàn hung tàn này sẽ đưa bạn đến bệnh viện nếu bạn may mắn... và xuống mồ nếu không may.

Karasu-tengu

烏天狗

Âm Hán Việt:
Nha Thiên Cẩu.

Nghĩa tên:
Thiên Cẩu quạ.

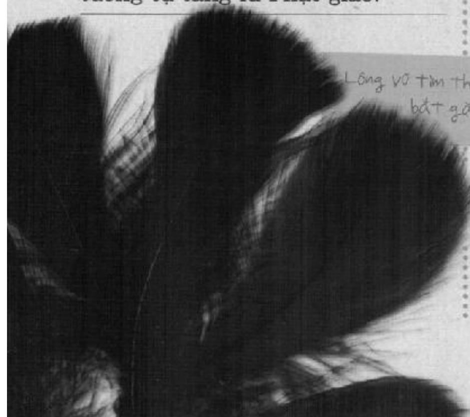
Giới tính:
Nam/ Nữ.

Chiều cao:
150 đến 180 cm.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Hai chân, bay, dịch chuyển tức thời.

Đặc điểm:
Nhìn chung có hình người.
Mặt giống chim hoặc chó, có mỏ.
Khi mặc đồ thì có trang phục tương tự tăng lữ Phật giáo.



Lông vũ tìm thấy gần địa điểm bắt gặp Karasu-tengu

Vũ khí tấn công:
Sức khoẻ phi thường.
Khả năng che mờ lí trí con người.
Chiếm cơ thể người (theo một số truyện kể).
Móng vuốt và khả năng biến hình!

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Vùng núi.

Danh tiếng:
Đôi cánh trên lưng có thể gợi liên tưởng đến thiên thần, nhưng sự tương đồng chỉ dừng ở đó. Khéo léo, xảo quyệt và cực kì nguy hiểm, những kẻ lừa đảo khó lường này liên tục có mặt trong thần thoại và truyện dân gian Nhật Bản. Cách miêu tả về chúng thay đổi nhiều qua các thế kỉ kể từ lần xuất hiện đầu tiên được ghi lại trong văn học Nhật Bản thế kỉ thứ tám, nhưng hãy để chúng tôi tóm gọn mấy ngàn năm lịch sử đó thành một câu ngắn gọn cho bạn: Tengu đồng nghĩa với rắc rối.

Theo *Truyện kể Heike,* một biên niên sử thế kỉ mười hai về âm mưu quân sự và



chính trị Nhật Bản, Karasu-tengu là "người, mà không phải người; chim, mà không phải chim; chó, mà không phải chó; chúng có đôi tay của người, đầu của loài chó, một đôi cánh, vừa biết bay vừa biết đi."

Về cơ bản, Karasu-tengu là phép ẩn dụ cho con đường tu hành để trở thành một nhà sư đạo Phật. Với hiện thân ban đầu, chúng được tả là rất thích bày trò lừa lọc, bắt cóc các tông đồ tới những vùng hẻo lánh, và mang những lốt khác nhau để dụ dỗ người tu hành cùng tín đồ ra khỏi con đường đúng đắn. Người ta cũng nói chúng có khả năng nhập vào cơ thể người, gây ra sự điên loạn hoặc khơi mào âm mưu chính trị. Trong nhiều năm chúng bị buộc tội đã gây ra đủ loại tai hoạ và hỗn loạn, bao gồm sự lan tràn bệnh dịch và những thiên tai khác. Tuy vậy, không phải lúc nào Karasu-tengu cũng bị coi là dấu hiệu của chết chóc và huỷ diệt. Chúng còn nổi tiếng nhờ kĩ năng sử dụng nhiều loại vũ khí và được xem là có công truyền thụ những kĩ năng ấy cho một số kiếm sĩ nổi tiếng nhất Nhật Bản.

Không rõ Karasu-tengu sinh sản như thế nào, nhưng cư dân của loài này có cả nam lẫn nữ. Người ta cho rằng chúng nở ra từ các quả trứng khổng lồ, đôi khi được những người lữ hành tìm thấy ở sâu trong núi.

Thông tin bên lề: Có truyền thuyết được lưu truyền rộng rãi rằng vị tướng nổi danh Minamoto no Yoshitsune (1159? – 1189) từng học kiếm thuật và chiến thuật quân sự từ một loài Tengu trong vùng núi gần Kyoto.

Đòn tấn công! Karasu-tengu là lực lượng bộ binh và hành pháp của giới Tengu. Không như người họ hàng Hanadaka-tengu (trang 22), thường tránh bạo lực bột phát, Karasu-tengu gây tai hoạ cả ở cấp độ cá nhân lẫn quy mô lan rộng. Chúng bảo vệ lãnh thổ nghiêm ngặt và sẽ tấn công không biết mệt những ai xúc phạm đến bản thân hay chủ nhân của chúng.

Nếu bạn thấy mình đối mặt với một Karasu-tengu giận dữ, bạn đã gặp phải rắc rối rất nghiêm trọng. Kĩ thuật điêu luyện với nhiều loại vũ khí nhân tạo vốn đã đủ nguy hiểm. Nhưng khả năng biến hình và bay còn khiến nó đáng sợ hơn bất kì đối thủ là con người nào, và bộ móng vuốt lẫn cái mỏ như loài chim săn mồi có khả năng

xé xác bạn không kém gì đao kiếm.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Nếu bạn tình cờ sống ở vùng mà một Karasu-tengu đã quyết định gieo rắc bệnh dịch hay một hình thức khác của tai hoạ hàng loạt, trường hợp gặp may bạn có thể gói ghém đồ đạc và chạy thoát thân. Nếu có một tên nhằm vào cá nhân bạn, bạn sẽ cần chuẩn bị thuốc men. Không con người nào có thể ngăn bước đường của Karasu-tengu cả.

Để đề phòng, bạn có thể tránh chọc giận Karasu-tengu bằng cách đối đãi cẩn trọng và tôn kính vùng núi mà chúng sinh sống. Và ai mà biết được – nếu bạn may mắn, bạn thậm chí còn có thể học được vài bài từ một trong những bậc thầy võ thuật trứ danh này nữa. Vào năm 1806, dân làng ở tỉnh Gifu cho biết Tengu từng bắt cóc một cậu bé mười lăm tuổi tên Jugoro. Ba năm sau cậu quay trở lại, hoàn toàn lành lặn, nhưng đã trở thành một xạ thủ lão luyện với *tanegashima*, một kiểu súng hoả mai đại diện cho vũ khí tân tiến của Nhật Bản vào thời đó.

Ý kiến học giả:
Nguồn gốc của Tengu có thể được dựa theo vị thần Hindu Garuda, một tạo vật lai biết bay mang hình dạng con người. Truyện kể về vị thần này lưu truyền đến Nhật Bản cùng với sự du nhập của đạo Phật gần như trong cùng một thời đại.





Hình ảnh Karasu-tengu qua nét vẽ của Toriyama Sekien vào khoảng những năm 1780.

THƯ VIỆN TENGU:
Người ta tin rằng Tengu được nhắc đến lần đầu trong cuốn sách lịch sử *Nihon Shoki* ("Nhật Bản Thư Kỉ") ở thế kỉ thứ tám.

Hanadaka-tengu

鼻高天狗

Âm Hán Việt:
Tị Cao Thiên Cẩu.

Nghĩa tên:
Thiên Cẩu Mũi Dài.

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
180 cm trở lên.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Hai chân, bay, dịch chuyển tức thời.

Đặc điểm:
Mũi rất lớn.
Cặp cánh lông vũ rộng.
Da đỏ tươi.
Chân đất hoặc mang guốc *geta* một răng.



Đôi guốc như trên được tìm thấy cạnh một ngôi miếu trên núi Takao, ngoại thành Tokyo.

Năng lực siêu nhiên:
Thần giao cách cảm.
Dịch chuyển tức thời.

Vũ khí tấn công:
Võ thuật kết hợp vũ khí, đặc biệt là kiếm thuật.
Khả năng tạo cuồng phong bằng quạt trông như cái lá.
Biến hình và bắt chước.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Vùng núi.

Danh tiếng:
Xuất hiện gần đây hơn khi xét trong hai "loài" Tengu riêng biệt được coi là sinh sống tại quần đảo Nhật Bản (xem Karasu-tengu, trang 18). Diện mạo của Hanadaka-tengu dựa trên vẻ bề ngoài của *yamabushi*, người tu hành dòng Shugendo, một tôn giáo hiến mình cho chủ nghĩa khổ hạnh và rèn luyện trong những tu viện vùng núi cao hẻo lánh. Tengu là những tạo vật khổng lồ, cường tráng, có mũi đặc biệt dài, màu da đỏ tươi, và đôi cánh lông vũ đồ sộ. Loại mạnh nhất được



gọi là O-tengu (Đại Thiên Cẩu), và được cho là thủ lĩnh của tộc Tengu. Người ta nói Hanadaka-tengu đứng cao hơn Karasu-tengu trong hệ thống phân chia giai cấp của Tengu.

Nổi danh bởi tính tự cao tự đại, chúng được biết đến như những kẻ thích khoe khoang kiến thức uyên bác của mình, và cũng như Karasu-tengu, từng được xem là có công truyền thụ kĩ năng cho một số võ sư hàng đầu Nhật Bản. Nắm giữ một nền văn hoá tỉ mỉ cùng mối liên hệ sâu sắc với thần thoại, tôn giáo và võ thuật Nhật Bản, Tengu thường được mô tả như những tiểu thần. Đến tận ngày nay, người ta vẫn thường bắt gặp tại Nhật những chiếc mặt nạ truyền thống mang diện mạo của chúng.

Mặt nạ Tengu



Những yokai này có rất nhiều loại năng lực đáng gờm – bao gồm khả năng giao tiếp mà không cần mở miệng, cùng tốc độ bay được tả là có thể sánh ngang với máy bay phản lực.

Đòn tấn công!

Nổi tiếng là rất chú trọng kỉ luật và rèn luyện tâm trí, Hanadaka-tengu hiếm khi tham gia vào hành vi bạo lực bừa bãi. Thay vào đó, nó thích bày trò chơi xỏ con mồi, thường là trong nỗ lực dạy cho những linh hồn ương bướng một bài học. Thông thường nạn nhân của trò chơi khăm này sẽ bị bắt cóc tới một nơi hẻo lánh. Trong một sự việc nổi bật năm 1812, một người đàn ông trần truồng đã rơi từ trên trời xuống khu phố ở quận Asakusa, Tokyo. Mất phương hướng nhưng hoàn toàn lành lặn, anh ta tuyên bố kí ức cuối cùng của mình là đang leo núi ở vùng sườn núi Kyoto, địa điểm từ lâu đã được biết đến như hang ổ của Tengu.

TỤC NGỮ TENGU:
"Tengu ni naru" – phù hợp với sở thích dạy dỗ và khoe tài của Tengu, câu tục ngữ trên có nghĩa "khoe khoang" hay "tỏ ra tự tin thái quá."

Thoát hiểm khi đụng độ:
Những người khiêm tốn và trong sáng không việc gì phải sợ Tengu, nhưng bất hạnh sẽ tìm đến những kẻ ngạo mạn và tự đại. Nếu bạn chọc giận một Tengu, e rằng chẳng điều gì chúng tôi đưa ra trong cuốn sách này có thể giúp được bạn. Chúng tôi có nên đề xuất bạn thay đổi thái độ và lối sống không?

Bị thả trên đường phố Tokyo trong tình trạng trần như nhộng mới chỉ xấu hổ thôi; bạn còn có thể thấy mình khoả thân trên một đỉnh núi hẻo lánh.

DU LỊCH TENGU
Núi Takao là địa điểm có đền thờ Tengu. Nó đã (và đang) là nhà của không chỉ những người tu hành dòng Shugendo mà còn của số lượng lớn sóc bay khổng lồ Nhật Bản. Một số nhà khoa học đưa ra giả thuyết rằng sự kết hợp của hai loại cư dân này có thể là nguyên nhân hiện tượng bắt gặp Tengu hoạt động về đêm từng xảy ra rất nhiều ở đây.

Và những kiểu chơi khăm này cho thấy bạn vẫn chưa chọc giận Hanadaka-tengu đến mức khiến nó thực sự tức giận, bởi trong trường hợp đó, bạn có thể thấy mình đối mặt với mũi kiếm *katana* sắc bén – hay bị thổi bay bởi một cú vẫy quạt, mà nếu mạnh hết sức có thể tạo ra cơn cuồng phong còn dữ dội hơn cả một trận lốc.

Kết luận: Giải pháp tốt nhất để sống sót là thỉnh cầu Tengu rủ lòng thương xót. Hãy van xin để cứu lấy cái mạng của mình.

Bí kíp Tengu:
Hãy học thuộc thang giai cấp Tengu. Cuốn sách thời Edo *Tengu-kyo* (Thiên Cẩu Kinh) miêu tả bốn mươi tám ngọn núi Nhật Bản gắn với các bộ tộc Tengu cụ thể. Ví dụ, núi Atago ở Kyoto là quê hương của một bộ tộc do Tarobo đứng đầu; với ngọn núi Kurama gần đấy là tộc Sojobo. Ngay cả núi Phú Sĩ cũng là nơi cư trú của tộc Daranibo. Tổng số thành viên của tất cả các tộc ước tính vào khoảng 125.500 Tengu theo tác giả cuốn sách, cho bạn một hình dung sơ bộ độ phổ biến của những tạo vật này.



Một bức tranh năm 1867 của Yoshitoshi. Quả thực là đất mới Tengu! (Không khuyến khích dân nghiệp dư.)

YOKAI SỐ: 003

Kappa

河童

Âm Hán Việt:
Hà Đồng.

Nghĩa tên:
"Đứa trẻ ở sông", Yêu tinh nước.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Gawappa, Kawataro, Sui-tengu, Suiko.

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
100 đến 150 cm.

Cân nặng:
30 đến 45 kg.

Cách di chuyển:
Hai chân hay bốn chân (trên mặt đất), ngón tay/ chân có màng (dưới nước).

Đặc điểm:
Miệng giống mỏ chim;
Mai rùa trên lưng;
Da giống ếch, lột được;
Đĩa lõm chứa nước trên đỉnh đầu; Ba hậu môn và mùi "cá" nồng nặc

Vũ khí tấn công:
Móng vuốt, cánh tay có thể kéo giãn, cơ thể phồng lên cực độ.

Điểm yếu:
Mất nước, đặc biệt là "cái đĩa trên đầu", khi bị đổ sẽ khiến kappa cạn kiệt sức lực. Cực kì ghét sắt, sừng hươu, và khỉ.

Số lượng:
Phổ biến Nhưng có lẽ đang giảm vì sự nóng lên toàn cầu?

Nơi cư trú:
Sông, hồ, đầm lầy, đất trũng, và ven bờ biển.

Danh tiếng:
Nếu bạn từng nghe về một yokai bất kì nào đó thì có lẽ chính là kappa. Rõ ràng là yokai nổi tiếng nhất Nhật Bản, tạo vật lưỡng cư này từ lâu đã khét tiếng là một mối hoạ tồi tệ của vùng sông hồ, đầm lầy, bờ biển, cùng những nơi chứa nước khác ở Nhật. Chúng cũng được biết đến là thường trú ngụ tại các kiến trúc nhân tạo như bể nước hay ao hồ trong vườn. Đôi khi chúng bị bắt gặp trên đất liền ở vùng núi vào mùa đông, khi nơi ở dưới nước bị đóng băng. Chúng để lại dấu vết qua mùi cơ thể nồng nặc, được cho là khiến người ta nghĩ tới phân ủ thối rữa. Kappa là "ông ba bị" truyền thống được các ông bố bà mẹ người Nhật dùng để doạ trẻ



nhỏ không tới chơi gần sông hồ khi không có người lớn trông nom.

Theo một câu chuyện, khoảng chín nghìn cá thể của loài tạo vật này đã bơi tập thể từ Trung Quốc sang Nhật Bản vào khoảng thế kỉ thứ năm. Dù nguồn gốc thực sự của chúng là gì, chúng cũng đã trở thành yokai đặc trưng của hệ thống thờ phụng dân gian Nhật Bản.

THÀNH NGỮ KAPPA:

KAPPA NO KAWANAGARE: – "Ngay cả kappa cũng có thể chết đuối" – một thành ngữ có nghĩa là ngay cả chuyên gia cũng phạm sai lầm.

RIKU NI AGATTA KAPPA: – "Như kappa trên cạn" – một câu nói chỉ tình huống ai đó bị tách khỏi môi trường quen thuộc của mình.

HE NO KAPPA: – "Như kappa xì hơi" – là phiên bản tiếng Nhật của câu "dễ như ăn bánh!"

KAPPA-HAGE – Từ chỉ một người có mảng hói tròn trên đỉnh đầu.

Đòn tấn công!

Dù thường được cho là không hiếu chiến, kappa có thể vô cùng ác độc khi nổi giận. Đặc biệt nổi tiếng với việc thách thức người qua đường bất cẩn tham gia đấu vật *tay đôi* với mình, chúng còn khét tiếng vì hay tập kích và dìm chết những người lỡ dại bơi ở vùng nước vắng hay nước xiết. Một chiến thuật của chúng là đơn giản kéo nạn nhân xuống dưới mặt nước. Một cách khác là moi ruột người bơi từ bên dưới bằng cách thọc bàn tay nhớp nháp qua... ừm, tuỳ bạn tưởng tượng. Mục tiêu của kappa không phải là bản thân bộ ruột của nạn nhân, mà là *shirikodama*, một bộ phận bí ẩn được cho là nằm trong ruột già.

Thoát hiểm khi đụng độ:

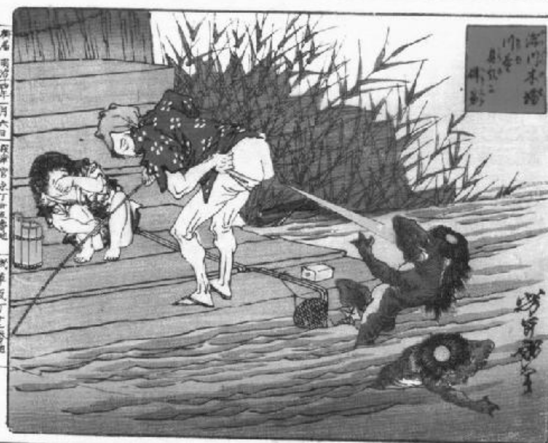
Nếu bị thách đấu vật:

1) Bấm bụng lịch sự nhận lời.

2) Cúi chào thật sâu (dù sao thì bạn cũng đang ở Nhật Bản). Việc này sẽ khiến kappa làm đổ nước trong đĩa trên đầu, rút cạn sức lực của nó như rút nước trong bồn tắm.

3) Kiên quyết yêu cầu đấu vật dưới ánh mặt trời để đẩy nhanh tốc độ bốc hơi. (Cảnh báo: chỉ hiệu quả trong ngày nắng.)

4) Khi gặp thế bí, quăng một quả dưa chuột tươi – một trong các món ăn ưa thích của kappa – vào vòng đấu. Thứ này có thể phân tán sự chú ý của nó đủ lâu để bạn cướp đường chạy thoát.



Có thể đuổi kappa bằng cách xì hơi hay không? Bức tranh khắc gỗ năm 1881 của Yoshitoshi trên đây có vẻ gợi ý như vậy.

Nếu bạn đương đầu với kappa dưới nước:

1) Đừng hoảng loạn.

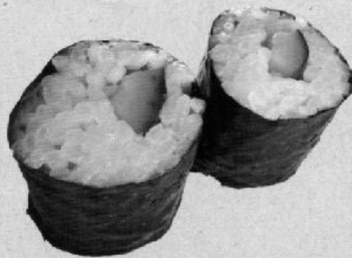
2) Bình tĩnh tìm đường vào bờ.

3) Tạo vật này thi thoảng có giúp trẻ con đang đuối nước vào bờ, vậy nên hãy thử cư xử thật trẻ con. Ai biết được? Việc đó có thể giúp bạn – và ruột già của bạn – thoát nạn.

Trang phục Kappa:
Kappa phải rời khỏi mặt nước và lột bỏ bộ da không thấm nước – gọi là *amagawa* – để ngủ. Một kappa không có *amagawa* sẽ hoàn toàn vô phương phòng vệ: nó không thể xuống nước! Vì thế ở Nhật, áo mưa còn được gọi là *amagawa*.

Danh thắng Kappa:
Khu vực Kappabashi (Cầu Kappa) ở Tokyo, như cái tên gợi ý, có mối liên hệ sâu sắc với những tạo vật sông nước kì lạ này. Truyền thuyết cho rằng cây cầu Kappa đầu tiên được xây bởi một thương nhân bán áo mưa mướn kappa làm nhân công. Vị trí của cây cầu trước đây, nay thuộc về một ngôi chùa, Sogenji, còn được biết tới với biệt danh Kappa-dera (Chùa Kappa).

Món ăn Kappa:
Món sushi phổ biến *Kappa Maki* (cơm cuộn dưa chuột) lấy tên từ loài yokai này.



Cơm cuộn Kappa Maki

Zashiki Warashi

座敷童子

Âm Hán Việt:
Toạ Phu Đồng Tử.

Nghĩa tên:
"Em bé trong phòng."

Giới tính:
Nam/ Nữ.

Chiều cao:
Bằng đứa trẻ năm tuổi.

Cân nặng:
Bằng đứa trẻ năm tuổi.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Giống một đứa trẻ mặc trang phục truyền thống Nhật Bản.

Vũ khí tấn công:
Gia tài lụn bại, xã hội xa lánh
và mâu thuẫn gia đình!!

Điểm yếu:
Bị bỏ mặc.

Số lượng/ Địa phương:
Hiếm gặp/ Miền Bắc Nhật Bản.

Nơi cư trú:
Hộ gia đình hạnh phúc.

Danh tiếng:
Vẻ ngoài đáng yêu dễ gần che giấu khả năng đáng gờm của loài yokai này trong việc huỷ hoại cuộc sống con người. Nhưng đừng hiểu lầm: đó không phải sự giận dữ hay oán hận. Trên thực tế, nó rõ ràng chỉ toàn vui đùa hầu hết thời gian.

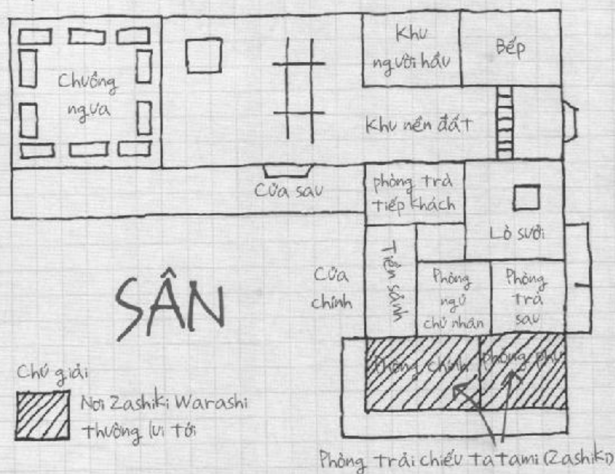
Lấy tên từ một danh từ trong tiếng Nhật chỉ căn phòng trải chiếu *tatami* truyền thống và một từ cổ có nghĩa "em bé", khi vui vẻ, Zashiki Warashi là một loại bóng ma thân thiện. Nó đặc biệt thích bày trò nghịch ngợm, bao gồm trèo lên người đang ngủ vào ban đêm, lật tung chăn gối, phát ra tiếng nhạc từ những căn phòng không người, và lẩn trốn trong đám đông trẻ con vào bữa ăn.

Về cơ bản, đây là loài yokai mà bạn muốn nó ám nhà mình, vì sự có mặt của Zashiki Warashi là dấu hiệu của vận may. Vấn đề sẽ đến khi nó bỏ đi.

XEM BẢN ĐỒ TRANG 32


小判

YOKAI SỐ: 004 ZASHIKI WARASHI



Đòn tấn công!
Zashiki Warashi không chủ động gây sự. Trông nó giống một đứa trẻ vô hại. Vậy thì có gì đáng sợ? Mấu chốt nằm ở đó. Vận may huy hoàng mà Zashiki Warashi mang lại chỉ kéo dài chừng nào nó còn ở trong nhà bạn. Chính sự hiện diện của nó là một yêu cầu không lời, đòi hỏi sự tôn trọng và chăm sóc. Nếu nó – hay cụ thể hơn là mái nhà nó sinh sống – bị bỏ mặc, nó sẽ rời đi. Và khi Zashiki Warashi bỏ đi, bạn cùng gia đình gần như chắc chắn sẽ gặp rắc rối, vì tán gia bại sản, tai hoạ, hay mâu thuẫn gia đình chắc chắn sẽ kéo tới. Một mái nhà vắng bóng Zashiki Warashi thì đang trên đà huỷ diệt.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Hãy coi Zashiki Warashi như một đứa con nuôi. Hãy chăm nom ngôi nhà của bạn cùng mọi người trong đó, và Zashiki Warashi sẽ chăm sóc bạn. Loài yokai này về cơ bản là sự phản ánh mức độ hạnh phúc của một hộ gia đình. Nếu nó bỏ đi, đã quá muộn cho bạn và gia đình bạn.

Theo dấu Zashiki Warashi:
Dù có sở thích chơi đùa và nghịch ngợm, Zashiki Warashi thực ra là kẻ nhút nhát, có xu hướng trốn tránh mọi người trừ những thành viên của mái nhà nó sống, và thường chỉ hiện



Những phần lễ vật "Thịnh Vượng" được bán ở chùa để cầu loại may mắn mà Zashiki Warashi có thể đem lại

Zashiki Warashi trong "Truyện kể ở Tono"

TOHOKU, NHẬT BẢN – Năm 1910, nhà nghiên cứu truyện dân gian Yanagita Kunio xuất bản một tập truyện ông được nghe kể từ cư dân của Tono, một ngôi làng hẻo lánh nằm sâu trong vùng "đất tuyết" ở miền Bắc Nhật Bản. Một trong số đó có liên quan đến Zashiki Warashi.

Theo một người già trong làng, gia đình Yamaguchi từng giàu có đến mức nhiều người tin rằng hộ gia đình này nuôi không chỉ một mà những hai Zashiki Warashi. Một hôm, khi còn trẻ, ông tình cờ gặp hai bé gái lạ mặt băng qua cầu vào Tono. Chúng bước đều nhịp và có vẻ trầm tư suy nghĩ. Vì nơi đây ít khi có khách lạ ghé thăm, ông hỏi hai bé gái chúng từ đâu tới. Chúng trả lời mình vừa rời khỏi nhà Yamaguchi. Ông tò mò gặng hỏi đích đến. Chúng đáp rằng chúng chuẩn bị tới một mái nhà mới, với cái tên mà người đàn ông nhận ra thuộc về một gia đình giàu có trong ngôi làng bên cạnh.

Vài ngày sau, hai mươi thành viên nhà Yamaguchi thiệt mạng trong một tai nạn kì quặc, họ ăn nhầm phải nấm độc trong bữa tối. Chỉ có cô con gái bảy tuổi của nhà Yamaguchi sống sót. Tại thời điểm ông lão kể với Yanagita câu chuyện này vào nhiều năm sau, cô con gái nọ đã qua đời, không con cái và bệnh tật, trong khi gia đình ở ngôi làng bên cạnh vẫn tiếp tục sung túc và thịnh vượng.

hình trước những đứa trẻ rất nhỏ. Rắc tro lên nền nhà vào buổi tối có thể sẽ lưu lại những dấu nhân nhỏ xíu của nó vào buổi sáng.

Những ai muốn đối mặt với loài yokai này nên đến thăm một căn phòng trong khách sạn mang tên Ryokufuso ở khu vực Kindai-Ichi Onsen thuộc tỉnh Iwate. Truyền thuyết kể rằng đây là nhà của một Zashiki Warashi. Có vẻ như không hiếm người muốn làm quen với yokai hiền lành này, vì khách sạn thường được đặt kín phòng trước tận hai năm.

Wanyudo

輪入道

Âm Hán Việt:
Luân Nhập Đạo.

Nghĩa tên:
Bánh xe lửa.

Giới tính:
Nam.

Kích thước:
Đường kính khoảng 1 mét.

Cách di chuyển:
Bay.

Đặc điểm:
Một bánh xe bốc lửa có mặt người ở trục.

Vũ khí tấn công:
Tia nhìn chết người.

Điểm yếu:
Ofuda (bùa giấy).

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Vùng thành thị.



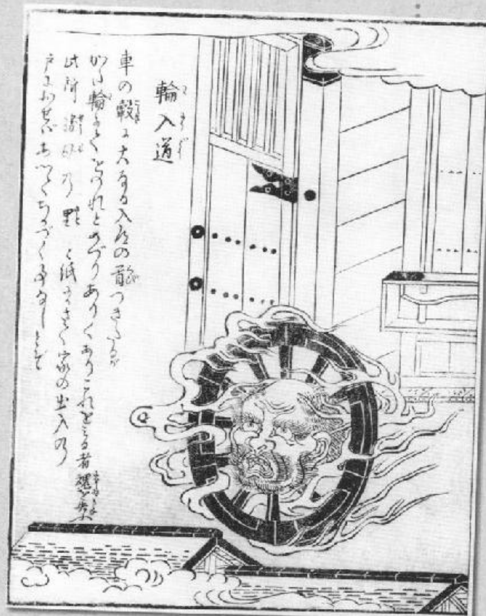
Danh tiếng:
Là một trong những yokai lâu đời nhất; nguồn gốc của Wanyudo dẫn chúng ta đi ngược hơn một ngàn năm về tận thời đại Heian. Khi một quý tộc hung tàn có sở thích ngược đãi dân chúng bị ám sát trong một chuyến dạo quanh kinh thành bằng xe bò, linh hồn oán hận của ông ta trở lại dưới dạng Wanyudo. Một số người cho rằng ngày nay nó vẫn tiếp tục ám các đường phố của Kyoto cùng những thành phố khác. Lấy hình dạng một bánh xe bốc lửa quay tròn với khuôn mặt người giận dữ ở trục bánh xe, Wanyudo thường bị bắt gặp trong các thành phố lớn, đặc biệt là các khu dân cư.

Đòn tấn công!
Những ai không may thấy mình lạc vào đường đi của Wanyudo trên hành trình thịnh nộ xuyên qua màn đêm sẽ bị cán lên và xé rời tứ chi không thương tiếc, những gì còn lại của họ sẽ nằm cháy âm ỉ trên đường phố. Trong thực tế, người ta cho rằng những ai lỗ dại nhìn chòng chọc vào Wanyudo khi nó lăn và đốt cháy đường nó đi qua bầu trời thành phố coi như tự từ bỏ



mạng sống – cùng linh hồn – cho tạo vật giận dữ này. Sức mạnh của gương mặt yokai tàn bạo này lớn đến mức ngay cả một cái liếc nhìn ngắn nhất, nhanh nhất cũng đủ gây ra cơn sốt dữ dội, đe doạ tính mạng của người chứng kiến.

Trong một truyền thuyết đô thị nổi tiếng liên quan đến Wanyudo, một người phụ nữ ngó ra ngoài nhà để nhìn trộm tạo vật này đã được tha chết, nhưng rồi cô ta giật mình nhìn thấy những cẳng chân bé xíu lủng lẳng trên các nan xe. Người ta kể rằng nó đã gầm lên với cô: "Nếu ngươi có thời gian nhìn ta thì hãy đi chăm con của ngươi đi!" Người phụ nữ làm theo và kinh hoàng phát hiện hai chân đứa con của mình đã biến thành hai gốc chân cụt đẫm máu.



Wanyudo của Sekien

Thoát hiểm khi đụng độ:
Giải pháp truyền thống là rời ánh mắt đi nơi khác. Và nếu bạn có vô tình thoáng nhìn thấy, hãy nhớ kĩ rằng một số người chỉ ngất đi khi nhìn thấy tạo vật này chứ không chết. Cuộc sống vốn khó lường mà.

Một phương pháp truyền thống khác để sống sót sau khi gặp phải Wanyudo là ẩn nấp. Wanyudo là tạo vật của bóng đêm; khi trời sáng, nó sẽ quay về vùng núi, nơi nó ngủ vùi để chờ đợi một đêm kinh hoàng mới. Trước lúc đó, dù làm gì, dù nghe thấy gì, dù bị cơn thịnh nộ nổi lên ngoài cửa cám dỗ đến đâu, cũng *đừng nhìn Wanyudo.*

Nơi an toàn nhất để trốn khỏi Wanyudo là trong nhà. Khi bạn đã tìm được một kiến trúc thích hợp, hãy dán *ofuda*, là những mảnh giấy thiêng được viết dòng chú "kono-tokoro-shobo-no-sato," lên cửa để ngăn con yêu quái ở ngoài. Cho dù tiếng ồn

bên ngoài có vẻ đã lắng xuống, hướng hành động an toàn nhất là tiếp tục ẩn nấp cho đến khi mặt trời mọc. Wanyudo quá nguy hiểm để đánh liều ra ngoài sớm hơn.

Xua đuổi Wanyudo:
Cả truyền thuyết về người mẹ bất cẩn khiến con mình gặp hạn lẫn việc vẽ bùa giấy *ofuda* đều mang âm hưởng Khổng giáo sâu sắc. Triết gia người Trung Quốc Khổng Tử đề cao sự kính trọng với người lớn tuổi (bên cạnh nhiều đức tính khác), và tư tưởng của ông lưu truyền rộng rãi khắp châu Á. Dòng chữ "kono-tokoro-shobo-no-sato", dịch sát nghĩa là "đây là thị trấn của Shobo", ám chỉ câu chuyện liên quan đến một trong các học trò của Khổng Tử đã lảng tránh thị trấn cùng tên vì hai chữ "Shobo" có thể đọc thành "thắng mẫu".

Với những ai có hứng thú với việc tự làm bùa ofuda để ngăn Wanyudo, Hán tự cụ thể của dòng chữ như sau:

此所勝母乃里

HÃY CẮT LÁ BÙA NÀY RA VÀ DÁN LÊN ĐỂ GIỮ WANYUDO Ở NGOÀI!



此所勝母乃里

Neko-mata

猫又

Âm Hán Việt:
Miêu Hữu.

Nghĩa tên:
"Mèo phân nhánh"; Hai Đuôi.

Giới tính:
Nam hoặc Nữ.

Chiều dài:
Bằng mèo nhà hoặc gấp hai, ba lần mèo nhà.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Bốn chân hoặc hai chân.

Đặc điểm:
Hai đuôi hoặc đuôi chẻ đôi.

Vũ khí tấn công:
Biến hình, móng vuốt, răng.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Bất cứ nơi nào mèo sinh sống.

Danh tiếng:
Trái ngược với quan điểm phương Tây rằng mèo lấy trộm hơi thở của trẻ sơ sinh, tín ngưỡng Nhật Bản cho rằng mèo cần phải tránh xa người vừa qua đời, để tránh việc nó thổi sinh mệnh mới vào xác chết.

Tại bối cảnh rùng rợn đó, người ta cho rằng khi một con mèo đến độ tuổi nhất định – theo một số nguồn tin là hơn bốn mươi năm; một số nguồn khác, chỉ cần mười một năm – đuôi của nó sẽ tự tách đôi và nó sẽ có năng lực siêu nhiên. Những truyền thuyết khác kể rằng mèo bị con người ngược đãi hoặc giết chết sẽ hoá thành oán linh rồi quay trở về. Lũ mèo siêu nhiên này được gọi chung là Bakeneko (dịch sát nghĩa là "quái vật mèo") hay Neko-mata.

Neko-mata tiếp xúc với thế giới loài người bằng đủ cách. Thường bị bắt gặp đang nhảy múa hoặc nói chuyện bằng tiếng người, chúng cũng được xem là nguồn gốc của lửa ma trơi và các dạng hiện tượng



Một Bakeneko ăn vận bảnh bao trong tranh khắc gỗ cổ.



siêu nhiên khác trong môi trường. Tương tự như Kitsune (trang 154) và Tanuki (trang 126), người ta tin rằng Neko-mata có khả năng bắt chước hình dạng các loài khác. Dù nó dạo quanh các đường phố như một con mèo bình thường, nó có thể biến hình lớn hơn kích cỡ mèo thường rất nhiều.

Đòn tấn công!

Neko-mata bị e sợ vì khả năng điều khiển xác chết như phù thuỷ. Chúng thực hiện việc này bằng cách nhảy qua đầu xác người mới chết, sử dụng cơ thể bị dựng dậy để trả thù những kẻ hay những gia đình mà chúng tin là đã có lỗi với chúng.

Một Neko-mata từng được biết đến với việc đã tấn công và thậm chí ăn thịt con người. *Meigetsuki* ("Minh Nguyệt Kí"), cuốn nhật kí vào thế kỉ mười ba của một quý tộc Kyoto, kể lại một vụ tấn công kinh hoàng mà ở đó, một Neko-mata trong cơn thịnh nộ đã ăn sạch bảy hay tám người chỉ trong một đêm. Trong khi ấy, tập tư liệu năm 1708 *Yamato Kaiiki* ("Kí sự chuyện quái dị ở Nhật Bản") miêu tả một vụ việc, trong đó một con vật vạm vỡ dài tới 1,5 mét từ đầu tới đuôi đã vồ một samurai đang nghỉ trong chính nhà của mình.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Mẹo truyền thống để tránh cơn giận của Neko-mata rất đơn giản. Đừng ngược đãi mèo. Hay nói chung là bất kì loài vật nào. Cốt lõi của loài yokai này là một phép ẩn dụ về hậu quả của việc hành hạ những loài nhỏ bé và yếu ớt hơn bạn.

Với những chủ nhân thú cưng đang lo lắng, có một cách dễ dàng để ngăn chú mèo nhà

Chuyện bên lề về cái đuôi:
Rất nhiều mèo ở Nhật Bản là mèo đuôi cộc hoặc không đuôi. Một số người phỏng đoán độ hiếm của mèo đuôi dài đã làm dấy lên truyền thuyết về Neko-mata.



Tranh vẽ Neko-mata khiêu vũ của Toriyama Sekien

thân yêu của mình biến thành Neko-mata. Trước khi nhận nuôi bất kì con mèo nào, bạn phải nói rõ với nó: "Tao sẽ chỉ chăm sóc mày ba năm." Câu nói này thành lập một kiểu khế ước, sau đó con mèo sẽ có quyền tự do đi hoặc ở tuỳ ý. Và nhân tiện đừng quên tích trữ bạc hà mèo.

Kẻ liếm đèn:
Neko-mata nổi tiếng với thói quen ăn uống kì dị, bao gồm không chỉ đôi khi ăn thịt người mà còn thèm muốn cả dầu đèn. Trước thời có điện, những cây đèn kim loại đốt dầu thực vật là nguồn chiếu sáng chủ yếu, và người ta nói rằng lũ mèo ma mãnh sẽ uống dầu từ những chiếc đèn nếu không ai để mắt tới. Nhưng vì sao lại là dầu đèn? Hồi đó, thịt không có trong thực đơn của người Nhật, vốn bao gồm chủ yếu là cơm, và áp dụng cho cả thú nuôi. Khi một con mèo thèm chất béo và protein bổ sung nhưng lại quá lười để ra ngoài bắt chuột, nó dễ húp trộm một ngụm dầu từ đĩa nhiên liệu của cái đèn gần đó để thay thế. Vì đèn thường được đặt trên bàn, một con mèo cần phải đứng trên hai chân sau để với tới món này. Khi nhìn thoáng qua bóng nó qua lớp vách giấy shoji, bóng đen lù lù của một con mèo nhà thông thường dễ dàng bị nhầm thành một yêu quái mèo đi bằng hai chân thay vì bốn.

DẤU HIỆU CHO THẤY MÈO CỦA BẠN CÓ THỂ LÀ NEKO-MATA

1) Cái đuôi thứ hai xuất hiện

2) Thèm dầu đèn

3) Thích đi bằng hai chân

4) Đột nhiên tiến bộ trong khả năng đối thoại

5) Phát hiện danh mục bài hát mới

6) Thích nhảy nhót quá mức

7) Thèm khát thịt người vô độ

QUÁI THÚ HUNG TÀN

Nue

鵺

Nghĩa tên:
Quái thú lai tạp Nhật Bản.

Tên Hán Việt khác:
Quái Điểu, Dạ Điểu, Nô Diên Điểu.

Giới tính:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Bốn chân, bay.

Đặc điểm:
Đa dạng. Xem thêm bên dưới.

Năng lực siêu nhiên:
Cưỡi mây bão.
Thở ra lửa.

Vũ khí:
Tiếng rít ghê rợn.

Số lượng:
Hiếm.

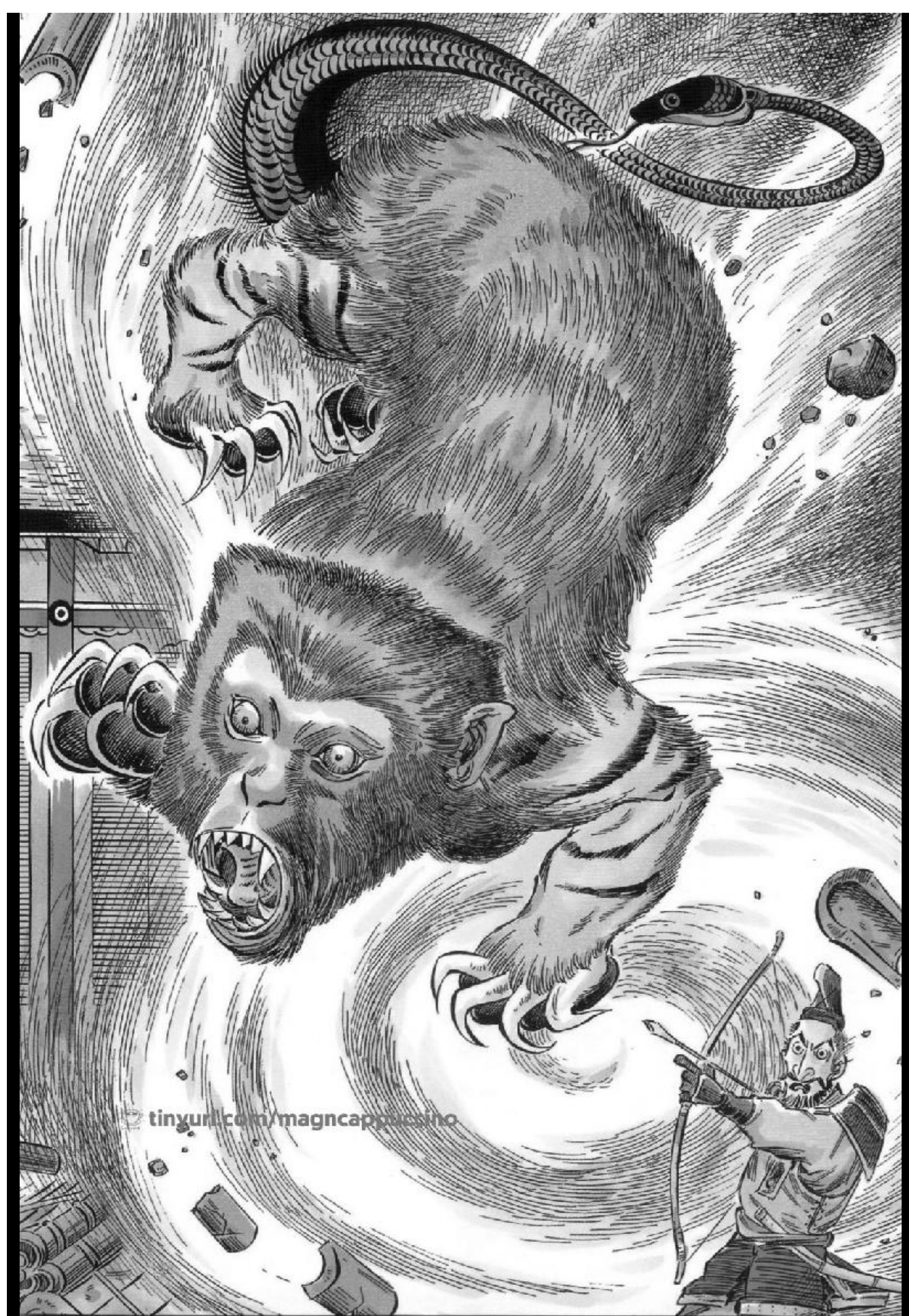
Nơi cư trú:
Mây bão.

Danh tiếng:
Là điềm báo của rủi ro và bệnh tật, loài Nue đáng sợ được miêu tả lần đầu trong sử thi thế kỉ mười hai *Truyện kể Heike* là một loài vật đầu khỉ thân *tanuki* (lửng chó Nhật Bản), có bốn chân hổ và một cái đuôi rắn. Qua nhiều thế hệ, có cả miêu tả về các dạng pha trộn khác, bao gồm đầu khỉ, thân hổ, chân tanuki và đuôi cáo. Đôi khi nó thậm chí còn xuất hiện dưới dạng sinh vật giống chim có mặt người.

Nue là một loại tạo vật mơ hồ và khó đoán, giỏi lẩn trốn và khó xác định đặc điểm cụ thể. Bởi mức nguy hiểm cực độ của việc tiếp cận loài yokai này, ngày nay người ta vẫn chưa biết liệu những dáng vẻ khác nhau kia đại diện cho một hay nhiều "giống" khác nhau. Một số giả thuyết cho rằng diện mạo quái dị của Nue thực ra là một loại ảo giác quang học. Trí óc con người không thể dung hợp hình



Nue thường được miêu tả là tổng hợp đặc điểm của những con vật trên.



dạng thực và bản chất của quái thú, dẫn đến kết quả là một hình ảnh chắp vá từ nhiều loài vật khác nhau khi bộ não cố gắng hợp lí hoá thứ mà nó thực sự đang nhìn thấy. Nếu chuyện là như vậy thì hình dạng thật của nó hẳn còn kì dị hơn những gì chúng ta có thể tưởng tượng.

Nhiều trường hợp bắt gặp loài quái thú này đã được ghi lại trong nhiều năm. *Tuyển tập truyện dân gian Nhật Bản* của Fujisawa Morihiko liệt kê không dưới mười một lần xuất hiện trong khoảng từ năm 905 đến năm 1774. Lần nổi tiếng nhất xảy ra vào mùa xuân năm 1153, khi một đám mây đen kì lạ xuất hiện trên Hoàng Cung hết đêm này sang đêm khác, quấy nhiễu giấc ngủ của Thiên hoàng Konoe với những cơn ác mộng kinh hoàng liên tiếp, rút cạn sức khoẻ của ngài, chậm rãi nhưng rõ rệt. Cuối cùng, một cận vệ hoàng gia bực tức bắn tên vào tâm đám mây, khiến một con Nue bị tử thương rơi từ trên trời xuống.



Tranh mô tả Nue của Utagawa Kuniyoshi, năm 1852.

Đòn tấn công!

Tiếp xúc cự li gần là cực kì nguy hiểm. Dù về lí thuyết Nue có khả năng gây ra thương tích nghiêm trọng bằng răng, nọc độc, hay móng vuốt, mối đe doạ thực sự không phải là bạo lực vật lí mà là khả năng gây ra bệnh tật cho những người tiếp xúc gần hoặc nhiều lần với nó. Chúng ta không biết liệu loài tạo vật này chủ động hại người hay bệnh tật chỉ là một tác dụng phụ của tâm trí con người khi cố gắng dung hoà diện mạo và tính chất kì quái của Nue. Dù thế nào đi nữa, chuyện mọi loại tiếp xúc với loài tạo vật này đều nguy hiểm cho sức khoẻ của bạn là điều không cần bàn cãi.

May mắn thay, phần lớn những vụ chạm trán Nue xảy ra từ xa, "các pha tấn công" có dạng một tiếng kêu ghê rợn giống tiếng chim, khiến người ta

ĐẶT TÊN NUE:
Chim hoét Châu Á (zoothera dauma), ngày nay được biết đến với tên toratsugumi trong tiếng Nhật, từ lâu đã được coi là Nue. Tiếng kêu của nó được cho là giống với một loài yokai thần bí vẫn chưa có tên thường hoành hành vùng nông thôn vào thời đó. Qua nhiều thế hệ, "Nue" dần trở thành tên của yokai thay vì là tên chim.

sợ mất mật. Như hầu hết các yokai, nó thường xuất hiện vào ban đêm, khiến người ta càng khó nhìn rõ bộ dạng vốn đã gây hoang mang của Nue. Ngay cả vài lần tiếp xúc từ xa, lặp đi lặp lại, cũng có thể đẩy nạn nhân xuống vực thẳm bệnh tật, như trường hợp Thiên hoàng Konoe.

Thoát hiểm khi đụng độ:

1) Theo dõi dự báo thời tiết để định vị mây bão.

2) Rèn luyện kĩ năng với cung và tên của bạn.

3) Đầu tư một đôi nút tai.

4) Nhìn vào mặt tích cực và coi như bạn may mắn: nhìn thấy tạo vật kì dị và nguy hiểm này là chuyện hết sức hiếm có ở thời hiện đại.

Tiệc Yokai:
Nhật Bản là đất nước của lễ hội, và không ít trong số đó liên quan đến Nue. Ví dụ, 28 tháng Một hằng năm, một lễ hội dành cho mục đích kìm hãm tạo vật này được tổ chức tại tỉnh Shizuoka, cách Tokyo xấp xỉ một giờ đi tàu cao tốc về phía Nam. Lễ hội này có tên *Nue-barai Matsuri,* hay "Hội trừ Nue".



Một con Nue nhồi bông trưng bày ở Nagaoka, tỉnh Shizuoka.

YOKAI SỐ: 008

Funa-yurei

舟幽霊

Âm Hán Việt:
Chu U Linh.

Nghĩa tên:
Ma Thuyền.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Hiki-funandama, Obako, Yobashiri, v.v...

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
Bằng chiều cao trung bình của nam giới trưởng thành.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Trôi nổi, bơi.

Đặc điểm:
Hình dạng bộ xương người.

Vũ khí tấn công:
Gàu tát nước của ngư dân.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Vùng nước ven bờ, sông, hồ.

Danh tiếng:
Funa-yurei là những linh hồn cô đơn, không được an nghỉ của người chết đuối ngoài biển. Chúng ngoi lên từ làn nước sâu khi mặt trời lặn, kết thành từng nhóm nhỏ để tìm kiếm và nhấn chìm thuyền của ngư dân và khách lữ hành. Chúng thường xuất hiện ở các vùng nước ven bờ khắp Nhật Bản; trong khu vực có đất liền bao quanh, chúng được biết đến là sẽ rình rập ở sông và hồ.

Theo một truyện kể, Funa-yurei đơn giản chỉ muốn người khác phải chịu chung số phận thê thảm với mình. Trong những câu chuyện khác, người ta cho rằng các oan hồn đơn lẻ không thể rời khỏi con thuyền ma cho đến khi chúng tìm thấy một nạn nhân còn sống để thay thế cho mình.

Chúng có thể xuất hiện trong nhiều bộ dạng, từ những người trông khá khoẻ mạnh đến những bộ xương hình người mặc quần áo rách rưới ướt sũng, đã bị sinh vật biển rỉa sạch da thịt. Từ việc này có thể luận ra rằng thời gian tính từ lúc chết ảnh hưởng đến vẻ bề ngoài của chúng. Hầu như trong mọi trường hợp, trên đầu chúng đội



một chiếc khăn trắng hình tam giác, loại phụ kiện được sử dụng cho thi thể trong lễ tang của đạo Phật để tiễn họ sang thế giới bên kia.

Đòn tấn công!

Funa-yurei luôn xuất hiện lúc hoàng hôn hoặc trước bình minh, thường trong điều kiện tầm nhìn hạn chế như thời tiết giông bão hay sương mù. Các cuộc chạm trán diễn ra theo quy luật bất biến. Bạn đang trôi nổi bập bềnh trên con thuyền đánh cá của mình thì phát hiện có ánh sáng yếu ớt tiến lại gần. Những quầng sáng này thường (nhưng không nhất thiết) đi kèm tiếng trống đều đặn, theo nhịp, tạo ra một bầu không khí có tính nghi thức. Khi ánh sáng đến gần hơn, bạn nhận ra nó gắn với một con thuyền đánh cá nhỏ có vài người ngồi bên trên. Con thuyền lướt đến nhưng có điểm gì đó không bình thường. Một trong đám "người" nọ cất tiếng bằng giọng nói ma quái: "Gàu. Đưa gàu của ngươi cho ta."

Đừng để vẻ bề ngoài lừa bịp. Trong khi một số Funa-yurei trông như xác chết di động, những người vừa qua đời có thể trông giống người bình thường đến đáng ngạc nhiên. Điểm then chốt là quan sát phụ kiện trên đầu chúng. Nếu kẻ đòi hỏi kia đội một chiếc khăn tang tam giác trên đầu, bạn đã gặp rắc rối to rồi đó: tiến thoái lưỡng nan. Nếu đưa

QUAN SÁT KHÍ TƯỢNG

Sự xuất hiện của Funa-yurei thường đi kèm với hiện tượng thời tiết lạ, ví dụ trời đang nắng đột nhiên âm u hay sóng biển trở nên tĩnh lặng như tờ. Các đêm trăng tròn và khoảng thời gian tương ứng với lễ O-Bon[1], dịp lễ tưởng nhớ những người đã khuất ở Nhật Bản, cũng tăng cao khả năng gặp phải loại yokai này.



Một tranh khắc thế kỉ mười chín tả cảnh Funa-yurei tác quái. Hãy chú ý chiếc gàu.

[1] Diễn ra vào tháng Tám dương lịch hằng năm.

ra cái gàu theo yêu cầu, Funa-yurei sẽ dùng nó để múc một lượng nước khủng khiếp vào làm đắm thuyền của bạn. Từ chối – hay chỉ đơn giản là không có gàu trong tay – chúng sẽ đánh lật thuyền của bạn trong cơn thịnh nộ. Dù là trường hợp nào thì bạn cũng phải lên đường một chiều tới gặp Long Vương.

Funa-yurei còn được biết đến là hay lợi dụng hải đăng (hoặc trong thời xưa là lửa báo hiệu) bằng cách tạo ánh sáng giả để lừa gạt và dẫn dụ thuyền đánh cá ra xa bờ. Những người đi biển nhiều kinh nghiệm biết mình phải quan sát cẩn thận: vị trí của ánh sáng do người tạo ra là cố định, nhưng sự phát sáng ma quái của Funa-yurei thường lập loè, trôi nổi, và lắc lư.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Tới tận ngày nay, nhiều ngư dân Nhật Bản vẫn sẽ không chịu rời cảng nếu trên thuyền không có một chiếc gàu thủng đáy. Chúng tôi cũng sẽ khuyên bạn làm như vậy. Funa-yurei sẽ không thể đổ chút nước nào vào thuyền bạn, mặc cho chúng múc đến thế nào.

Chuyện yokai bên lề:
Vì sao lại là chiếc gàu? Đây là một phép chơi chữ. *Inata*, một biến thể của từ *inada* (gàu nước) trong tiếng Nhật, là từ lóng chỉ "ngư dân" trong phương ngữ của một số vùng.

Funa-yurei không buộc phải xuất hiện trên thuyền. Người ta từng kể lại nhiều trường hợp chúng trồi lên từ mặt biển, có thể đơn độc hoặc theo đoàn.

Gần như mọi làng chài ở Nhật đều có những truyền thuyết của riêng mình về Funa-yurei đòi mạng gia đình, bạn bè, hay hàng xóm. Đến tận ngày nay, đôi khi vẫn có tin đồn về thứ trông giống thuyền phát sáng, lướt đi nhẹ nhàng qua những vùng nước mà người ta biết rõ là quá cạn cho bất cứ loại tàu bè bình thường nào di chuyển.



Một chiếc gàu múc nước truyền thống. Đừng quên đục thủng lỗ ở đáy!

Umi-bozu

海坊主

Âm Hán Việt:
Hải Phường Chủ.

Nghĩa tên:
"Tăng (Sư) Biển."

Giới tính:
Không rõ.

Chiều cao:
Từ 10 cm đến hơn 30 m.

Cân nặng:
Tương đương với cùng một lượng nước biển.

Cách di chuyển:
Lượn sóng.

Đặc điểm:
Cơ thể hình vòm, giống con sứa.
Da đen, trơn bóng.
Đôi mắt phát sáng.

Vũ khí tấn công:
Nước.

Điểm yếu:
Chưa phát hiện.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Ngoài khơi.

Danh tiếng:
Dù có cái tên nghe khá đáng yêu, Umi-bozu từ lâu đã gieo rắc kinh hoàng vào lòng người đi biển Nhật Bản. Một số người nói rằng chúng là oán linh của thuỷ thủ chết đuối; những người khác lại cho rằng chúng là sinh vật ở biển sâu biến hình thành dạng quái vật siêu nhiên. Dù là trường hợp nào đi nữa, Umi-bozu trông khác hoàn toàn với bất kì sinh vật nào nơi trần gian, có diện mạo hình vòm hoặc hình giọt đen ngòm với đôi mắt phát sáng. Từng có ý kiến cho rằng có lẽ chúng thực ra được tạo thành hoàn toàn từ nước, điều đó giải thích sự vắng bóng gần như tuyệt đối của mọi đặc trưng khu biệt khác. Dù nhiều cá thể có vẻ không có miệng, chúng vẫn thường được miêu tả là phát ra tiếng thở dài hoặc rên rỉ ghê rợn.

Umi-bozu có nhiều kích thước khác nhau; nhỏ nhất khoảng mười centimet, thường bị vướng vào lưới



Bộ đồ chơi ghép hình vào những năm 1970 Robo-Umi-Bozu này là một biến thể thú vị.



đánh cá. Có lẽ đây là dạng chưa thành niên của loài này. Umi-bozu cỡ trung đủ lớn để đe doạ thuyền đánh cá; ở dạng lớn nhất và đáng sợ nhất, chúng sừng sững như núi trên mặt nước.



Tranh khắc gỗ của Utagawa Kuniyoshi thể hiện một Umi-bozu

Đòn tấn công!

Khác với Funa-yurei (trang 46), chỉ xuất hiện ở vùng nước ven bờ vào ban đêm, Umi-bozu xuất hiện ngoài khơi xa và lộ mặt bất cứ lúc nào trong ngày. Đôi khi đi kèm (hoặc bị đi kèm) với các hiện tượng thời tiết biển bất thường như bão. Umi-bozu nổi lên từ bề mặt đại dương; lấy năng lượng từ nước biển vô tận, có thể tăng kích thước đến khi bao trùm không gian trên cả những con tàu lớn nhất. Nó thích tấn công thô bạo, với ý đồ nuốt chửng người, tàu thuyền, hoặc thậm chí cả những hạm đội, tuỳ thuộc vào kích thước.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Có lẽ không cần nói bạn cũng biết, nhưng hãy tránh ra khơi khi có dấu hiệu thời tiết bất thường sắp đến. Umi-bozu cỡ nhỏ sẽ phản ứng bằng những tiếng kêu đau khi va đập với sào hay mái chèo, có nghĩa là về lí thuyết bạn có thể làm chúng bị thương. Có lẽ có thể đuổi Umi-bozu cỡ nhỏ và vừa bằng bất cứ công cụ gì bạn có trong tay, nhưng một cá thể lớn tối đa lại là chuyện khác. Nếu bạn thấy một con như vậy xuất hiện trên đường chân trời, tìm một bến cảng an toàn là hi vọng sống sót duy nhất của bạn.

Tuy nhiên, đừng mất cảnh giác khi đã đến vùng nước nông, đặc biệt là khi trời sắp tối.

Nếu điều kiện phù hợp cho Umi-bozu xuất hiện ngoài khơi, thì nhiều khả năng bạn sẽ chạm trán Funa-yurei trên đường vào bờ.

Quái vật biển giao phối?
Theo *Kanso Jigo* ("Phỏng đoán về truyện kể tự nhiên"), một văn bản thế kỉ mười tám của sử gia Yanagihara Norimitsu, Umi-bozu cỡ nhỏ và vừa có đôi lần hiếm hoi xuất hiện gần bờ. Cư dân thị trấn Izumi thuộc Osaka kể lại rằng có cá thể từng lưu lại ở vài vùng nước nông gần đó trong ba ngày trước khi quay về biển. Trong khoảng thời gian này người dân thị trấn hết sức tránh xa bờ biển, nhưng những ai thoáng trông thấy đã nói rằng Umi-bozu lấy hình dạng gần giống người. Yanagihara không đưa ra bất kì giải thích nào cho hành vi này, nhưng chúng tôi phỏng đoán đây có thể là một kiểu nghi thức giao phối của những sinh vật ấy.

Họ hàng mọi miền đất nước:
Dù chủ yếu được gọi là Umi-bozu, loài yokai này còn được đặt cho nhiều tên khác trên khắp Nhật Bản. Ngư dân trên đảo Sado, nằm phía Tây bờ biển Nhật Bản, thường nói về Tate-Eboshi, một sinh vật cao hai mươi mét thường tìm cách làm ngập bất cứ tàu thuyền nào nó bắt gặp. Trong khi đó, ngư dân ở Shiriyazaki, nằm ở cực Đông Bắc thuộc đảo chính Honshu của Nhật Bản, có truyền thống trộn tương miso với nước và rót xuống biển để đuổi Mojabune, một yokai biển khổng lồ khác.

BOZU ĐỂ RÂU

Một số ghi chép miêu tả da của Umi-bozu có lớp lông mịn bao phủ. Tính xác thực của tuyên bố này hiện chưa rõ. Nếu là thật, bộ da của Umi-bozu có lẽ tương tự như các loài thú có vú dưới biển như rái cá biển, có lớp lông dày với mật độ hàng trăm ngàn sợi lông trên mỗi centimet vuông da! (Để so sánh, một người bình thường chỉ có một trăm nghìn sợi tóc trên cả đầu.)

O-dokuro

大髑髏

Âm Hán Việt:
Đại Độc Lâu.

Nghĩa tên:
Hài cốt khổng lồ.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Dokuno-no-kai, Mekurabe.

Chiều cao:
Lên tới 45 m.

Cân nặng:
Thay đổi tuỳ theo kích thước.

Cách di chuyển:
Hai chân, bốn chân.

Đặc điểm:
Một bộ xương khổng lồ, hoặc cơ thể tạo thành từ rất nhiều xương.

Vũ khí tấn công:
Diện mạo kinh khủng, khát khao báo thù.

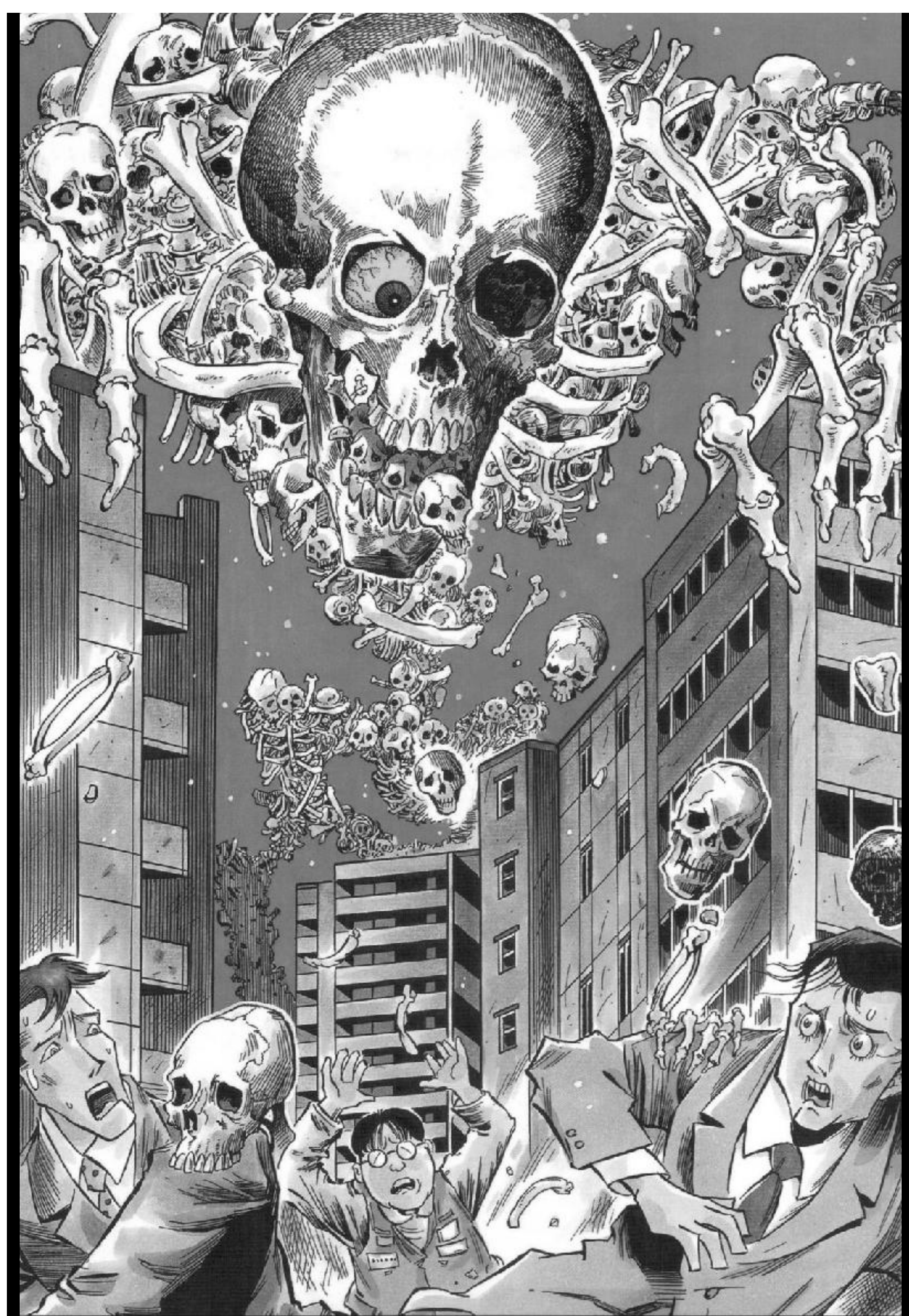
Số lượng:
Hiếm.

Nơi cư trú:
Không xác định.

Danh tiếng:
Những quái vật xương khổng lồ này xuất hiện trên chiến trường hoặc những nơi khác có số lượng lớn xác chết bị bỏ lại đến khi mục rữa mà không được chôn cất đàng hoàng. Cơn giận dữ, nỗi buồn và cảm giác bị bỏ mặc tích tụ lại, trong những trường hợp hiếm hoi, có thể bùng phát thành hình dạng của một O-dokuro. Chúng lao đi trên hai chân hoặc cả bốn chân để tăng tốc độ, không ngần ngại săn tìm xương người mới để thêm vào cơ thể của mình.

Nguồn gốc của O-dokuro là tổng hợp của nhiều truyện dân gian và truyền thuyết khác nhau, một số có niên đại hàng thiên niên kỉ. Trong dạng cơ bản nhất, O-dokuro chỉ là những bộ xương người ngoại cỡ. Trong các truyện khác, chúng là một núi xương khổng lồ di động tập hợp từ vô số thi thể người.

Đòn tấn công!
Dù có nguồn gốc thế nào, yokai đầy thù hận này được cho là chuyên săn tìm và ăn thịt người sống. Khi bắt được con mồi, nó sẽ nuốt chửng da, nội tạng, và những bộ phận mềm khác, rồi dung hợp bộ xương còn trơ lại vào cơ thể xương xẩu của chính mình.



Thoát hiểm khi dụng độ:
Trừ khi bạn cảm thấy đủ tự tin để đấu tay đôi với một bộ xương khổng lồ lớn hơn mình gấp nhiều lần, còn không thì hãy tìm nơi thích hợp để ẩn nấp đến khi mặt trời mọc. O-dokuro sẽ biến mất khi trời sáng. Trước lúc đó, hãy tìm nơi trú ẩn cho tốt. O-dokuro có khả năng phân rã một phần thân thể để lọt vào những nơi quá chật hẹp so với thân hình quá khổ của nó.

Sự báo thù của O-dokuro:
"Mitsukuni chống lại Yêu quái Xương" là tác phẩm nổi tiếng thế kỉ mười chín của nghệ nhân khắc gỗ Utagawa Kuniyoshi, tái hiện cảnh một bộ xương khổng lồ de doạ hai samurai. Đây là hình ảnh đại diện của nghệ thuật truyền thống Nhật Bản, lập nền tảng cho hầu hết những tác phẩm hiện đại khắc hoạ tạo vật này.

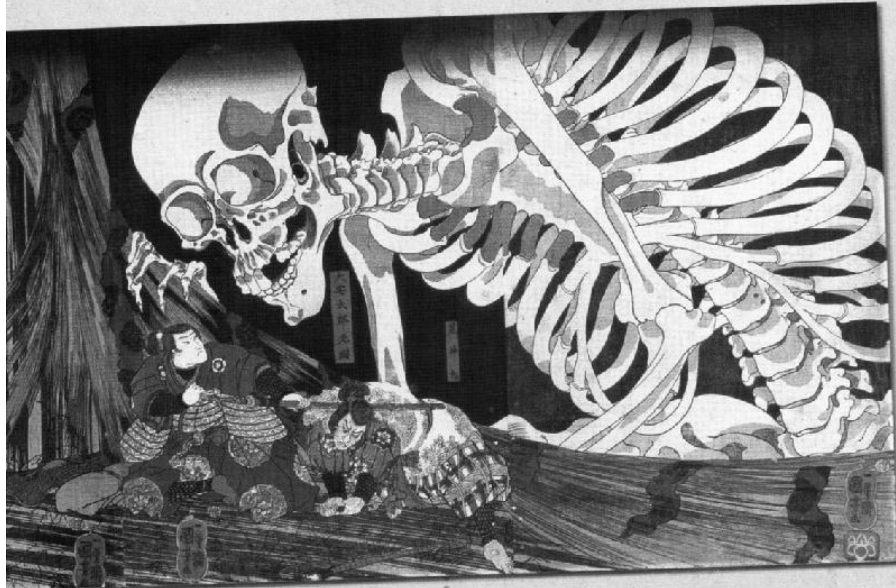


Tranh minh hoạ này dựa trên một câu chyện có thật vào thế kỉ thứ mười. Một tướng quân địa phương tên là Taira-no-Masakado dấy quân tạo phản chống lại triều đình, sau đó bị bắt, chém đầu, phanh thây, và bêu xác thị chúng suốt nhiều tháng sau khi chết. Truyền thuyết kể rằng cái đầu bị chặt của Taira-no-Masakado vẫn tiếp tục trừng mắt, cau mày, thậm chí đôi khi phá lên cười suốt thời gian đó, rồi cuối cùng bay đi tìm cơ thể của mình.

Giận dữ vì cái chết của cha và cách người ta đối xử với thi thể ông, con gái Taira-no-Masakado đã cầu nguyện báo thù ở đền Kifune, Kyoto. (Trùng hợp thay, ngôi đền này, ngày nay vẫn tồn tại, cũng là nơi đã tạo ra Hashi Hime (trang 162) đáng sợ.) Cơn thịnh nộ của nàng và của

CÁC TRƯỜNG HỢP BẮT GẶP O-DOKURO TRONG VĂN HOÁ ĐẠI CHÚNG

Trong bộ phim hoạt hình của Studio Ghibli "Pom Poko", một bộ tộc Tanuki biến hình (trang 126) khủng bố con người vùng lân cận bằng cách giả dạng O-dokuro. Đề tài này rất phổ biến trên hình xăm và hình trang trí áo choàng lụa.



Bức tranh tả O-dokuro nổi tiếng nhất là "Mitsukuni chống lại Yêu quái Xương" của Utagawa Kuniyoshi.

người cha thua trận đã kết hợp với nhau, tạo nên năng lực siêu nhiên, cho phép nàng sử dụng để triệu hồi một O-dokuro tấn công triều đình. Tranh khắc gỗ của Utagawa miêu tả lại cảnh tượng đó.

Ngôi đền tại nơi người ta cho rằng đầu của Taira-no-Masakado cuối cùng đã ngụ lại hiện vẫn còn tồn tại. Đền mang tên Masakado Kubizuka ("Đồi Đầu Masakado"), nằm ở khu Otemachi thuộc Tokyo.

Quái vật trong vườn: Theo tác phẩm kinh điển thế kỉ mười bốn *Truyện kể Heike,* một O-dokuro đã xuất hiện ở thành phố Fukuhara (Kobe ngày nay) vào giữa những năm 1100. Taira-no-Kiyomori, một Shogun tàn bạo, một sáng thức giấc và phát hiện khu vườn trong dinh thự của mình chúa đầy đầu lâu người. Khi ông gọi cận vệ, đống đầu lâu nhanh chóng hợp lại thành một bộ xương khổng lồ, cao tới bốn mươi lăm mét trên mặt đất.

Người ta kể rằng dù bị vô số hốc mắt đen ngòm trừng trừng theo dõi nhất cử nhất động, Kiyomori vẫn đứng vững, trừng mắt nhìn lại và cuối cùng khiến cho O-dokuro tan biến không chút dấu vết. Phương pháp đấu mắt với O-dokuro này chắc chắn không được khuyến khích cho kẻ tay mơ.

YOKAI SỐ: 011

Tsuchi-gumo

土蜘蛛

Âm Hán Việt:
Thổ Tri Chu.

Nghĩa tên:
Nhện Đất.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Yatsukahagi ("Chân Dài").

Giới tính:
Không xác định.

Chiều cao:
Hơn 3 mét.

Cân nặng:
Hơn 10 tấn.

Cách di chuyển:
Sáu hoặc tám chân.

Đặc điểm:
Đa dạng, nhưng nhìn chung có dạng nhện hoặc dế mèn khổng lồ.

Số lượng:
Nhiều (ngày xưa);
Hiếm (ngày nay).

Mùa xuất hiện:
Không xác định.

Nơi cư trú ưa thích:
Địa hình đồi núi, hang động.

Nơi phân bố:
Phân bố rộng rãi, rải rác ở những vùng hẻo lánh từ Tây Nam Kyushu đến miền Bắc Tohoku.

Danh tiếng:
Một yokai khổng lồ, hình dạng giống côn trùng hoặc nhện. Quan trọng là khổng lồ: hầu hết những miêu tả mang tính lịch sử đều khắc hoạ chúng lớn hơn đáng kể so với một con voi châu Phi, là loài vật có thật mà chúng tôi đang dùng để đoán chiều cao và cân nặng của yokai này. (Không mấy ai đủ can đảm lại gần Tsuchi-gumo trưởng thành với một cái thước dây.) Một số trông giống côn trùng như dế mèn; số khác có diện mạo đáng sợ hơn, với hình thái cơ thể tương tự nhện lớn lông lá nhiệt đới. Thường có mặt người hay động vật biến dạng. Có lẽ những diện mạo khác nhau này đại diện cho các chi của cùng một loài yokai.

Chúng sống trong hang động thiên nhiên hoặc tự đào, ưa lẩn trốn khi có sự hiện diện của con người. Chúng là sinh vật hoạt động về đêm, được cho là có hành vi săn mồi và chiếm giữ lãnh thổ giống loài sói.



Đã từng phổ biến hơn rất nhiều so với ngày nay (bởi những lí do chúng tôi sẽ trình bày bên dưới), Tsuchi-gumo thường được miêu tả trong những cuộc đấu một mất một còn với samurai có vũ trang. Những dẫn chứng liên quan đến sinh vật này cũng xuất hiện đi xuất hiện lại trong sử sách Nhật Bản.

Tsuchi-gumo từ đâu đến:

Rất lâu trước đây, Nhật Bản là một vùng hỗn độn gồm nhiều bộ tộc và làng mạc. Vào khoảng thế kỉ thứ năm hay sáu, một nhóm người nổi lên như một lực lượng vượt trội trong nước: người Yamato, với vị hoàng đế ngày càng hùng mạnh bắt đầu chinh phạt các đối thủ và thống nhất đất nước. Quân đội của ông ta gây chiến với những ai từ chối thần phục, đuổi giết họ khỏi lãnh địa mà đế quốc Yamato kiểm soát.

Có rất nhiều những người lưu vong như vậy, rải rác khắp quần đảo Nhật Bản tìm kiếm chốn trú chân biệt lập họ cần để bảo tồn những nét văn hoá riêng của mình. Người Yamato nghĩ ra từ Tsuchi-gumo ("nhện đất") mang ý nghĩa sỉ nhục để tả những bộ tộc "nổi loạn" này như những cư dân ăn lông ở lỗ, quá mọi rợ nên không thể quy phục chính quyền văn minh. Từ này có nghĩa bao hàm mọi thứ, từ các nhóm thiểu số cho đến những người chỉ đơn giản là cưỡng lại sự đô hộ văn hoá của Yamato. Nhưng có lẽ những người này không hẳn là mọi rợ mà giống dân lưu vong chính trị đơn thuần muốn được sống yên ổn.

Nhưng chuyện đó là không thể. Những phần tử này giống như cái gai trong mắt bất kì vị hoàng đế hay chúa tể nào muốn tuyên bố rằng mình thống trị mọi thứ trên vùng đất Mặt Trời Mọc. Vì thế, trong một thời gian, những động thái nhằm loại bỏ một lãnh thổ Tsuchi-gumo nào đó trở thành chiến tích tiêu chuẩn của bất kì ai muốn trở thành người hùng của Yamato.

Qua nhiều năm, sự kết hợp giữa biệt danh ghê rợn "nhện đất" và sự dũng mãnh của các bộ tộc khi cố gắng tự bảo vệ chính mình trước quân triều đình đã sinh ra nhiều truyền thuyết về Tsuchi-gumo. Nổi bật trong số đó là họ đã biến đổi thành côn trùng và nhện khổng lồ sau nhiều thế kỉ, đặt bẫy bất cứ ai dám xâm phạm lãnh thổ của mình. Những tạo vật này thường được gọi là "yokai Tsuchi-gumo" để phân biệt với các bộ tộc người.

Dù các cộng đồng Tsuchi-gumo kiên cường tồn tại suốt nhiều thế kỉ ở nơi xa xôi hẻo lánh, các hoàng đế và tướng quân Yamato cuối cùng vẫn thành công trong

việc chinh phục và đồng hoá họ vào nền văn hoá Nhật Bản chính thống. Ngày nay, những câu chuyện mơ hồ về yokai Tsuchi-gumo cơ bản là tất cả những gì còn lại của các bộ tộc ngoài vòng pháp luật này. Những tranh minh hoạ này về bản chất chỉ là biếm hoạ chính trị do "kẻ chiến thắng" của lịch sử tạo ra.



Một Tsuchi-gumo có hình dạng gần giống người theo miêu tả của Tsukioka Yoshitoshi năm 1892.

Đòn tấn công!

Giống như những con người có cùng biệt danh, yokai Tsuchi-gumo không chủ động gây hấn trừ khi bị chọc giận. Tuy nhiên, bạn vẫn cần thận trọng vì chúng là những kẻ săn mồi đói khát có thể trở nên cực kì bạo lực khi bị kích động; hang ổ của chúng kiểu gì cũng chất đống xương người và động vật, những kẻ vô tình đi lạc đến quá gần. Mạng nhện của chúng thường được giăng trong hang, nhưng đôi khi cũng vươn cả ra ngoài, trong những trường hợp hiếm hoi còn đủ lớn để cắt ngang toàn bộ thung lũng. Chúng dường như sẽ gây thương tích bằng phương pháp giống với những anh em họ nhỏ hơn của chúng như côn trùng/ nhện: dùng hàm hoặc nọc độc.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Suốt nhiều thế hệ chưa ai từng bắt gặp yokai Tsuchi-gumo. Nhưng Nhật Bản là quốc gia của đồi núi và hang động, một vài trong số đó vẫn hoàn toàn chưa được khai phá. Nếu bạn định đi thám thính bất kì nơi nào trong số này, hãy học tập samurai và mài giũa kĩ năng võ sĩ đạo của mình. Nếu các câu chuyện và tranh vẽ cổ đáng tin cậy, yokai Tsuchi-gumo có thể bị hạ gục bằng kiếm, giáo, và các loại vũ khí khác.

Nhưng hãy tự hỏi: vì sao bạn lại muốn làm vậy? Hãy nhớ rằng Tsuchi-gumo về cơ bản là những hình tượng bi kịch, những kẻ sống bên lề (một số có thể gọi là phản anh hùng) trong lịch sử chính thống của Nhật Bản. Nếu bạn tình cờ gặp phải một cá thể, hãy giữ khoảng cách và thưởng thức khoảnh khắc hiếm hoi được chiêm ngưỡng hình hài cụ thể của một tấn kịch giao thoa văn hoá.

YOKAI SỐ: 012

Konaki Jiji

兒啼爺

Âm Hán Việt:
Nhi Đề Da.

Nghĩa tên:
"Ông già khóc như trẻ con."

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
0,5 đến 2 m.

Cân nặng:
2,5 kg đến không thể tưởng tượng nổi.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Có cơ thể nhăn nheo, già nua của một ông già tí hon, hoặc cơ thể của một đứa bé yếu ớt.

Vũ khí tấn công:
Khối lượng có thể thay đổi.

Điểm yếu:
Bị phớt lờ.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

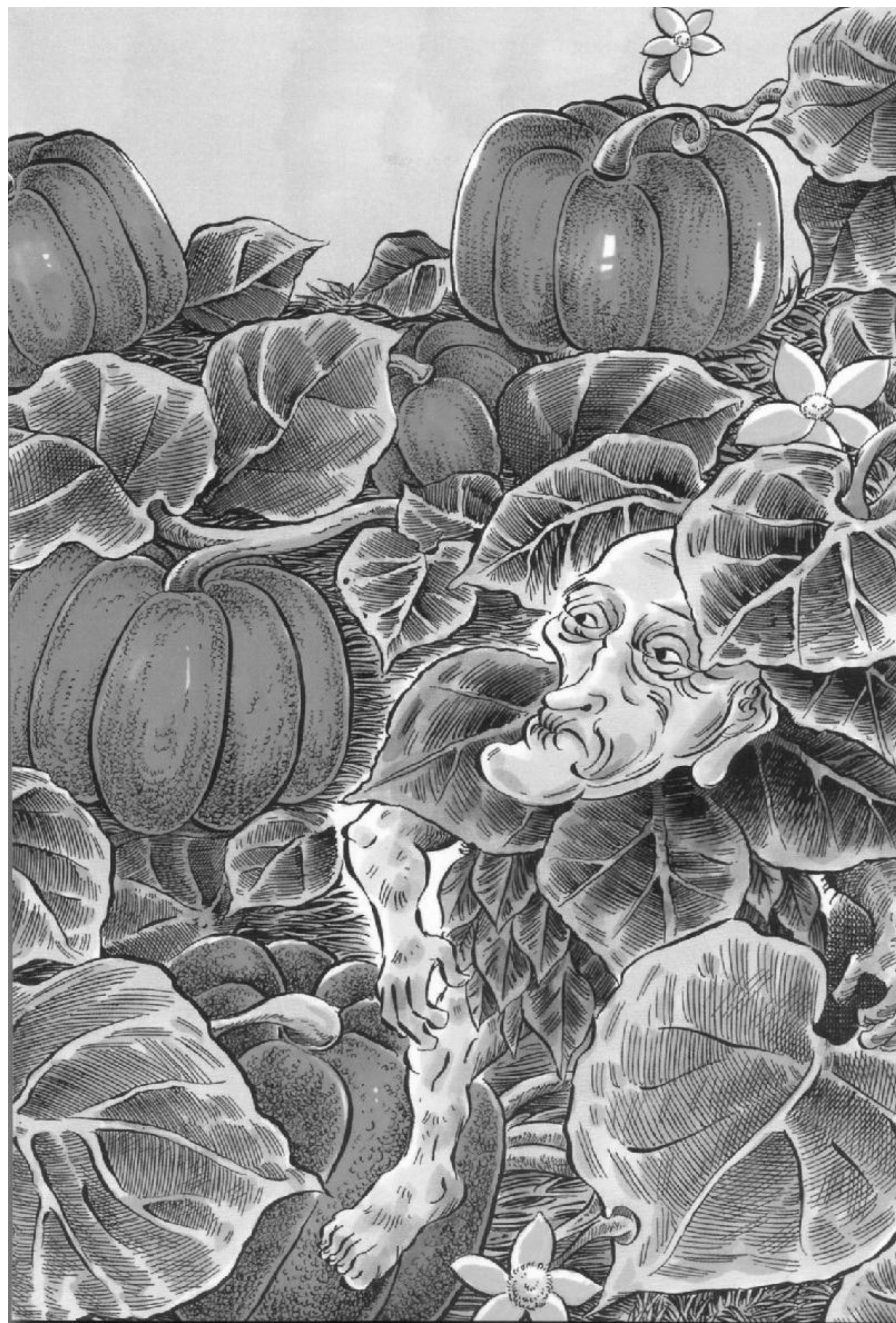
Nơi cư trú:
Đồng ruộng và rừng núi.

Danh tiếng:
Đừng để bị lừa bởi diện mạo giống trẻ con và cái tên có vẻ yếu ớt của yêu quái nhỏ bé này: Konaki Jiji là một đứa trẻ không chỉ làm bạn mềm lòng – nó sẽ khiến tim bạn nổ tung. Thông thường, nó xuất hiện dưới dạng một ông già bình thường, tuy nhỏ bé một cách bất thường. Những lúc đó, nó hoàn toàn vô hại và hầu như không thể phân biệt với con người. Tuy nhiên, nó cũng có thể biến thành một em bé bị bỏ rơi gào khóc thảm thiết, dùng sức mạnh của lòng thương cảm nhằm dụ dỗ nạn nhân, giống cách cá vây chân xài mồi nhử phát sáng để bắt mồi.

Đòn tấn công!
Một khi được một người lạ tốt bụng bế lên, "em bé" Konaki Jiji sẽ không thể bị đặt xuống. Nó sẽ bắt đầu tăng cân nặng,



Ruộng bí ngô là địa điểm lí tưởng (nhưng chắc chắn không phải duy nhất) cho loài yokai này ẩn nấp.



ban đầu chậm rãi, sau đó nhanh vùn vụt, đè chết con người xấu số đang cố gắng cứu nó. Có vẻ như trong thế giới của yokai, làm việc tốt phải bị trừng phạt.

NƯỚC MẮT CẢNH BÁO: Một số người cho rằng tiếng khóc của Konaki Jiji có thể báo trước hoặc trực tiếp gây ra động đất.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Khuyên người ta phớt lờ trẻ con bị bỏ rơi là đi ngược bản chất con người, nhưng nếu bạn tình cờ gặp phải một em bé gào khóc tại một địa điểm đáng ngờ - ví dụ như trên đỉnh núi, giữa đồng ruộng, hay sâu trong rừng rậm hoang vu – có lẽ bạn nên cân nhắc tiến đến một cách cực kì cẩn trọng.

Konaki phân huỷ:
Người ta luôn gặp phải Konaki Jiji ở những vùng núi hẻo lánh hay trong rừng sâu. Những ai vô tình đặt chân vào khu vực chứa lượng lớn thực vật chết và mục rữa rất có thể bị choáng bởi lượng cacbon dioxit và metan tiết ra từ quá trình phân huỷ, dẫn đến cảm giác chóng mặt và cuối cùng là hiện tượng cơ thể nặng như chì. Điều này dẫn đến việc một số người cho rằng Konaki Jiji là dạng ảo giác tự nhiên sinh ra ở những người bị hoảng loạn vì lạc đường trong rừng, trong khi những người khác tin rằng Konaki Jiji chỉ sử dụng hiệu ứng này để tăng cường khả năng lạ lùng của nó.

Chuyện yokai bên lề: Dù yokai này thường được quy vào truyện dân gian của tỉnh Tokushima nhưng người bản địa khẳng định rằng đây không phải nơi bắt nguồn của nó. Trên thực tế người ta tin rằng những câu chuyện về Konaki Jiji là tổng hợp của nhiều truyền thuyết và thần thoại nông thôn trên khắp Nhật Bản.

Khẩu vị nặng

Một buổi tiệc của lũ quỷ sứ có khẩu vị kì quặc... mà thường là khoái thịt người. Nếu bạn nhận lời mời đi ăn tối, đừng trách chúng tôi không báo trước.

YOKAI SỐ: 013

Tesso

鉄鼠

Âm Hán Việt:
Thiết Thử.

Nghĩa tên:
"Chuột Sắt."

Chiều cao:
Tương đương đàn ông trưởng thành.

Cân nặng:
Tương đương đàn ông trưởng thành.

KHẨU VỊ NẶNG

Cách di chuyển:
Hai chân hoặc bốn chân.

Đặc điểm:
Cơ thể chuột.
Áo choàng nhà sư rách rưới.

Đồ ăn ưa thích:
Kinh thư và cái này!

Vũ khí tấn công:
Nanh sắt.
Đội quân chuột.



Tranh khắc gỗ năm 1861 của Kunisada vẽ Raigo trong cơn thịnh nộ trước khi biến thành Tesso.

Điểm yếu:
Không rõ.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Thư viện của chùa miếu.

Danh tiếng:
Tesso là "Người thổi sáo thành Hamelin" của thế giới yokai. Truyện về Tesso có từ thời đại Heian trong lịch sử Nhật Bản, cụ thể hơn là vào thời kì trị vì của Nhật hoàng Shirakawa, tại vị từ năm 1073 đến 1087.



Tesso, cái tên có nghĩa "Chuột Sắt", từng là một nhà sư đạo Phật có tên Raigo. Ông được lệnh cầu nguyện để xin cho hoàng thất sinh được con trai, đổi lấy lời hứa sẽ được mở rộng chùa nếu lời cầu nguyện thành hiện thực, nhưng dù một bé trai đã ra đời, phần thưởng được kì vọng lại bị từ chối. Tức giận vì những mâu thuẫn chính trị làm đảo lộn kế hoạch của mình, Raigo tuyệt thực mà chết.

Ông ta hồi sinh thành Tesso, một tạo vật quái dị lai giữa người và động vật gặm nhấm có cái miệng chứa đầy răng sắt với sức phá hoại ghê gớm. Nhưng có lẽ đáng sợ hơn là khả năng triệu hồi và kiểm soát chuột theo ý muốn.

Tesso dẫn một đoàn quân chuột – theo một ghi chép, lên tới tám mươi ngàn con – càn quét khắp thư viện trong các chùa đối thủ của Raigo, nổi bật nhất là chùa Enryaku ở Kyoto. Với đàn chuột tay sai, Tesso ngốn sạch vô số tượng Phật, kinh Phật, và các loại văn tự tôn giáo quan trọng khác.

Một số ghi chép khẳng định rằng Tesso cùng đội quân chuột cuối cùng bị lùa vào một cái hố và chôn sống. Số khác nói rằng tai hoạ này cuối cùng tự tiêu tan, có nghĩa là Tesso vẫn còn tự do đến tận ngày nay.

Đòn tấn công!
Là một con chuột khổng lồ, Tesso thừa sức gây sát thương bằng hàm răng và móng vuốt sắt. Nhưng mối quan tâm của nó không phải là thịt người mà là kiến thức của con người; nó ngấu nghiến gặm – theo nghĩa đen – sách cuộn, thư tịch, và tranh vẽ.

Thoát hiểm khi đụng độ:
May mắn là Tesso có vẻ đã xả hết cơn giận vào thế kỉ mười một. Trong trường hợp hi hữu nó xuất hiện trở lại, thì các thủ thư trong chùa có nhiều thứ để lo sợ hơn phần lớn mọi người. Cơ hội tốt nhất để tránh tài sản bị huỷ hoại bởi quân đoàn chuột của Tesso là dọn hết những đồ có giá trị tại địa điểm của bạn đến một nơi thật xa. Nhưng nếu thời gian không cho phép, có lẽ những bước sau đây sẽ hữu ích. Trước tiên, kiểm tra nhà cửa và bịt hết

GẶM NHẤM BÊN LỀ
Con người có ba mươi hai chiếc răng, trong khi chuột chỉ có mười sáu. Đến nay người ta vẫn không biết liệu hàm răng sắt của Tesso có số lượng ứng với người hay động vật gặm nhấm, nhưng những chiếc răng cửa to bè của nó có vẻ nghiêng về đáp án sau.

KHẨU VỊ NẶNG

mọi khe hở nhỏ thích hợp cho chuột chui qua. Chặn cửa và tuỳ nghi đặt bẫy chuột quanh tường, cửa sổ, và bất kì nơi nào chuột có thể tìm đường vào nhà. Và cách phòng vệ vững chắc nhất là dùng thiết bị xây dựng đào một công sự sâu quanh toà nhà, vứt xuống đấy những văn tự bạn sẵn sàng hi sinh để làm mồi nhử, rồi lấp đất chôn chúng khi chúng bị kẹt ở dưới đáy. Cách này đã có tác dụng hồi thế kỉ mười một còn gì.

Thêm chuyện về Tesso:

Chùa của Raigo, tên là Mii-dera, nằm ở thành phố Otsu, tỉnh Shiga. Đống đất được cho là nơi an nghỉ cuối cùng của Tesso tương truyền nằm ở thành phố Oyama thuộc tỉnh Tochigi, dù địa điểm chính xác đã bị mất dưới lớp bụi thời gian.

Một thông tin bên lề khác, Tesso không phải là mối liên hệ duy nhất giữa Nhật hoàng Shirakawa với thế giới yokai. Sutoku, một trong những người thừa kế của Shirakawa, bị phế bỏ khỏi ngai vàng và sau cuộc nổi dậy kéo dài gọi là Loạn Hogen, bị đày tới một hòn đảo xa xôi nơi ông chết trong đau khổ. Truyền thuyết Nhật Bản kể rằng sau khi chết Sutoku biến thành O-tengu (trang 24) quyết tâm ám tân Thiên hoàng trong nỗ lực trả thù sự dày vò mình từng chịu đựng.



Tranh vẽ Tesso của Sekien

YOKAI SỐ: 0 1 4

Tearai Oni

手洗鬼

KHẨU VỊ NẶNG

Âm Hán Việt:
Thủ Tẩy Quỷ.

Nghĩa tên:
"Quỷ Rửa Tay".

Tên khác trong tiếng Nhật:
Dendenbome.

Chiều cao:
Như núi.

Chiều dài chân:
Ước tính 12 km.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Kích thước khổng lồ.
Lông rậm.
Mặc khố lông thú.

*Thường bị bắt gặp trong TV thế gặp người kì khôi

Thức ăn ưa thích:
Không rõ.

Vũ khí tấn công:
Kích thước.

GHI CHÚ: Xem bản đồ trang 72

Điểm yếu:
Nước bẩn hoặc ô nhiễm.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Vùng núi.

Danh tiếng:
Một yêu quái có kích thước khổng lồ như quả núi theo đúng nghĩa đen, với sở thích rửa tay trên sông – thường (nhưng không phải luôn luôn) gập ngược người theo một tư thế chênh vênh (trang 73). Dù có vóc dáng vô cùng to lớn nhưng đến nay nó vẫn là một trong những yokai thần bí nhất. Có vẻ nó có liên hệ gần gũi với tạo vật được gọi là Daidarabo và Daidarabochi, những người khổng lồ huyền thoại được nhắc đến trong truyền thuyết dân gian khắp Nhật Bản. Ngoài thói quen kì lạ là rửa tay ở sông ngòi sâu trong khe núi, Tearai Oni gần như có miêu tả tương đồng.

Khó mà ước tính kích cỡ chính xác của Tearai Oni. Một ghi chép tả nó có thể đứng dạng chân giữa hai ngọn núi cách nhau khoảng bảy dặm rưỡi; trong một ghi chép khác, là gần mười hai dặm.

Dù không có dữ liệu xác thực nào về khẩu phần cụ thể (nếu có) của yokai này, nhưng thói quen rửa tay kĩ càng rất văn minh khiến nó trở thành





vị khách hoàn hảo cho mọi bữa tiệc... với điều kiện bàn tiệc bằng kích thước một toà nhà chọc trời. Khu vực Shikoku nơi nó bị bắt gặp gần đây nhất nổi tiếng khắp Nhật Bản nhờ món mì gọi là sanuki udon. Có lẽ Tearai Oni thích món ăn này chăng? Người ta chỉ có thể tưởng tượng lượng thức ăn cần thiết để làm no bụng một tên khổng lồ cỡ đó.

Đòn tấn công!

Là một yokai bí ẩn và hiếm gặp dù có kích thước khổng lồ, không có thông tin nào về việc có người bị thương bởi Tearai Oni. Tuy nhiên, cẩn trọng vẫn không thừa do vóc dáng

Ý KIẾN HỌC GIẢ:

Yokai không được tạo ra ngẫu nhiên; chúng chắc chắn có mối liên hệ nào đó với thế giới quan của con người. Nhiều yokai là hình tượng nhân hoá đại diện cho các hiện tượng tự nhiên (như Azuki Arai, trang 90) hay các khái niệm trừu tượng (như Mokumoku Ren, trang 98). Tương tự như Dorotabo (trang 114), là một cụm từ lóng từng phổ biến được nhân cách hoá, các học giả về truyện dân gian Nhật Bản tin rằng Tearai Oni trên thực tế có nguồn gốc là một thành ngữ hay một phép ẩn dụ. Tuy nhiên, những chi tiết chính xác đã bị thời gian che mờ, khiến yokai này trở thành một di sản ngôn ngữ kì thú – và một ví dụ cho thấy sự thay đổi nhanh chóng của ngôn ngữ loài người qua các thế kỉ. Dù thế nào, Tearai Oni có thể coi là một chứng cứ hùng hồn cho khái niệm "bát sạch ngon cơm"!



Tearai Oni thường được khắc hoạ trong tư thế rửa tay chổng ngược thế này.

một bàn chân khổng lồ của nó vô ý giẫm bẹp. Hoặc là nếu bạn tình cờ đến gần bằng đường thuỷ, thuyền bè của bạn dễ dàng bị lật bởi đôi tay to tướng của nó đang khuấy nước.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Hãy duy trì cự li. Giữ im lặng và kiềm chế ý muốn quấy nhiễu hay thu hút sự chú ý của yokai này. Theo lời kể lại, Tearai Oni luôn thu mình, có vẻ không biết gì về thế giới con người. Điều nghịch lí là Tearai Oni có nhiều điều để lo sợ hơn chúng ta: phá hoại môi trường, ô nhiễm, và việc xây đập đã làm thu hẹp dữ dội nơi cư trú tiềm năng của yokai này. Phát hiện được nó là việc vô cùng hiếm; nếu bạn tình cờ bắt gặp tạo vật khổng lồ hiền lành này, hãy xem như mình cực kì may mắn.

khủng khiếp của nó. Dù dường như không có bất cứ ác ý nào đối với con người, Tearai Oni có vẻ cực kì chăm chú vào hành động rửa tay. Bạn có thể dễ dàng bị

Futakuchi Onna

二口女

Âm Hán Việt:
Nhị Khẩu Nữ.

Nghĩa tên:
"Người phụ nữ hai miệng."

Giới tính:
Nữ.

Chiều cao:
Bằng một phụ nữ Nhật Bản bình thường.

Cân nặng:
Bằng một phụ nữ Nhật Bản bình thường.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Có cái miệng thứ hai ở sau đầu. Mái tóc biết cử động giống xúc tu. Tham ăn vô độ.

Số lượng răng:
64.

Số lưỡi:
2.

Thức ăn yêu thích:
Hầu như mọi thứ

nhưng đặc biệt là đồ ngọt

Vũ khí tấn công:
Không có.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Bất cứ nơi nào con người sống.

Danh tiếng:
Đây là một ngôi sao trong giới siêu nhiên, một trong những yokai nổi tiếng và có thể nhận biết trong chớp mắt trong truyện dân gian Nhật Bản. Futakuchi Onna – Người phụ nữ có hai miệng – là một yokai mang nhiều mâu thuẫn. Ban đầu trông nó như một phụ nữ bình thường, nhưng nó có một cái miệng thứ hai đầy đủ bộ phận ẩn trong những lọn tóc đen xoã xuống sau đầu. Trên thực tế, bản thân cái miệng tự có ý thức riêng, lẩm bẩm những bình luận và chửi thề khiếm nhã. Đôi khi nó bị cho là sẽ ăn không ngừng nghỉ để thoả mãn cái miệng thứ hai này; còn trong những câu chuyện khác, nó được miêu tả là rất kén ăn.

Theo một truyền thuyết khá đen tối, chúng là những tạo vật bị nguyền rủa, từng là con người. Chúng là kết quả của


CappuccinoTeam

những trường hợp cực đoan khi người mẹ thiên vị con riêng của mình hơn con ghẻ; cụ thể hơn là trong tình huống đứa con ghẻ bị bỏ mặc đến mức chết đói. Quả báo là bốn mươi chín ngày sau, linh hồn đứa trẻ quá cố sẽ đến nhập vào cơ thể người đã bạc đãi nó, biến bà ta thành một Futakuchi Onna đói khát vô độ. (Bốn mươi chín ngày là thời gian để tang truyền thống của Nhật Bản.)

Có một câu chuyện nổi tiếng kể về người phụ nữ đã để mặc cho con ghẻ chết đói. Bốn mươi chín ngày sau, bà ta bị chiếc rìu đốn củi của chồng vung trúng sau đầu. Vết thương không hẳn là sâu, nhưng mãi chẳng chịu lành; không lâu sau, nó mọc ra môi, răng, và một cái lưỡi rồi bắt đầu lặp đi lặp lại câu nói "ngươi phải xin lỗi". Trong một dị bản của câu chuyện, cái miệng bắt đầu tụng không biết mệt câu, "Tôi đã giết đứa bé. Tôi sai rồi."

Những giả thuyết khác cho rằng Futakuchi Onna sinh ra từ những người bị ức chế nghiêm trọng do phải kìm nén cảm xúc thật và nuốt lời mình muốn nói vào bụng. Sau nhiều năm, cảm giác bất mãn này cuối cùng lên đến đỉnh điểm với sự biến hình tự phát thành Futakuchi Onna. Không như miệng của con người, cái miệng thứ hai của Futakuchi Onna được cho là không thể nói dối, luôn nói sự thật bất kể hoàn cảnh hay phép lịch sự.

Đòn tấn công!

Những người gặp phải Futakuchi Onna thường giật mình, nhưng cho đến nay không có ghi nhận nào về thương vong. Mối nguy hiểm trực tiếp nhất là đối với chạn thức ăn của bạn, vì mái tóc rắn của Futakuchi Onna sẽ tìm kiếm mọi thứ ăn được trong nhà bạn để thoả mãn cái miệng thứ hai tham lam của nó. Nhưng yokai này có xu hướng sống thu mình và chỉ lộ bản chất thật với một số người ít ỏi, dù là cố ý hay vô tình.



Tranh minh hoạ năm 1841 của Takehara Shunsen

Vì Futakuchi Onna rất giỏi trà trộn vào xã hội con người và mặt trước của nó hấp thụ thức ăn từ rất ít tới không gì cả, nên có các tin đồn là những kẻ hà tiện ngây thơ theo đuổi chúng khi tìm kiếm một vị hôn thê ăn ít, không gây gánh nặng lên khoản chi phí dành cho thức ăn. Nhưng những chú rể này sẽ bị gậy ông đập lưng ông, bởi một khi anh ta ra khỏi nhà, cái miệng thứ hai của cô dâu sẽ ngốn gấp hai lần sức ăn của một phụ nữ bình thường.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Như nhiều yokai khác, Futakuchi Onna thích thú với việc hù doạ nạn nhân thay vì gây sát thương. Nhiều khả năng nó sẽ tránh để lộ bộ mặt (những bộ mặt?) thật cho đến khi chắc chắn có thể làm người đang nhìn bị giật mình. Nói chung, những cuộc chạm trán này sẽ diễn ra một đối một thay vì ở chỗ đông người.

Ngay cả sau khi Futakuchi Onna để lộ bản thân, bạn cũng không gặp phải nguy hiểm trực tiếp nào. Theo lời kể có lẽ nó sẽ quan tâm đến việc ăn uống hơn là sự có mặt của bạn, cho phép bạn chuồn êm.

Nếu bạn là phụ nữ và muốn tránh trở thành một Futakuchi Onna, hãy nhớ cho con cái ăn uống đầy đủ, đặc biệt nếu chúng là con riêng của chồng. Và đừng ngại thỉnh thoảng phát biểu ý kiến.

DẤU HIỆU NGUY HIỂM

Cô dâu của bạn có phải là Futakuchi Onna hay không? Sau đây là vài dấu hiệu cảnh báo tiềm năng:

- [ ] Thức ăn biến mất nhanh hơn lẽ thường
- [ ] Tóc ở những nơi kì quặc (sâu trong ngăn tủ, trong tủ lạnh, v.v...)
- [ ] Vụn thức ăn mắc trong tóc ở sau đầu cô ấy
- [ ] Tóc cô ấy xoắn thành nút quanh cổ bạn vào buổi sáng
- [ ] Nói nhiều hơn khi quay mặt đi

Onibaba

鬼婆

Âm Hán Việt:
Quỷ Bà.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Kurozuka.

Giới tính:
Nữ.

Chiều cao:
Bằng một bà già Nhật bình thường.

Cân nặng:
Bằng một bà già Nhật bình thường.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Bộ dạng nhếch nhác, điên khùng.
Mái tóc bù xù.
Miệng to quá khổ.
Thường mang theo dao làm bếp.

Thức ăn ưa thích:
Ruột người.

Vũ khí tấn công:
Dao, răng.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Hang, đèo.

Danh tiếng:
Yêu quái này mang nhiều tên nhưng quy luật hành động luôn bất biến: một bà già nhăn nheo trên đường làm nhiệm vụ ghê rợn là thu thập gan của trẻ con chưa đẻ. Như Hashi Hime (trang 162), Onibaba từng là một phụ nữ bình thường do bất hạnh và điên loạn mà biến thành yokai. Suốt nhiều thế hệ, nó ám vùng núi của tỉnh Fukushima, cướp đi sinh mạng của vô số khách lữ hành. Câu chuyện của nó cũng bi thảm như số phận



Bappy-chan là linh vật siêu đáng yêu ở một công viên giải trí xây gần địa bàn hoạt động cũ của Onibaba.



của những ai đi ngang qua đường nó.

Truyện về Onibaba:
Ngày xửa ngày xưa, một gia đình giàu có ở Kyoto sinh được một bé gái. Cô bé chưa bao giờ đòi hỏi thứ gì, nhưng mặt khác, đến khi lên năm, đứa trẻ vui vẻ và khoẻ mạnh một cách hoàn hảo ấy vẫn không hề bật ra một tiếng khóc hay âm thanh nào. Cha mẹ bé gái tìm thầy chạy thuốc khắp nơi mà không có kết quả. Cuối cùng họ gặp một thầy bói nổi tiếng, người này xem tử vi rồi đưa ra một phương pháp chữa trị khủng khiếp: cho bé gái ăn gan tươi của một bào thai sống.

Vú nuôi của bé gái, cũng có một con gái chạc tuổi đó, được giao cho nhiệm vụ không mấy dễ chịu là đi tìm gan. Biết rằng hành trình phía trước sẽ dài đằng đẵng và đen tối, bà để lại cho con gái một chiếc *o-mamori*, một tấm bùa cầu may, và một mình đi về vùng nông thôn.

Suốt nhiều tuần, nhiều tháng, bà đi tìm một phụ nữ sẵn sàng từ bỏ đứa con chưa ra đời của mình. Cuối cùng, bà đến một vùng đồi núi xa xôi là Adachigahara. Bà quyết định ở lại chờ đợi, lấy một cái hang nhỏ xíu làm nơi trú tạm. Nhưng không may, phải nhiều năm trôi qua số phận mới đưa đến cho bà một lữ khách mang thai đơn độc.

Quá mong mỏi hoàn thành nhiệm vụ, người vú nuôi nay đã già nhảy bổ tới, không do dự ra tay với người phụ nữ trẻ bằng con dao giấu trong tay. Đến tận sau khi đã lấy được chiến lợi phẩm ghê rợn từ bụng người phụ nữ, bà ta mới nhận ra: nạn nhân đang đeo không gì khác ngoài chiếc o-mamori mà bà từng đưa cho con gái mình nhiều năm về trước.

CHÙA KANZEJI, cũng nằm ở Adachigahara, là địa điểm của một bảo tàng nhỏ dành cho Onibaba. Nó không chỉ chứa cái được cho là mộ của Onibaba mà còn có cả con dao và nồi nấu bà ta đã dùng để chế biến thịt lấy từ nạn nhân của mình.

Đòn tấn công!
Hoá điên khi nhận ra mình vừa giết chết con gái duy nhất cùng cháu ngoại, người vú nuôi săn lùng không chỉ phụ nữ mang thai mà bất cứ khách lữ hành nào không may đi ngang đường mình, giết họ rồi róc thịt ăn.

Thoát hiểm khi dụng độ:
Ở Nhật Bản hiện đại, rất ít người còn đi bộ vượt qua đèo, dù là ban đêm hay ban ngày. Theo một số ghi chép Onibaba đã biến mất nhiều năm trước,

nhưng những người khác tin rằng nó chỉ rời khỏi vùng đất săn mồi trước đây ở Adachigahara để đến những nơi có mật độ dân cư cao hơn. Ai biết được ngày nay nó đang lang thang ở nơi nào để tìm kiếm miếng mồi ngon thịt người cùng những bộ phận nội tạng khác?

Nếu bạn tình cờ gặp phải Onibaba, bạn có thể thử thuyết phục nó rằng bạn quá béo, quá dai, hay không ngon theo cách nào đó, nên không đáng cho nó phí công. Mẹo của Hansel và Gretel là trình ra một khúc xương gà giả làm ngón tay cũng có thể có hiệu quả. Chúc may mắn – bạn sẽ cần đấy.

Chơi cùng Quỷ Bà: Có phần khó tin là địa điểm hoành hành trước đây của yokai ăn thịt người khát máu này nay đã biến thành một công viên giải trí. Làng Adachigahara Furusatomura – một bản sao của làng truyền thống Nhật Bản dựng lên cho khách du lịch tham quan – nằm cách ga Nihonmatsu chỉ mười phút ngồi xe buýt trên tuyến JR Tohoku. Linh vật chính thức của nó, "Bappy" (dịch nghĩa thành một từ gần giống với "Bà già") là một chân dung siêu đáng yêu của Onibaba, và cửa hàng quà lưu niệm thuộc công viên có bán cốc cà phê, bút bi, và que ngoáy tai in hình ảnh của nó. Bạn thậm chí có thể tải một "Onibaba ảo" về máy tính từ trang web: *http://bappychan.com/mascot/mascot.html*



Một bức tranh cổ: Onibaba trên đường rình rập con mồi.

Tofu Kozo

豆腐小僧

Âm Hán Việt:
Đậu Phụ Tiểu Tăng.

Nghĩa tên:
"Chú tiểu đậu phụ."

Chiều cao:
Xấp xỉ 1 m.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Nón rơm.
Kimono.
Dép rơm *zori*, guốc gỗ *geta*, hoặc chân trần.
Luôn mang một cái đĩa.

Thức ăn ưa thích:
Có thể phỏng đoán là đậu phụ.



Vũ khí tấn công:
Có phần khó tin, một bìa đậu phụ.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Thành thị.

Danh tiếng:
Là một yokai nhỏ bé khiêm tốn, Tofu Kozo có nguồn gốc tương đối gần đây, được miêu tả lần đầu vào giữa thế kỉ mười tám. Nó có hình dáng một cậu bé mặc trang phục truyền thống, trang bị vũ khí duy nhất là một bìa đậu phụ núng nính đặt trên đĩa. Các cuộc chạm trán luôn diễn ra theo cùng một dạng thức.
Ai đó đang dạo bước giữa đêm tối dễ chịu, yên bình. Người đó chỉ có thể ngờ ngợ nhận ra một bóng người nhỏ bé đội nón rơm truyền thống ở phía trước một đoạn. Khi lại gần, họ thấy đó là một cậu bé cầm một cái đĩa. Trên đĩa rung rinh một thứ trông như bìa đậu tươi ngon lành được chuẩn bị kĩ lưỡng, trang trí bằng một chiếc lá momiji (lá phong Nhật Bản). Dù lúc này đã khuya, người nọ



không ngăn được mình muốn thử một miếng món ăn thuần thiên nhiên...

Đòn tấn công!
Nếu có người nếm miếng đậu phụ, họ đã rơi vào bẫy của Tofu Kozo với vẻ ngoài khiêm tốn. Kết quả khác nhau tuỳ từng người. Trong một số trường hợp, người ăn đậu phụ sẽ đi khỏi mà không gặp phải bất kì hậu quả xấu nào. Nhưng những lúc khác, khi đậu phụ bị ăn dù chỉ một mẩu nhỏ, một loại nấm khuẩn sẽ bắt đầu sinh sôi trong cơ thể nạn nhân, những bào tử hôi thối của nó cuối cùng sẽ rút cạn sinh mệnh họ.


Karuta thế kỉ mười tám

Thoát hiểm khi đụng độ:
Hãy cẩn trọng trước những đứa trẻ mang đậu phụ; không phải điều khó khăn gì trừ khi bạn sắp chết đói. Theo một số giả thuyết, những bìa đậu phụ không có lá momiji hoàn toàn vô hại. Hãy cố gắng xác định sự có mặt hay vắng mặt của chiếc lá trang trí trước khi xơi một miếng.

Phong trào đậu phụ:
Điều khó hiểu là Tofu Kozo trở nên cực kì được ưa thích vào đầu thế kỉ mười chín, tranh minh hoạ về anh bạn bé nhỏ khiêm tốn này xuất hiện trong đủ loại ấn bản định kì thịnh hành và trên thẻ sưu tập gọi là *karuta*. Chỉ là, ngay cả những cơn sốt thịnh hành nhất cũng phải nguội đi: vào đầu thời đại Meiji vào năm 1868, cậu chàng tí hon hầu như đã biến mất khỏi tầm mắt công chúng.

Sự kết hợp Kozo:
Lâu nay vẫn thường có một chút những pha kết hợp giữa Tofu Kozo và Hitotsume Kozo ("Nhất mục tiểu tăng", trang 170), vì cả hai yokai đều lấy hình hài là trẻ con

Ý KIẾN HỌC GIẢ:
Sự có mặt của lá phong có thể là phép chơi chữ với từ *koyo*, chỉ việc lá đổi màu trong mùa thu. Sự kết hợp giữa vẻ bề ngoài và tên gọi đáng yêu của Tofu Kozo khiến nó trở thành tổ tiên trực hệ của những nhân vật xuất hiện trên thẻ bài sưu tập hiện đại, khá nhiều trong số đó có tạo hình và tên gọi mang tính chơi chữ tương tự.

với thú vui nghịch ngợm. Vì thế chúng ta thường bắt gặp những tranh chân dung Tofu Kozo có một con mắt và cái lưỡi dài của Hitotsume Kozo.



Một phiên bản Tofu Kozo khác do Masayoshi sáng tác.

Quảng cáo đậu phụ:
Dù ở nước ngoài được xem như một loại "thức ăn dưỡng sinh" hay đôi khi còn bị coi là thức ăn hạng hai thay thế cho thịt, đậu phụ tươi là một phần không thể thiếu (chưa kể còn rất ngon) trong bữa ăn của người Nhật. Ngày nay được mua chủ yếu trong siêu thị, chứ trước đây, đậu phụ được làm bằng tay và bán qua những cửa hiệu gia đình chuyên biệt hoặc những người bán hàng rong đẩy xe. Đậu phụ có tiếng là mềm và chóng hỏng, khiến mọi mối liên hệ giữa món ăn này với lực lượng siêu nhiên càng thêm kì khôi.

THÀNH NGỮ ĐẬU PHỤ

Dù không liên quan trực tiếp đến Tofu Kozo, câu nguyền rủa cổ lỗ "Tofu no kado ni atama wo butsukete shinjimae!" ("Đập đầu vào góc bìa đậu mà chết đi!") là một ví dụ khác của khái niệm hài hước rằng đậu phụ có thể gây nguy hiểm cho sinh mạng và cơ thể. Cảnh tượng kì khôi về cái chết bởi đậu phụ, một thứ tương tự như chết trong một trận choảng nhau bằng gối, có vẻ cũng là nguồn gốc của Tofu Kozo.

YOKAI SỐ: 018

Akaname

垢嘗

KHẨU VỊ NẶNG

Âm Hán Việt:
Cấu Thường.

Nghĩa tên:
Liếm cặn.

Giới tính:
Không rõ.

Chiều cao:
150 cm.

Cân nặng:
Bằng một người lớn thấp bé.

Chiều dài lưỡi:
Lên tới 30 cm.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Tóc dài, rối.
Da phủ màu không tự nhiên, thường hơi đỏ.
Thường có vẻ hung dữ.
Lưỡi dài, nhọn.

Vì sao Akaname luôn được miêu tả có màu đỏ? Vì "aka" (cặn bẩn) đồng âm với "aka" (màu đỏ).

Thức ăn ưa thích:
Da chết, nấm mốc.

Vũ khí tấn công:
Không có.

Số lượng:
Phổ biến.

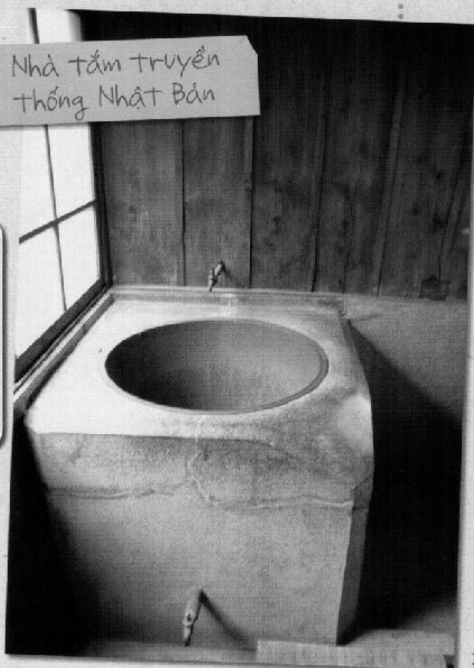
Nơi cư trú:
Nhà tắm bẩn.

Danh tiếng:
Tạo vật này có màu da đỏ ửng như người vừa tắm nước nóng – và thèm khát ăn cặn bẩn lắng đọng trong và quanh bồn tắm. Cứ chểnh mảng nhiệm vụ cọ rửa đi và bạn sẽ làm tăng khả năng đụng phải nhân vật ghê tởm này.

Nếu muốn hiểu về Akaname, bạn cần hiểu về kết cấu nhà tắm truyền thống Nhật Bản. Nói chung, nhà tắm ở Nhật đúng là một căn phòng để tắm và không gì khác, bồn vệ sinh bị tách ra một phòng riêng. Dù nhiều căn hộ và khách sạn hiện đại sử dụng "nhà tắm tổng hợp" chứa cả bồn tắm và bồn cầu, kết cấu riêng biệt vẫn rất thường thấy trong các hộ gia đình Nhật Bản.

Thời xưa, những bồn tắm này được làm bằng gỗ và thường nằm





(name) lớp cặn *(aka)* của những bồn tắm cáu bẩn. Chúng là chuyên gia sành sỏi về cặn xà phòng, nấm mốc, và vết ố bồn tắm. Đúng là một cái bụng được đúc bằng gang.

Đòn tấn công!
Nếu bỏ qua ý nghĩ ghê tởm rằng có một cái lưỡi ướt nhẹp của yokai liếm mặt trong bồn tắm nhà mình, thì khó mà miêu tả hành vi của Akaname là hung dữ hay nguy hiểm. Hơn nữa, Akaname chỉ xuất hiện ở những bồn tắm bị bỏ mặc đã lâu và đằng nào cũng cần cọ rửa, nên việc liếm sạch cặn bẩn thực ra là một kiểu phục vụ, dù nghe có tởm đến đâu.

KHẨU VỊ NẶNG

trong một kiến trúc biệt lập với nhà chính. Điều kiện lưu thông không khí kém và sự ẩm ướt từ đó mà ra khiến không gian đóng kín này trở thành nơi cư ngụ lí tưởng của đủ loại sâu bọ trong những tháng ấm áp. Những ai dùng nhà tắm vào mùa hè sẽ phải lên tinh thần đương đầu với ốc sên, sên trần, giun, bọ, nhện, và cóc nhái.

Akaname xuất hiện trong loại nhà tắm này vào ban đêm, làm đúng chức trách ghi trong cái tên của mình bằng cách liếm

Thoát hiểm khi đụng độ:
Lạy chúa lòng lành, hãy cọ bồn tắm của bạn đi! Khi một Akaname đã để mắt đến bồn tắm nào, nó sẽ tiếp tục thường xuyên quay lại để tìm nguồn dinh dưỡng. Tính mạng của bạn không gặp nguy hiểm gì, nhưng nếu hàng xóm đánh hơi được sự thực là có Akaname thích ghé nhà bạn, thì danh dự của bạn chắc chắn sẽ đi tong. Có lẽ không cần nói bạn cũng hiểu, nhưng một khi Akaname đã được một tối no nê cặn bẩn,

đã đến lúc bạn dùng đến bàn chải và nước tẩy rửa rồi đó.

Dù nhiều thế hệ trẻ em Nhật Bản (và không ít người lớn) từng sợ đụng phải Akaname, nhưng yokai này không hung bạo hay tàn ác. Việc chạm trán hầu như chỉ xảy ra giới hạn trong mùa hè, khi nhà tắm ẩm ướt, nhiều nấm mốc và hôi hám hơn bình thường. Với sinh viên đại học và/ hoặc những người siêu lười, chỉ cần kiêng tắm cho đến khi chuyển mùa cũng là một cách để tránh gặp Akaname.

Thông tin bẩn thỉu:

Xét về cốt lõi, Akaname là sự nhân cách hoá nỗi sợ phải dùng nhà tắm tối tăm vào đêm khuya. Trước khi nhà tắm hiện đại và bồn cầu tự hoại ra đời, khu công trình phụ này thường bị coi là một nơi tối tăm và đáng sợ, đặc biệt với trẻ nhỏ. Akaname chỉ là một trong nhiều loại tạo vật quái dị người ta tin là sống trong nhà tắm; xem thêm Toire no Hanako (trang 174), kẻ ám các nhà vệ sinh trong trường học.



Akaname của Sekien

CÓ THÔNG TIN CHƯA QUA KIỂM CHỨNG cho biết Akaname sợ chết khiếp *mujina*, con lửng Nhật Bản. Không may là điểm yếu chí mạng này có vẻ không mấy hữu ích với vai trò một biện pháp đối phó. Hãy tự hỏi mình xem có đáng phải xích một con lửng trong nhà tắm để phòng yokai không khi chỉ cần một tiếng đồng hồ với bàn chải cọ rửa là bạn cũng sẽ đạt được mục đích?

YOKAI SỐ: 019

Azuki Arai

小豆洗い

Nghĩa tên:
"Người rửa đậu đỏ."

Tên khác trong tiếng Nhật:
Azuki-toge (Iwate),
Azuki-togi (Nagano,
Hiroshima, Yamaguchi),
Azuki-koshi (Tottori).

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
150 cm.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Tỉ lệ cơ thể quái dị.
Hói đầu thành mảng.
Mặt lún phún râu.
Mang theo một rổ đậu *azuki*.

Thức ăn ưa thích:
Có lẽ là đậu và thịt người.

Vũ khí tự vệ:
Khả năng tránh bị nhìn thấy,
giống như ngụy trang.

Vũ khí tấn công:
Bài hát gây mất
phương hướng.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Bờ sông bờ suối
hẻo lánh.

Danh tiếng:
Là một yokai nhỏ bé lén lút, thường nghe thấy tiếng nhưng rất ít khi nhìn thấy bên các bờ sông bờ suối hẻo lánh, Azuki Arai


CAN AZU
YOUKAN
AZUKI
ICE
アイス
スーパー
あづき
もなか


Azuki Arai theo miêu tả của Takehara Shunsen

(dịch sát nghĩa là "Người rửa đậu đỏ") là một loại tạo vật khiêm tốn được cho là trông giống một con người bé nhỏ kì dị. Nó chuyên tâm tới mức kì quái với việc rửa đậu đỏ trong cái rổ nó mang theo phục vụ cho đúng mục đích ấy, vừa làm vừa ngâm nga một giai điệu lạ lùng. Khi những người leo núi hay lữ khách vì tò mò về nguồn gốc của âm thanh đó mà tiến đến gần, họ có thể nghe ra lời bài hát của Azuki Arai: "Rửa đậu của ta, hay bắt người cho ta ăn... *Shoki-shoki! Shoki-shoki!"* (Đoạn cuối là từ tượng thanh của tiếng đậu azuki vỗ lạo xạo vào nhau khi được rửa.) Người ta thường chỉ nghe tiếng mà hiếm khi nhìn thấy nó.

Ý KIẾN HỌC GIẢ:
Tiếng vang gây mất phương hướng của suối trong khe núi, thường có xu hướng khuếch đại âm thanh, là nguồn gốc thực sự của loài yokai này. Đây là một ví dụ hoàn hảo cho sự nhân cách hoá một hiện tượng tự nhiên.

Vì sao là Azuki?

Đậu azuki từng là thành phần chính trong thực đơn của người Nhật hơn một ngàn năm, màu đỏ của loại đậu này khiến nó vừa là nguyên liệu nấu ăn được ưa chuộng vừa là biểu tượng của may mắn. Người ta thường ninh đậu đỏ với đường và nghiền thành bột để làm nhân bánh ngọt; nó cũng có thể nấu cùng cơm, một thành phần chủ yếu khác của bữa ăn Nhật, để làm ra món ăn dịp lễ gọi là *seki-han* ("cơm đậu đỏ"). Nhưng trước tiên đậu cần được rửa sạch, và Azuki Arai, Người Rửa Đậu Đỏ, lấy tên từ chính công đoạn nấu ăn này. Tiếng đậu azuki và nước vỗ vào nhau trong sàng tre truyền thống nghe giống tiếng nước suối róc rách ở nơi cư trú ưa thích của yokai này.

Đòn tấn công!

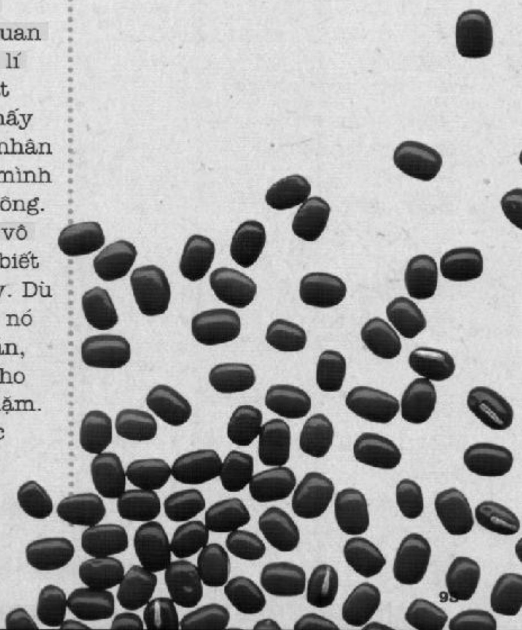
Những ai gặp phải Azuki Arai hiếm khi nhìn được dù chỉ

một thoáng loài yokai giỏi ẩn mình này. Thay vào đó họ thấy mình bị cuốn vào việc cố gắng định vị âm thanh và bài hát, cuối cùng là mất phương hướng, trượt chân, và không thể tránh khỏi việc nhận ra bản thân đang ngồi trong vùng nước bất kì nào đó mà họ tình cờ ở gần. Đây là hành vi cố ý của Azuki Arai hay chỉ là một tác dụng phụ làm mất phương hướng xảy ra bởi việc quay mòng mòng để tìm nó hiện vẫn còn gây tranh cãi, nhưng nó có vẻ thích thú chứng kiến người ta ngã nhào xuống nước.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Dù lời bài hát của Azuki Arai nghe có vẻ tà ác, yokai này chưa bao giờ trực tiếp liên quan đến bất kì loại xung đột vật lí nào. Thay vì bạo lực, tạo vật này lấy làm thích thú khi thấy vẻ kinh ngạc trên mặt nạn nhân khi họ nghe lời bài hát của mình hoặc khi ngã lộn cổ xuống sông.

Azuki Arai nhìn chung là vô hại, nhưng những ai không biết bơi nên tránh loài yokai này. Dù cực kì khó nhìn thấy, tránh nó lại là việc hoàn toàn đơn giản, vì âm thanh rửa đậu được cho là có thể vang xa gần một dặm. Nếu bạn nghe thấy tiếng róc rách khi còn ở cách xa nguồn nước, hay một bài hát kì quặc văng vẳng từ trong rừng, hãy đi tiếp thay vì rời khỏi lộ trình để cố định vị âm thanh đó.

Tuy vậy, nếu bạn quả thực nhìn thấy loài yokai cô độc lánh đời này, coi như bạn cực kì may mắn. Trên thực tế, người ta tin rằng ngày nay nó vẫn sống trong các khu rừng Nhật Bản. Có tin đồn rằng những người leo núi, khi nghe thấy tiếng suối hay lạch nước nhỏ trong rừng và nói, “Azuki Arai từng sống quanh đây”, đôi khi sẽ được đáp lại bằng một câu ma mị: “Ta vẫn ở đây!”



YOKAI SỐ: 020

Seto Taisho

瀬戸大将

Nghĩa tên:
"Đại tướng Seto."

Giới tính:
Nam.

Kích thước:
Khoảng 50 cm.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Đầu bằng chai rượu sake, cơ thể bằng ấm trà, v.v...

Thực đơn ưa thích:
Thay vì ăn, nó được làm từ những thứ đựng đồ ăn.

Vũ khí tấn công:
Giáo gỗ bịt đầu sứ.

Điểm yếu:
Rơi từ trên cao xuống.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Bếp của nhà hàng hay hộ gia đình.

Danh tiếng:
Gã phiền nhiễu này được tạo thành hoàn toàn từ đồ dùng bàn ăn bị bỏ đi. Đầu của nó là một chai *tokkuri* hình bầu đựng rượu sake; cơ thể là một cái ấm trà lớn; váy của nó là bát canh úp ngược; và tay chân kết hợp từ mọi loại đĩa và thìa tình cờ nằm gần đó. Nguồn gốc của nó không rõ ràng. Người ta vẫn chưa biết chính xác tình huống, thành ngữ, hay hiện tượng nào đã thúc đẩy hình thành tạo vật này.

Là một võ sĩ tí hon nhưng hung hăng, luôn sẵn sàng chiến đấu, Seto Taisho là kẻ thích bé xé ra to đúng nghĩa. Vốn là một khối kết hợp thìa, đĩa, ấm trà và các đồ sứ cũ bị bỏ đi tự sinh ra trí khôn, về cơ bản nó là một nhánh của đồ vật thành tinh (xem Tsukumo-gami, trang 102). Người ta tin rằng cái tên này bắt nguồn từ đồ sứ Seto, thứ cấu thành phần lớn cơ thể nó (xem ghi chú bên dưới).

KHẨU VỊ NẶNG

BÊN LỀ VỀ TAISHO (ĐẠI TƯỚNG):
Dù có tên như vậy nhưng Seto Taisho dường như không liên hệ trực tiếp đến thành phố Seto ở tỉnh Aichi vốn nổi tiếng với sản phẩm gốm sứ. Giống như từ "China", bao quát mọi loại đồ sứ đến từ đất nước cùng tên (Trung Quốc), ở Nhật, "Seto" từng là từ dùng chung cho gần như mọi loại đồ gốm sứ.


たこ
いか
トロ

Đòn tấn công!
Không hề e ngại về thể hình tương đối nhỏ bé của mình, Seto Taisho có tiếng với việc dũng mãnh tấn công kẻ mà nó cho là đối thủ – cơ bản là bất cứ ai trong tầm tiếng hô thách đấu của nó – bằng một cây giáo gỗ tí hon. Không may là cây giáo bị bịt đầu bằng một bình sứ tròn thay vì nhọn, biến nó thành một vũ khí dễ vỡ và khá vô dụng. Nó thậm chí còn không thể sử dụng lợi thế bất ngờ, bởi vì đôi chân trơn bóng cứng giòn của nó phát ra tiếng lách cách ồn ào mỗi khi nó bước đi. Thật khó hiểu việc Seto Taisho làm thế nào mà lại có thể đặt vững được chân trên mặt bàn nó dùng cho màn xung phong dữ dội của nó.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Seto Taisho có thể là một gã bé nhỏ hung hăng, nhưng nó đã cho khái niệm "mong manh dễ vỡ" thêm ý nghĩa mới. Khi nó xông tới, bạn chỉ việc nâng cánh tay lên vào phút cuối và để nó chạy ra khỏi mặt phẳng.

Cảnh báo trước: không như Humpy Dumpty[1], người ta tin rằng Seto Taisho có thể tự ghép lại thân thể sau cú rơi. Tiếp tục lặp lại sách lược trên cho tới khi nó phát chán và quyết định nhằm đến nạn nhân mới.

[1] Nhân vật trong một bài đồng dao tiếng Anh, thường được thể hiện bằng hình quả trứng. Lời bài hát nói về một người vụng về ngã xuống khỏi bức tường và bị huỷ hoại tới mức không thể cứu vãn, giống như một quả trứng vỡ.

KHẨU VỊ NẶNG

TRONG THƯ VIỆN:
Nhiều yokai dựa trên truyện dân gian, truyền thuyết địa phương, hay hiện tượng tự nhiên. Nhưng Seto Taisho thì không. Nó được miêu tả lần đầu trong cuốn sách năm 1784 được đặt tên rất khéo, đó là *Gazu Hyakki Tsurezure Bukuro*, "Tập minh hoạ trăm đồ vật ngẫu nhiên" của Toriyama Sekien. Dù gần như chỉ được tạo ra như một thứ thêm thắt, việc nó liên tục thịnh hành trong cộng đồng người nghiên cứu yokai đã chứng minh cho sức lôi cuốn ẩn trong hình minh hoạ độc đáo của Toriyama.


Seto Taisho của Sekien

Hàng xóm **khó ưa**

Hãy quên "nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận lộ" đi. Điều quan trọng nhất khi mua nhà đất là đảm bảo một trong những tạo vật dưới đây không sống cạnh nhà bạn.

Mokumoku Ren

目目連

Âm Hán Việt:
Mục Mục Liên.

Nghĩa tên:
Cửa nhiều mắt.

Chiều cao / Chiều rộng:
Mỗi cánh 189 cm x 94 cm.

Màu mắt:
Đa dạng.

Cách di chuyển:
Trượt ngang.

Đặc điểm:
Khung gỗ.
Giấy rách.
Nhiều con mắt một mí ghê rợn.

Vũ khí tấn công:
Chớp mắt.

Điểm yếu:
Va chạm vật lí.
Nước.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Nhà đổ nát hoặc bỏ hoang.

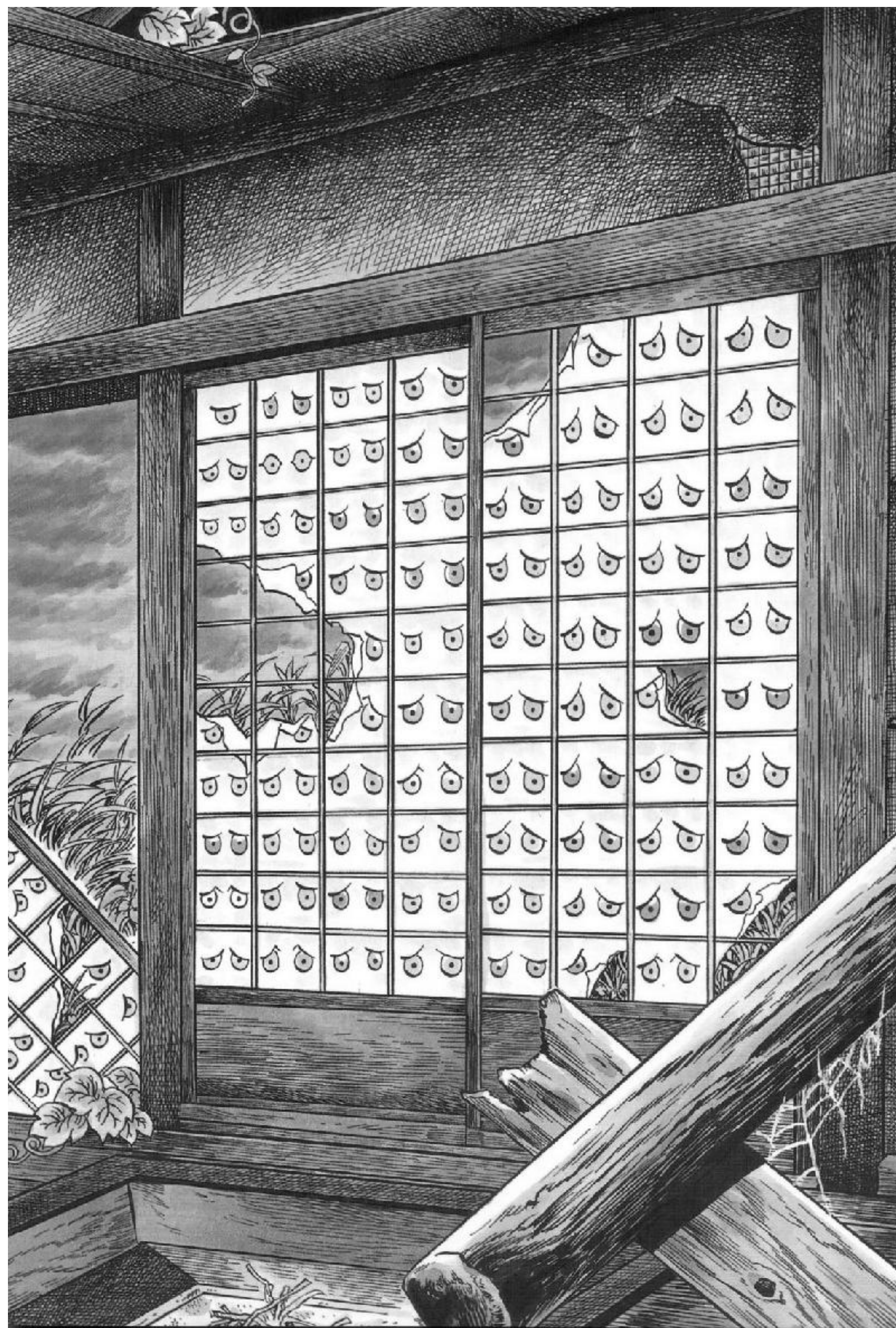
Danh tiếng:
Mượn lời của Nietzsche[1], khi bạn nhìn vào một tấm cửa lùa, đôi khi nó cũng nhìn lại bạn.

Là một trong những thành viên nổi bật nhất của ngôi đền yokai, Mokumoku Ren trông như một tấm cửa giấy lùa thường thấy trong nhiều ngôi nhà và dinh thự trên khắp Nhật Bản – dù có vẻ cũ kĩ, sờn rách, đầy lỗ thủng. Tuy nhiên, khi lại gần quan sát, bạn sẽ thấy rõ không gian giữa các khung gỗ chứa đầy những cặp mắt, các con ngươi quái dị lần theo mọi cử động của con người xuất hiện gần đó.

Mokumoku Ren là loại yêu quái truyền thống, một trong những thứ bạn có thể gặp phải đầu tiên trong một ngôi nhà ma ám của Nhật. Thời xưa, khi các khách sạn và thậm chí làng mạc còn ít và cách xa nhau, khách lữ hành thường phải trú tạm qua đêm trong những ngôi nhà, kho bỏ hoang, hay những toà kiến trúc nhân tạo rợn người khác. Chính loại địa điểm vốn đã khiến người ta bất an này là nơi Mokumoku Ren hiện hình.

Tên của nó có nghĩa là "nhiều mắt" hay "toàn mắt là mắt". Về cơ bản nó là tập hợp nhiều con mắt không có cơ thể, trú ngụ trên đủ loại bề mặt khác nhau

[1] *Friedrich Nietzsche (1844-1900): Nhà triết học người Đức, tác giả cuốn sách* Bên kia thiện ác *với câu nói nổi tiếng (tạm dịch): "Kẻ chiến đấu với quái vật nên coi chừng để bản thân đừng biến thành quái vật. Khi ngươi trừng mắt nhìn vào vực thẳm, vực thẳm cũng sẽ nhìn vào ngươi." - ND*





Bằng chứng xác thực của yokai hay chỉ là một kẻ nhìn trộm?

trong nhà, thường là cửa lùa nhưng đôi khi cả trên chiếu *tatami* và trên tường. Vẫn chưa rõ nó là một tạo vật đơn thể có khả năng sinh sôi và lan tràn hay nhiều cá thể tập hợp lại thành đàn. Dù thế nào, sự có mặt của nó là dấu hiệu điển hình của những địa điểm có rắc rối mang tính siêu nhiên nghiêm trọng.

Đòn tấn công!

Dễ dàng hài lòng với việc gieo rắc nỗi sợ hãi vào lòng nạn nhân (người ta nói nó hầu như chỉ xuất hiện vào ban đêm), bản thân Mokumoku Ren không bị coi là nguy hiểm. Dù về mặt lí thuyết cánh cửa lùa mà nó trú ngụ có thể trượt ngang, Mokumoku Ren nhìn chúng ở nguyên tại chỗ, bất động ngoại trừ những con mắt đôi khi chớp nháy.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Có lẽ trừ những người yếu tim, việc gặp phải Mokumoku Ren hầu như không bao giờ gây chết người. Một số giả thuyết cho rằng có thể trục xuất Mokumoku Ren bằng cách sửa tấm cửa lùa nó đang trú ngụ, nhưng dù là thật, cách làm này cũng để lộ vấn đề riêng của nó. Thứ nhất là khách lữ hành bình thường không mang theo giấy và hồ dán cần có để sửa cửa lùa rách, tiếp nữa là bản thân Mokumoku Ren không phải vấn đề lớn nhất của bạn.

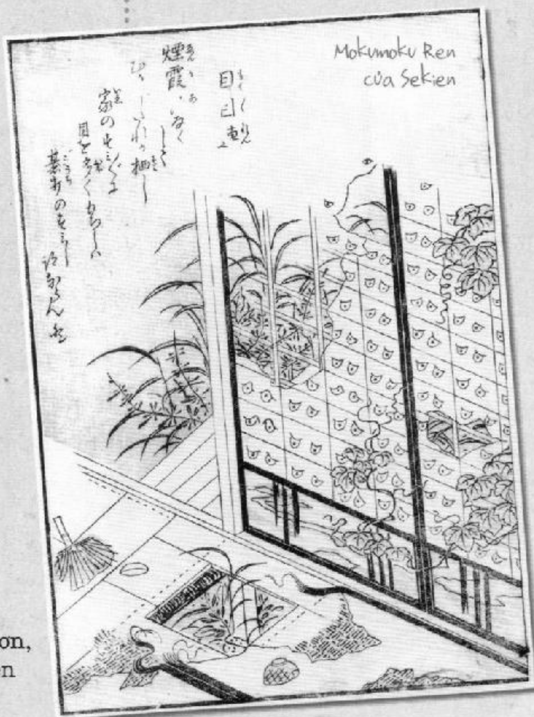
Ý KIẾN HỌC GIẢ:

Loại yokai này có lẽ ra đời với ý định ban đầu là một minh hoạ hài hước của khái niệm tương tự như câu thành ngữ "vách có tai". Những người khác lại tin rằng nó là một lối chơi chữ được hình tượng hoá, dựa trên môn cờ vây, trong đó người chơi tập trung ánh mắt vào bàn cờ được chia thành những ô vuông giống trên tấm cửa lùa.

Nó nhất định sẽ xuất hiện ở những địa điểm đang hứng chịu một vấn đề siêu nhiên nào đó, và thường xuyên đồng nghĩa với nơi các yokai khác nhiều khả năng tụ tập – nếu không phải chúng đã ở đó sẵn rồi. Vì thế, nếu bạn nhìn thấy Mokumoku Ren, bạn nên tìm cách ra khỏi toà nhà và đến nơi an toàn càng nhanh càng tốt.

Có nhiều truyện dân gian khác nhau liên quan đến việc bắt gặp Mokumoku Ren. Một đêm khuya nọ, một thương nhân hà tiện trên đường bôn ba quyết định tiết kiệm tiền bằng cách ngủ ở một ngôi nhà bỏ hoang thay vì vào nhà trọ. Anh ta đụng phải vô số con mắt nhìn mình chằm chằm từ các tấm cửa lùa của ngôi nhà đổ nát. Thay vì sợ hãi, anh ta móc những con mắt đó ra và bán bộ sưu tập ghê rợn này cho một thầy thuốc chữa mắt địa phương lấy một món hời. Có lẽ Mokumoku Ren sợ chúng ta nhiều hơn là chúng ta sợ chúng.

Hoặc cũng có thể không. Trong một câu chuyện khác kinh dị hơn, một khách lữ hành kiên quyết bám trụ lại ngôi nhà bỏ hoang buổi đêm và cố phớt lờ Mokumoku Ren bằng cách trùm chăn kín đầu trong khi ngủ. Khi thức giấc, anh ta kinh hoàng phát hiện hốc mắt của mình hoàn toàn trống rỗng, không thấy hai nhãn cầu đâu. Mặc dù không thể chứng thực, bạn nên ghi nhớ câu chuyện này nếu bạn đang cân nhắc việc dừng chân ít lâu trong loại nhà mà yokai này có xu hướng cư ngụ.



Mokumoku Ren của Sekien

YOKAI SỐ: 022

Tsukumo-gami

付喪神

Âm Hán Việt:
Phó Tang Thần.

Nghĩa tên:
"Yêu tinh đồ vật", "Di vật bị ám"; "Thần công cụ".

Chiều cao:
Đa dạng.

Cân nặng:
Đa dạng.

Cách di chuyển:
Đa dạng.

Đặc điểm:
Quá nhiều để ghi ở đây.

Vũ khí tấn công:
Nỗi sợ vì sự tồn tại của chúng.

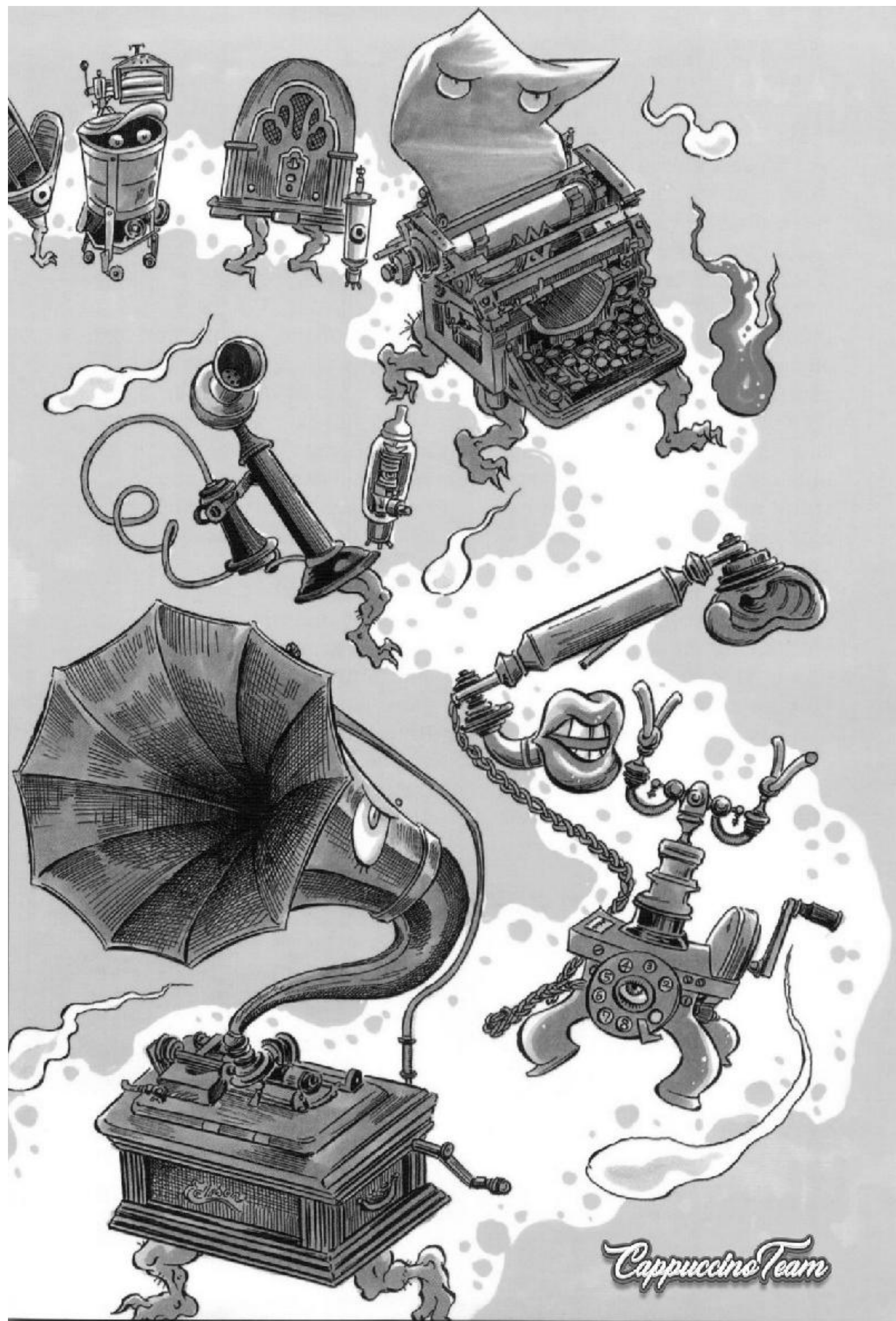
Điểm yếu:
Không rõ.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Nơi con người sống.

Danh tiếng:
Về mặt chủng loại, Tsukumo-gami giống một danh từ chung hơn là tên của một yokai cụ thể. Nó có cách đọc đồng âm với cụm kanji có nghĩa "chín mươi chín thần", liên hệ với việc người ta từng tin rằng bất kì đồ vật nào tồn tại đến tuổi chín mươi chín đều sẽ sinh ra ý thức, trở thành một Tsukumo-gami. (Thay vì chỉ một tuổi cụ thể, "chín mươi chín" ở đây có ngụ ý đơn giản là "lâu đời".) Nguồn gốc của Tsukumo-gami có thể thấy tại truyền thống vật linh trong tôn giáo Shinto thuộc Nhật Bản, với niềm tin không chỉ con người mà vạn vật, đang sống hay vô tri vô giác, đều có thể chứa đựng linh hồn.

Về mặt khái niệm, có thể coi Tsukumo-gami là phiên bản nhân cách hoá của nỗi thương tiếc khi vứt đi một vật thể đã sở hữu trong thời gian dài. Có thể là một cái nồi; có thể là một bộ quần áo hay đôi giày cũ kĩ; có thể là búa, dao, hay những công cụ khác đã tận tụy phục vụ chủ nhân trong nhiều năm. Thậm chí có thể là một món đồ công nghệ đã từng thời thượng nhưng rồi bị những thứ tân tiến hơn thay thế. Gần như bất cứ đồ vật nào từng thuộc sở hữu của một người trong thời gian dài đều có thể thành tinh và hoá thành phiên bản hình người của bản gốc.


Edison
CappuccinoTeam

Tsukumo-gami phẫn nộ vì bị vứt bỏ sau khi đã hết lòng phục vụ chủ nhân. Có lẽ nỗ lực nổi tiếng nhất của chúng là Hyakki Yagyo ("Bách Quỷ Dạ Hành") ở thời Heian, trong đó, một lượng lớn đồ vật thành tinh đã diễu hành dọc theo mép thành Heiankyo (nay là Kyoto), gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp kinh đô Nhật Bản đương thời. Truyền thuyết kể rằng cuối cùng chúng bị bao vây và đẩy lùi vào sâu trong núi, cách xa nơi con người sinh sống. Nghe có vẻ đáng yêu, nhưng vào thời điểm đó, cảnh tượng nồi niêu, ô dù, và những đồ vật khác diễu hành trên đường phố cùng với các loài quỷ quái khác bị xem là điềm gở kinh khủng và là mối đe doạ cho sự an nguy của kinh thành.

Đòn tấn công!
Mục đích tồn tại của Tsukumo-gami nhìn chung là trách cứ nhiều hơn gây hấn. Dù đơn độc hay theo nhóm nhỏ, chúng đơn thuần hài lòng với việc gây sốc bằng sự hiện diện của mình, nhảy múa, la hét, và làm bất cứ việc gì chúng nghĩ có thể doạ nạt nạn nhân. Chúng hoàn toàn ý thức được rằng chỉ riêng diện mạo của chúng thôi đã đủ doạ người nhìn sợ chết khiếp.

Tuy nhiên, với một tập thể lớn như cuộc diễu hành ở Kyoto, Tsukumo-gami bị coi như mối nguy hiểm tiềm tàng không kém bất cứ đám đông nào.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Cách tốt nhất để tránh việc bất cứ vật nào thuộc sở hữu của mình biến thành Tsukumo-gami là giữ gìn chúng cẩn thận. Những đồ vật bị quăng quật, vứt bỏ hay xếp xó có nhiều khả năng nổi giận và thành tinh hơn những thứ được đối đãi



Cầu cho bạn không đi ngang qua đường của Bách Quỷ Dạ Hành. Trích một tranh in của thế kỉ mười chín.

ân cần. Những công cụ, sản phẩm, công nghệ và đồ vật từng thịnh hành nhưng giờ đã bị lãng quên là loại dễ xuất hiện dưới dạng Tsukumo-gami nhất.

Theo dấu Tsukumo:
Con đường được cho là nơi Tsukumo-gami đã đi xuyên suốt Heiankyo vẫn còn tồn tại ở Kyoto. Ichijo-dori (Phố Thứ Nhất) từ lâu đã đóng vai trò không chỉ như con đường huyết mạch mà còn là giới tuyến tâm lí giữa nơi mà người thành thị coi là vùng khai sáng văn minh với vùng nông thôn lạc hậu của Nhật Bản.

Thêm vào đó, những đền thờ kim khâu, kính mắt, và các công cụ tiện ích khác tồn tại khắp nơi trên nước Nhật, một ví dụ rõ ràng cho tín ngưỡng vật linh và mong ước thể hiện lòng kính trọng với các vật phẩm hữu ích.



NGHI LỄ LIÊN QUAN:
Truyền thống SUSUHARAI, hay dọn nhà Năm Mới, liên quan gián tiếp đến Tsukumo-gami ở chỗ đây là thời điểm để đảm bảo đồ vật mình sở hữu được lau chùi và bảo dưỡng đàng hoàng.

NINGYO-KUYO, nghi lễ cuối cùng dành cho búp bê, ngày nay vẫn được thực hiện phổ biến tại Nhật Bản. Trong nghi lễ này người ta mang búp bê hay những món đồ chơi hình người khác từng làm bạn với con người trong thời gian dài đến đền hoặc chùa, nơi chúng được thờ cúng và hoả táng long trọng thay vì bị vứt vào thùng rác.

Biwa-bokuboku 琵琶牧々

Koto-furunushi 琴古主

Shamisen-choro 三味線長老

Âm Hán Việt:
Tì Bà Mục Mục.
Cầm Cổ Chủ.
Tam Vị Tuyến Trưởng Lão.

Nghĩa tên:
Tăng Tì Bà.
Đàn Koto (đàn tranh) cổ.
Trưởng Lão Shamisen
(đàn ba dây).

Chiều cao:
Biwa-bokuboku:
Gần bằng người trưởng thành.
Koto-furunushi: 182 cm.
Samisen-choro: 100 cm.

Cân nặng:
Biwa-bokuboku: Gần bằng
người trưởng thành.
Koto-furunushi: 6 kg.
Shamisen-choro:
Không trọng lượng.

Cách di chuyển:
Biwa-bokuboku: Hai chân.
Koto-furunushi: Bốn chân.
Shamisen-choro: Lơ lửng.

Đặc điểm:
Nhạc cụ truyền thống Nhật Bản.
Mang hình dạng động vật hoặc
người.

Vũ khí tấn công:
Tiếng đàn không dứt.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Mọi nơi có con người sinh sống.

Danh tiếng:
Một "phân loài" của Tsukumo-gami (yêu tinh đồ vật, trang 102), Biwa-bokuboku, Koto-furunushi và Shamisen-choro là những "nhạc cụ tinh" theo thuyết vật linh, những nhạc cụ cổ mang hình người (hay trong trường hợp của đàn tranh là



động vật). Chúng là ví dụ điển hình của những đồ vật được chế tạo tinh xảo hình thành ý thức sau nhiều năm sử dụng. Mỗi loại vốn được mô tả độc lập, nhưng ở đây chúng tôi nhóm lại vì chúng có bản chất giống nhau.

Biwa-bokuboku:
Có dạng một hình người mặc kimono với cây đàn biwa (tì bà) truyền thống của Nhật nằm ở vị trí của cái đầu. Vì nhiều nhạc công chơi tì bà ngày xưa bị mù nên thỉnh thoảng Biwa-bokuboku được miêu tả với đôi mắt nhắm nghiền.

Yokai này có cùng xuất thân với một cặp nhạc cụ huyền thoại đã thất truyền từ lâu tên là Genjo và Bokuba, những báu vật văn hoá có thể coi như Stradivarius[1] trong giới đàn tì bà. Biwa-bokuboku là một hợp thể nhân hoá của cả hai.

Có nhiều chuyện lạ khác nhau xoay quanh đàn Genjo nói riêng. Chỉ những người thực sự có tài mới có thể tạo ra âm nhạc từ nhạc cụ thanh tao này, vì nó sở hữu năng lực bí ẩn có thể chọn người tấu đàn thích hợp; những ai không có tài năng khi gảy Genjo sẽ chẳng tạo ra được âm thanh nào cả.

Nhưng có lẽ câu chuyện nổi tiếng nhất là về một vụ trộm khó ngờ đã lấy được Genjo khỏi Hoàng cung được canh phòng cẩn mật. Một thời gian ngắn sau sự mất tích bí ẩn của cây đàn, vào đêm khuya nọ, một nhạc công tình cờ nghe thấy tiếng đàn Genjo không lẫn đi đâu được. Lần theo âm thanh đặc trưng đó, ông thấy mình đứng trước cổng Rashomon nổi danh của thành Kyoto. Không thể tìm thấy nơi phát ra tiếng đàn tuyệt diệu, người nhạc công nhận ra không phải mình đang đối mặt với một tên trộm bình thường mà là một *oni*, một con quỷ. Ông quát gọi tạo vật đó hiện hình. Tiếng đàn im bặt. Dù lo sợ cho tính mạng của mình, người nhạc công vẫn đứng vững, vì ông biết việc mất cây đàn khiến nhà vua đau buồn đến thế nào. Đột nhiên một sợi dây thừng từ đỉnh cổng hạ xuống. Buộc ở đầu dây là cây Genjo quý giá, người nhạc công cắt dây và mang trả nó về cho chủ nhân đích thực. Cánh cổng Rashomon này tình cờ cũng là thứ được mô tả trong bộ phim cùng tên của Kurosawa Akira.

Koto-furunushi:
Theo ít nhất một nguồn tư liệu, Koto-furunushi khởi nguồn từ thế kỉ thứ hai sau Công nguyên. Sau khi Thiên hoàng ra lệnh san phẳng một mảng thực vật để làm nơi mở yến tiệc, ông vô cùng hài lòng với kết quả nên để lại một cây đàn tranh, còn gọi

[1] *Những nhạc cụ dây (violin, viola...) do nghệ nhân người Ý Antonio Stradivari làm ra, nổi tiếng vì được cho là tạo ra âm thanh hay nhất thế giới.*

là koto, làm quà tạ lễ. Cây đàn koto đột nhiên biến thành một cây long não to lớn và tươi tốt, đứng trên khoảnh đất đó suốt nhiều năm. Về sau bất cứ ai đến gần vào đêm khuya sẽ nghe thấy tiếng đàn tranh văng vẳng. Dù địa điểm của cây đã bị quên lãng từ lâu, linh hồn của nó đôi khi vẫn nhập vào các cây đàn, biến chúng thành Koto-furunushi. Truyền thuyết khác kể rằng yokai này đại diện cho linh hồn cô quạnh của cây đàn koto từng được ưa chuộng nhưng nay đã lỗi thời, luôn đắm mình trong hoài niệm về "quá khứ huy hoàng" của nó.

TRONG THƯ VIỆN: Hình minh hoạ đầu tiên lan truyền rộng rãi về những yokai này xuất hiện trong cuốn sách năm 1784 của Sekien Toriyama, *Gazu Hyakki Tsurezure Bukuro*, "Tập minh hoạ trăm đồ vật ngẫu nhiên."

Shamisen-choro:

Yokai này có nguồn gốc là phép chơi chữ. Tên của nó được cho là xuất phát từ câu tục ngữ Nhật Bản "shami kara choro ni wa narenu" (dịch sát nghĩa là "chú tiểu không thể lập tức trở thành đại sư," hiểu nôm na là "dục tốc bất đạt"). Theo một số truyền thuyết, Shamisen-choro là linh hồn của một nghệ nhân shamisen nổi tiếng, người yêu thích cây đàn của mình tới mức đến chết vẫn không nỡ rời xa nó.

Đòn tấn công!

Dù Biwa-bokuboku nói riêng bị cho là đôi khi mang đến hoả hoạn và những tai hoạ khác, nhưng những trường hợp đó rất hiếm hoi. Có lẽ nên gọi là "xuất hiện" thì đúng hơn "tấn công". Kịch bản xấu nhất trên lí thuyết sẽ là bộ ba nhạc cụ truyền thống Nhật Bản này biểu diễn một khúc hoà âm ngẫu hứng trong khi bạn đang tính chợp mắt. Mặt khác, nếu bạn là người hâm mộ âm nhạc truyền thống Nhật Bản, bạn có thể sẽ được thưởng thức một màn trình diễn để đời.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Những nhạc cụ vô cùng nhiều sự này chỉ muốn được sử dụng. Nhưng nếu bạn vô tình lại không giỏi môn này, đừng sợ hãi – chúng thừa khả năng tự tấu nhạc. Cũng như với những đồ vật thành tinh khác, tính mạng của bạn không gặp nguy hiểm. Bạn chỉ cần chờ cho qua màn diễn ầm ĩ đến lúc bình minh.

Kara-kasa 唐傘

Bura-bura 不落々々

Âm Hán Việt:
Đường Tán.
Bất Lạc Bất Lạc.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Kara-kasa: Kasa-bake, Kara-kasa Kozo.
Bura-bura: Bake-chochin.

Nghĩa tên:
Yêu tinh Ô.
Yêu tinh Đèn Lồng.

Chiều cao:
Kara-kasa: 75 cm.
Bura-bura: 30 đến 40 cm.

Cân nặng:
Không rõ; có lẽ bằng đồ vật nguyên bản.

Cách di chuyển:
Kara-kasa: Một chân.
Bura-bura: Bay.

Đặc điểm:
Kara-Kasa: Lưỡi to quái dị. Một cái chân xấu xí thò ra khỏi ô.
Bura-bura: Đèn lồng chói mắt.

Vũ khí tấn công:
Tiếng tặc lưỡi chế giễu, tiếng rên rỉ ghê rợn, cử động không theo quy luật.

Điểm yếu:
Bị phớt lờ.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Mọi nơi có con người sinh sống.

Danh tiếng:
Đây là một cặp đôi có ngoại hình yếu ớt lạ lùng: một chiếc đèn lồng giấy với vẻ mặt chế giễu cùng một chiếc ô giấy quét sơn mài với con mắt rùng rợn, nhảy loi choi và lắc lư trong không trung, thi thoảng nhảy xổ ra từ bóng tối để doạ người qua đường sợ chết khiếp. Hai trong số những Tsukumo-gami (yêu tinh đồ vật, trang 102) thường gặp nhất, Kara-kasa và Bura-bura thường xuất hiện cùng nhau, có lẽ vì chúng được tìm thấy ở những nơi giống nhau


鳥
やきとり
GAS



(cả hai là, hoặc từng là, những vật dụng thường ngày) và được làm từ chất liệu tương tự (giấy và gỗ). Đèn lồng giấy từng là đồ trang trí phổ biến ở các nhà hàng Nhật Bản; đến cả ngày nay khi đèn điện đã thành tiêu chuẩn, cụm từ "đèn lồng đỏ" vẫn đồng nghĩa với quán rượu và những địa điểm phục vụ ăn uống khác.

Như đám đồng loại Tsukumo-gami, cả Kara-kasa lẫn Bura-bura đều là đồ vật bình thường biến thành những yêu quái nghịch ngợm, có lẽ do bị bạc đãi hay bỏ xó.

Kara-kasa:

Cách miêu tả phổ biến nhất của Kara-kasa, kẻ có cái tên đơn giản mang nghĩa "ô giấy" hay "dù giấy", là một cái ô một mắt, lưỡi dài lòng thòng và một cẳng chân đàn ông lông lá trông đến tởm thay cho cán ô, nhưng những phiên bản khác – hay có lẽ là phân loài? – cũng từng được ghi lại. Nổi tiếng nhất trong số đó, như hình dạng trên các bản khắc gỗ cổ, đặc tả hai con mắt gần nhau trên chóp ô bịt sắt, cùng cán ô gãy cong queo thay vì một cẳng chân.

Kara-kasa đến từ đâu?

Người vẽ minh hoạ yokai nổi tiếng nhất Nhật Bản, hoạ sĩ thế kỉ mười tám Toriyama Sekien, đưa ra một giả thuyết về mối liên hệ bí ẩn giữa Kara-kasa và Shifun, một sinh vật biển huyền thoại có đầu rồng mình cá, được cho là có thể tạo mây mưa theo ý mình. Tiếc là Sekien không nói rõ thêm chi tiết.

Nhưng có lẽ có một cách giải thích thực tế hơn. Những chiếc ô rõ ràng bị lãng quên và mục nát trên giá đựng ô bên ngoài các căn nhà, cửa hàng và nhiều nơi khác là hình ảnh không hiếm gặp. Liệu có quá khó để tưởng tượng ra cảnh một chiếc ô trở nên oán hận khi bị vứt bỏ ở một nơi cô quạnh, xa nhà, dù đã từng tận tụy che chở cho chủ nhân khỏi mưa gió?

Bura-bura:

Bura-bura cũng xuất hiện trong nhiều hình dạng khác nhau, một số gợi liên tưởng đến khuôn mặt người hơn số còn lại. Diện mạo

của chúng thường được chiếu sáng từ bên trong nhờ một cây nến, tương tự như đèn bí ngô.

Đèn lồng giấy cũng ví như đèn pin của thời đại chưa có điện, phát sáng bằng nến, tất nhiên tối tăm hơn bóng đèn hiện đại rất nhiều. Ánh sáng mà chúng cung cấp chỉ vừa đủ để chiếu rọi phạm vi ngay xung quanh người đi đường, và tất nhiên không đủ để rọi ánh sáng lên bất kì ai – hay cái gì – ta có thể đụng phải trong đêm tối, khiến chúng trở thành đạo cụ lí tưởng cho đủ thể loại truyện kinh dị. Bura-bura là một trong những ví dụ như vậy. Một ví dụ nữa có thể thấy trong "Đèn lồng dẫn đường", một trong "Bảy chuyện quái lạ ở Honjo", một tuyển tập truyền thuyết đô thị thế kỉ mười chín. Trong đó, đèn lồng trông có vẻ do người dẫn đường cầm nhưng thực ra là Tanuki (trang 126) hoặc Kitsune (trang 154) đội lốt để dẫn khách lữ hành đi lạc lối – hoặc vào chỗ chết.

Đòn tấn công!

Thường thấy nhất là những yokai này giả trang thành ô hay đèn lồng giấy vô hại, chờ đến giây cuối cùng mới lộ bộ mặt thật để doạ nạn nhân sợ mất mật. "Đòn tấn công" phổ biến bao gồm thè lưỡi chế nhạo, phát ra âm thanh ai oán rợn người, và nhảy hoặc bay vòng quanh để gây thêm hỗn loạn cùng sợ hãi. Theo thông tin đã biết, những yokai này không tiếp cận con người một cách vật lí, và tuyệt nhiên không có ghi chép nào về việc chúng từng trực tiếp gây ra chấn thương hay tổn hại, tuy rằng về lí thuyết, nạn nhân vẫn có khả năng tự làm mình bị thương nếu vấp ngã trong khi chạm trán.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Dù bạn làm gì, hãy đứng vững. Điều duy nhất đáng sợ ở những tạo vật tinh nghịch này là bản thân nỗi sợ. Tuy nhiên, đừng để cảm giác tự tin giả tạo dẫn bạn tới hành vi chủ động tấn công. Chúng không hề yếu ớt như những gì nguyên bản khiêm nhường của chúng thể hiện, và nếu bạn thực sự tìm cách vật ngã chúng, khả năng lớn nhất là bạn sẽ thấy mình tấn công vào khoảng không mà không thể trúng đích. Kara-kasa và Bura-bura chỉ có hứng thú với việc hù doạ nạn nhân; bạn càng ít phản ứng, chúng càng nhanh chán và biến mất. Đừng lo lắng: người ta tin rằng chúng có độ tập trung cực ngắn.

YOKAI SỐ: 025

Dorotabo

泥田坊

Âm Hán Việt:
Nê Điền Phường.

Nghĩa tên:
"Người Ruộng Bùn."

Chiều cao:
160 đến 180 cm.

Cân nặng:
Có thể thay đổi.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Tạo thành hoàn toàn từ bùn. Cơ thể bốc mùi bùn lầy hôi thối. Màu nâu sẫm đến đen. Thường có diện mạo gồ ghề vón cục.

Bàn tay ba ngón

Vũ khí tấn công:
Tiếng rên rỉ, gào thét không ngừng.

Điểm yếu:
Hạn hán; con cái lười biếng.

Số lượng:
Được cho là độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Ruộng lúa.

Danh tiếng:
Thường được khắc hoạ dưới dạng cơ thể hình người nhô lên từ ruộng lúa nước như động vật đơn bào amoeba, Dorotabo được cho là có thể di chuyển bằng hai chân trên cạn nếu khí hậu đủ độ ẩm. Ruộng lúa về cơ bản là những đầm lầy nông chứa đầy rắn, cóc nhái, côn trùng, và các loài ghê rợn khác, và người ta đồn rằng yokai này có màu tối cùng mùi cơ thể hôi tanh gợi nhắc tới vùng đồng ruộng nơi nó sinh ra.

Là một người bùn với bộ dạng không lông quái dị cùng con mắt duy nhất trên trán, nó thường đột nhiên

Ruộng lúa, nơi ở của Dorotabo



xuất hiện giữa ruộng lúa vào đêm khuya, rên rỉ, kêu khóc không ngừng nghỉ, khiến bất kì ai ở trong phạm vi âm thanh đó đều sợ mất vía. Thường bị nghe tiếng hơn là trông thấy, đây là một loại quái vật nông thôn điển hình. Dù trên bề mặt có vẻ đơn giản, Dorotabo thực ra là một trong những yokai mang tính ẩn dụ cao nhất.

Theo một số truyện kể, nó là linh hồn của người nông dân già cần cù đã phấn đấu miệt mài để biến mảnh đất khiêm tốn của mình thành đồng ruộng phì nhiêu. Ông ta dành cả đời nuôi sống gia đình với hi vọng để lại tài sản cho thế hệ sau, thế nhưng sau khi ông ta chết, ngoảnh đi ngoảnh lại, đứa con trai chơi bời lêu lổng của ông đã bán mảnh đất thân yêu để trả cho rượu chè, hoan lạc. Đúng với nghĩa đen của cụm từ "đội mồ bật dậy", linh hồn người cha quá cố quay lại thửa ruộng nơi ông đã đổ mồ hôi sôi nước mắt tạo thành, tuyệt vọng rên rỉ khóc than để biểu lộ nỗi bất mãn vô hạn dành cho cách số phận đối xử với mình.

Có người miêu tả Dorotabo là linh hồn của người nông dân bị lừa mất đất đai, đội mồ trở về ám chủ nhân mới của mảnh đất.

Cũng có giả thuyết khác cho rằng đây là phép chơi chữ dựa trên khái niệm dung túng cho cái ác trong mỗi người (xem ghi chú bên dưới).

Mùa doạ ma:
Các miêu tả về yokai này rất khan hiếm, khiến việc xác định thời gian chính xác nó thường hiện hình trở nên khó khăn. Tuy nhiên, phân tích tranh minh hoạ của Toriyama Sekien về tạo vật này (trang bên) cho chúng ta một gợi ý. Cánh đồng rõ ràng là ngập nước, nhưng không có dấu hiệu gốc rạ trên bề mặt hay trong khoảnh ruộng xung quanh. Đồng ruộng thường được cày vào đầu mùa xuân, rồi để ngập nước và bỏ không một thời gian trước khi gieo mạ. Thời gian cụ thể phụ thuộc vào khí hậu của mỗi vùng, nhưng nếu lấy tranh minh hoạ này làm căn cứ, thì Dorotabo nhiều khả năng xuất hiện vào giai đoạn sau

Ý KIẾN HỌC GIẢ:
Sekien có ý định vẽ Dorotabo như một ẩn dụ ngộ nghĩnh cho "khu giải trí" (nhà thổ) Yoshiwara nằm ở phía Bắc thành Edo vào thế kỉ mười tám, vì thời đó, cụm từ "*dorota wo bo de utsu*" – dịch sát nghĩa là "cắm cọc xuống ruộng" – được dùng làm từ lóng chỉ việc giao hoan.

HÀNG XÓM KHÓ Ưa

khi ruộng lúa ngập nước nhưng trước khi gieo trồng.

Đòn tấn công!
Dorotabo xuất hiện vào ban đêm, niệm đi niệm lại (có lẽ nên gọi là rên rỉ) "Trả ruộng cho ta! Trả ruộng cho ta!" cho đến bình minh. Được biết Dorotabo không có ý đồ tấn công con người về mặt vật lí, nhưng điều này chỉ là sự an ủi rất nhỏ cho những ai bị tiếng khóc buồn thảm bất tận của nó quấy rầy.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Biết rằng Dorotabo ít khi, hay hầu như là không bao giờ, tiếp xúc với con người, có lẽ bạn sẽ nảy ý định xách xẻng ra đồng nện cho nó một cái vào đầu, nhưng bạo lực chẳng có ích gì. Gã là người bùn nên thừa sức tự đắp lại cơ thể.

Thứ duy nhất gặp nguy hiểm vì cuộc tấn công của Dorotabo là một giấc ngủ ngon. Hãy đầu tư một đôi bịt tai.



Phiên bản Dorotabo của Sekien

TRONG THƯ VIỆN:
Dorotabo xuất hiện lần đầu trong cuốn sách của thế kỉ mười tám *Konjaku Hyakki Shui* ("Sưu tập Bách quỷ cổ kim"). Dù có thể được dựa trên truyện dân gian hay truyện kể, nhiều khả năng đây là một nhân vật do chính ông sáng tác.

Cách âm phòng ngủ của bạn. Hay tốt hơn cả là cai ăn chơi tiệc tùng và bắt tay vào cày cấy đi, chàng trai!

Jinmenju

人面樹

Âm Hán Việt:
Nhân Diện Thụ.

Nghĩa tên:
"Cây mặt người."

Chiều cao:
2 đến 10 m.

Cách di chuyển:
Căn bản không thể di chuyển.

Đặc điểm:
Cành cây trĩu quả.
Mặt người tí hon trên mỗi quả.

Vũ khí tấn công:
Không có.

Điểm yếu:
Tiếng cười.

Số lượng:
Cực hiếm.

Nơi cư trú:
Thung lũng hẻo lánh.

Danh tiếng:
Núi rừng rậm rạp Nhật Bản là quê hương của nhiều loài yokai cùng các sinh vật huyền bí, bao gồm loài yêu quái ẩn cư Jinmenju, hay Nhân Diện Thụ. Có dạng một loài cây lạ nhưng diện mạo vẫn có thể coi là tự nhiên, cành nhánh của nó trĩu xuống bởi thứ giống như trái cây to quá khổ. Nhưng khi nhìn gần, bạn sẽ thấy rõ trên mỗi quả có một mặt người, đầy đủ mắt, tai, miệng, và mũi.

Một số dị bản cho rằng những quả này biết nói, độc lập hoặc hoà đồng. Tuy nhiên, thông thường chúng được miêu tả là hoàn toàn phớt lờ các nỗ lực giao tiếp, chỉ cười khúc khích hay khùng khục khi con người đi qua. Việc này ghê rợn, tà ác hay đơn giản là ngốc nghếch thì tuỳ thuộc hoàn toàn vào quan điểm mỗi người.

Jinmenju được cho là sống trong các thung lũng, điều đó gợi ý rằng chúng thích vị trí thấp, và giống các loại cây vùng nhiệt đới; một số ghi chép miêu tả chúng có vẻ ngoài tương tự *Artocarpus incisa,* tức cây sa kê.

Tin hay không tuỳ bạn, nhưng quả của Jinmenju dường như ăn được. Tương truyền nó có vị chua và ngọt như cam chanh, dù chúng tôi tự hỏi loại người nào dám cắn một cái đầu người tí hon để lấy được thông tin này.





Tranh minh hoạ một cây Jinmenju của Sekien

Đòn tấn công!

Dù có lẽ bạn không muốn có một cây Jinmenju cười khành khạch không ngớt sống cạnh cửa sổ nhà bạn, chúng không nguy hiểm theo bất cứ nghĩa nào. Về cơ bản chúng là những sinh vật hiền lành mà sự tiếp xúc với con người chỉ gói gọn trong việc theo dõi và soi mói.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Thư giãn đi. Bạn không gặp nguy hiểm tức thì, và trên thực tế bạn còn chiếm thế thượng phong. Vì nếu quả Jinmenju cười quá trớn, chúng sẽ rụng khỏi cành. Những người có bản tính tinh nghịch còn có thể thủ tấu hài để khiến đám quả bị chọc cười rụng khỏi cành cây lúc lỉu.

Ý kiến học giả:

Cội rễ của Jinmenju bắt nguồn từ nước ngoài, cụ thể là trong truyện dân gian Trung Quốc (mà bản thân chúng lại có nguồn ngốc từ truyền thuyết Ấn Độ và Ba Tư). Quả thực, hoàn toàn có thể soạn cả một cuốn sách về lộ trình rối rắm của các truyện kể về Jinmenju trên đường đến quần đảo Nhật Bản.

Jinmenju được phân loại chính thức lần đầu trong cuốn bách khoa thư năm 1712 với tên gọi *Wakan Sansaizue,* kết hợp truyền thuyết và kiến thức thực tế do một thầy thuốc

Osaka biên soạn trong suốt ba mươi năm. Ông miêu tả nó bắt nguồn "trong thung lũng trên một hòn đảo cách khoảng 1.000 *ri* (khoảng 4.000 km) về phía Tây Nam", tương ứng với đâu đó trên Ấn Độ Dương. Người ta tin rằng đây có thể là một đề cập gián tiếp tới hòn đảo huyền thoại Waq-Waq, được nhắc đến trong *Nghìn Lẻ Một Đêm* của Ba Tư, rằng đó là quê hương của cây Waq-Waq, một loại cây kết quả hình người. Một số người tin là Waq-Waq chỉ quần đảo Seychelle ngoài khơi Madagascar, những người khác cho rằng nó chỉ một hòn đảo bị quên lãng thuộc vùng biển Indonesia hoặc Trung Quốc. (Một số giả thuyết liên hệ nó với bán đảo Triều Tiên hay thậm chí với chính Nhật Bản.)

Một nguồn thông tin tiềm năng khác về Jinmenju nằm trong danh tác Trung Hoa thế kỉ mười sáu *Tây Du Kí*. Trong đó đề cập đến cây Nhân Sâm, tương truyền "mất ba nghìn năm mới kết ba mươi quả hình trẻ sơ sinh, lại phải ba nghìn năm quả mới lớn, rồi thêm mười nghìn năm mới có thể ăn được." Nếu quả thực liên quan đến Jinmenju, thì thời kì sinh trưởng dài phi thường này có thể giải thích vì sao không ai nhìn thấy nó suốt những năm gần đây. Tương truyền ăn một quả Nhân Sâm có thể kéo dài tuổi thọ đến 47.000 năm, ít nhiều làm rõ thông tin đáng quan ngại về mùi vị của quả Jinmenju.

Cây Waq-Waq và cây Nhân Sâm có phải là tổ tiên của Jinmenju hay không? Jinmenju được phát hiện ở Nhật Bản là một loài riêng biệt chính gốc Nhật Bản, hay du nhập từ Trung Quốc hoặc hòn đảo huyền bí nào đó trong quá khứ xa xôi vì những lí do đến nay không rõ? Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ biết chắc, nhưng bằng chứng gián tiếp đưa ra một luận điểm thuyết phục rằng Jinmenju là một trong những yokai có tính quốc tế cao nhất.

YOKAI SỐ: 027

Namahage

なまはげ

Nghĩa tên:
"Ba bị phỏng rộp."

Giới tính:
Nam hoặc nữ.

Chiều cao:
Khoảng 180 cm.

Cân nặng:
Không rõ, có lẽ khoảng 80 kg.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Áo tơi "mino".
Da màu đỏ tươi (nam).
Da màu xanh lam-lục (nữ).
Mặt quỷ với sừng và răng nanh.

Vũ khí tấn công:
Dao rựa rộng bản.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi phân bố:
Tỉnh Akita.

Nơi cư trú:
Các vùng núi tuyết.

Danh tiếng:
Namahage là những tạo vật hình thù dữ tợn ghét cay ghét đắng kẻ lười biếng và được nuông chiều. Sinh ra ở vùng băng tuyết của bán đảo Oga, chúng lấy tên từ các nốt phỏng rộp xuất hiện trên chân những kẻ bê tha ngồi lì quá lâu trước lò sưởi trong khi lẽ ra phải làm việc. Trên thực tế, Namahage là bản rút gọn thông dụng của từ *nanomi* ("vết rộp lò sưởi" trong phương ngữ) và *hagu* (bóc).

Dù có diện mạo dữ dằn và sở thích bắt nạt trẻ con, Namahage được cho là điềm báo may mắn, có thể chỉ vì lí do duy nhất là riêng nguy cơ bị chúng ghé thăm cũng đủ làm một đứa con lêu lổng quay lại với việc nhà.

Dù được phân loại thành yokai, Namahage cũng có thể coi như một phân loài của quỷ Nhật Bản gọi là *oni*. Thay vì là công cụ giản đơn của cái ác (như tín ngưỡng Ki-tô miêu tả), oni là hình tượng nhân hoá của những thế lực vô hình, bí ẩn, có sức mạnh ghê gớm.



Một lá bài karuta những năm 1960 in hình Namahage

HÀNG XÓM KHÓ Ưa



Trên thực tế từ "oni" có thể coi là đồng nghĩa với cả "mạnh" lẫn "tà ác". Cách miêu tả oni điển hình là cơ thể hình người đầy cơ bắp với làn da màu đỏ hoặc lam-lục cùng với sừng trên đỉnh đầu, mặc khố da hổ. Namahage về cơ bản là oni trong bộ dạng nông dân, khoác áo tơi chống tuyết và xách dụng cụ làm đồng như xô hay dao rựa.

Có nhiều câu chuyện khác nhau về nguồn gốc của Namahage. Thần thoại địa phương nổi tiếng nhất khẳng định rằng, một vị hoàng đế Trung Hoa đã đến thăm Oga vào thế kỉ thứ nhất trước Công Nguyên để tìm kiếm loại thảo dược được đồn là sẽ mang lại sự trường sinh bất lão. Ông có năm con quỷ theo hầu, và thưởng cho chúng mỗi năm một ngày được tự do phá phách. Mỗi năm chúng sẽ dùng tự do tạm thời của mình để đến các làng mạc lân cận, ăn trộm thức ăn và bắt cóc phụ nữ trẻ em về tiêu khiển. Sau vài năm như vậy, dân làng đương nhiên là phát ngán và tìm đến hoàng đế để đánh cược. Nếu lũ quỷ của ông ta có thể dựng một cầu thang gồm một nghìn bậc đá trước bình minh, dân làng hứa sẽ dâng cho chúng mỗi năm một thiếu nữ. Nếu thất bại, chúng sẽ phải để cho dân làng yên. Ngắn gọn là vào phút cuối cùng, dân làng bắt chước tiếng gà gáy để lừa lũ quỷ bỏ cuộc ngay trước bậc thang cuối, đuổi chúng về núi sâu một lần và mãi mãi. Biết rằng thắng lợi của mình dựa trên lừa bịp, dân làng quyết định xoa dịu lũ quỷ bằng cách tổ chức lễ hội mà ở đó, họ sẽ giả vờ hoan nghênh chúng đến nhà mỗi năm một ngày.

Đòn tấn công!

Vào ngày đông chí, Namahage xuất hiện không báo trước ở những nhà chúng tin là có người lười biếng, dập cửa và đòi trừng phạt mọi đứa nhãi ranh hư đốn. "Trong nhà có đứa trẻ con nào hay khóc không?" Chúng gầm lên. "Có đứa lêu lổng nào không? Có đứa nào không chịu nghe lời bố mẹ không?"

Những đứa quá nhỏ chỉ bị mắng một trận rồi tha, nhưng những "nghi phạm" lớn hơn sẽ phải đối mặt với kết cục đau đớn. Khi Namahage gặp được kẻ nào hưởng thụ hơi ấm bên lò sưởi quá lâu, chúng sẽ lấy làm thích thú đè chặt nạn nhân xuống rồi bóc nốt phồng rộp khỏi gan bàn chân người đó.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Bạn còn đọc sách làm gì? Mau lê ngay cái thân lười nhác khỏi lò sưởi và quay lại làm việc đi!

Nghiêm túc mà nói, có một cách được khuyên dùng để



ĐẾN VỚI NAMAHAGE: Ở một số nơi, vào dịp Tết, người dân địa phương thường hoá trang để tái hiện cảnh phá phách của Namahage, đập cửa các nhà và doạ trừng phạt trẻ con ngỗ nghịch. Dù những dịp lễ như vậy không dành cho du khách, những ai quan tâm có thể trải nghiệm một phiên bản công cộng ở Lễ hội Sedo, được tổ chức vào tháng Hai hằng năm tại một ngôi đền ở thành phố Oga.

xoa dịu lũ Namahage phẫn nộ. Khi chúng xuất hiện ở nhà nào, người cha nhà đó phải đảm bảo rằng tất cả con cái của mình đều ngoan ngoãn, đồng thời cung cấp đồ uống – dưới dạng một cốc rượu sake ấm. Làm yokai dữ tợn thường được hưởng đặc quyền đặc lợi.

Nếu được tiếp đón nồng hậu chu đáo như vậy, Namahage sẽ rời đi mà không gây thiệt hại gì, kèm lời hứa sẽ phù hộ cho gia đình trong năm tới.

Còn có một bài kiểm tra sát hạch hằng năm dành cho người hâm mộ về tạo vật này lẫn thói quen của nó. Được gọi là "Thử thách Giáo sư Namahage" và có dạng bài thi trắc nghiệm dài một giờ đồng hồ, những ai vượt qua bài kiểm tra được phép tự nhận mình đủ tiêu chuẩn làm chuyên gia về Namahage. Nếu bạn nghĩ mình đủ tiêu chuẩn, hãy truy cập đường dẫn (Tiếng Nhật): WWW.NAMAHAGE.NE.JP/OGAKK/NEW/NAMAHAGE/

YOKAI SỐ: 028

Tanuki

狸

Âm Hán Việt:
Li.

Nghĩa tên:
"Lửng chó Nhật Bản."

Tên khoa học:
Nyctereutes procyonoides.

Chiều cao:
50 đến 60 cm.

Cân nặng:
Khoảng 10 kg.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm nhận dạng:
Mặt giống gấu mèo.
Đội nón rơm.
Tinh hoàn khổng lồ.

Vũ khí tấn công:
Biến hình.

Điểm yếu:
Rượu sake (rượu gạo).

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Rừng, núi, thành thị.

Danh tiếng:
Một trong ba loài yokai nổi tiếng nhất, cùng với Kitsune (trang 154) và Kappa (trang 26), những bức tượng Tanuki béo tròn và sung túc là cảnh tượng thường thấy trên khắp Nhật Bản. Loài vật nguyên gốc của Tanuki có vẻ ngoài giống gấu mèo nhưng thực ra là một thành viên của họ chó. Từng là một loài vật thường thấy trên đồng ruộng và trong rừng của Nhật Bản, nơi cư trú của nó đã bị thu hẹp đáng kể vì sự mở rộng đô thị và nạn ô nhiễm. Tuy vậy, Tanuki vẫn là một trong những nhân vật dân gian tồn tại lâu dài và được yêu thích nhất Nhật Bản.

Giống như Kitsune, Tanuki là những kẻ thích chơi khăm, biến hình và lừa gạt. Đôi khi chúng đội lốt người, dùng lá cây hay những món đồ bỏ đi khác giả



Tượng Tanuki ở Công viên Ga Komatsushima.

HÀNG XÓM KHÓ ƯA



千円
1000
1000YEN
御通
酒



"Bắn bi" theo phong cách Tanuki, trong một tranh khắc năm 1881 của Yoshitoshi.

làm tiền để kiếm thức ăn và rượu. Trong những trường hợp khác, Tanuki biến thành đồ vật để lẻn vào đời sống của những người không biết nghi ngờ. Trong truyện kể nổi tiếng *Bunbuku-chagama* ("Cái ấm trà may mắn"), cha của một gia đình Tanuki đã biến bản thân thành một ấm trà bằng gang, để vợ mình bán cho một nhà buôn đồ cổ cả tin, lấy tiền cứu đàn con khỏi chết đói.

Sẽ là thiếu sót khi nói về Tanuki mà không nhắc đến cặp tinh hoàn vĩ đại của nó. Cực kì linh loạt, có thể co giãn và di động, chúng là công cụ đắc lực trong kho mánh khoé biến hình của Tanuki. Tanuki dùng tinh hoàn của chúng làm áo mưa tạm thời hay trống, vũ khí, và thậm chí để cải trang thành các sinh vật và yokai khác. Một số ghi chép khẳng định chúng có thể giãn thành dạng tấm rộng khoảng tám tấm chiếu tatami – tức là hơn mười hai mét vuông. Thật là một món của quý đáng nể. Trên thực tế, thậm chí còn có một bài đồng dao nổi tiếng (được phổ nhạc, lạ lùng thay, bằng giai điệu của bài thánh ca "Shall We Gather at the River?"[1]) như sau:

Tan Tan Tanuki
no kintama wa
Kaze mo nai no ni,
Bura Bura

(Bi của Tanuki
Cho dù không có gió
Vẫn lắc lư lắc lư)

THÀNH NGỮ TANUKI:

Tanuki Ne-iri: Một cụm từ dịch ra thành "giả chết".

Toranu tanuki no kawa zanyou: Nghĩa đen là "đừng tính da của tanuki chưa bắt được", đồng nghĩa với "đừng đếm cua trong lỗ".

[1] Tạm dịch: Chúng ta sẽ tụ hội ở sông chứ?

Đòn tấn công!

Mặc dù trên lí thuyết có thể gây hại bằng răng cùng móng vuốt, Tanuki hầu như luôn tránh bạo lực và thiên về lừa gạt. Năng lực biến hình của nó vượt xa Kitsune, nhưng Tanuki có xu hướng nghịch ngợm hơn là ác ý. Trong thế giới yokai, nó là một đại biểu có duyên mà khó lường. Vì thế, dạng thức tấn công thực sự của nó cực khó dự đoán. Nên nhớ rằng Tanuki đặc biệt thích thức uống cùng đồ ăn bổ béo, thậm chí từng được biết đến với việc bắt cóc và giả mạo cô dâu hoặc chú rể để tham gia vào tiệc cưới.

CÁC TRƯỜNG HỢP BẮT GẶP TANUKI TRONG LỊCH SỬ

Năm 1795, một con Tanuki giả trang thành samurai đã lọt vào một nhà thổ ở Nagasaki, chè chén thoả thuê và hưởng thụ sự hầu hạ của nhiều phụ nữ xinh đẹp trước khi bị phát hiện và tống cổ.

Món ngon Tanuki:

Tanuki Soba và Tanuki Udon là hai món mì được ưa chuộng nhất Nhật Bản. Chúng chứa những mẩu bột rán nhỏ xíu, về cơ bản là "đầu thừa đuôi thẹo" còn lại sau khi nấu món tempura đất đỏ hơn. Một số người tin rằng hai món này được đặt tên như vậy vì ý nghĩ bỏ tiền cho mấy cục bột suông khiến người ta liên tưởng đến việc bị Tanuki lừa.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Tính mạng của bạn không gặp nguy hiểm, nhưng tài khoản ngân hàng cùng lòng tự tôn thì có thể đấy. May mắn thay, bản tính ham vui của Tanuki đồng nghĩa với việc những âm mưu ngốc nghếch của nó thường phản tác dụng hoặc sụp đổ trước khi chúng có cơ hội thành hiện thực. Tuy vậy, nếu bạn thấy ví đột nhiên nhét đầy lá cây, hoặc đụng phải chồng hay vợ mới cưới của mình bị trói gô trong tủ quần áo ngay sau lễ cưới...

Tinh hoàn may mắn:

Những bức tượng Tanuki bằng sứ là hình ảnh thường thấy bên ngoài các cơ sở kinh doanh của Nhật, đặc biệt là quán rượu và nhà hàng. Thời xưa, các nghệ nhân thường bọc quặng vàng (*kintama*, hay "bi vàng" – cũng là một cách nói tránh của tinh hoàn trong tiếng Nhật) bằng lớp da còn lông của tanuki để đập dẹt thành vàng lá. "Tanuki" và "vàng" gắn chặt với nhau trong mối quan hệ ấy, khiến hình ảnh loài yokai này trở thành bùa cầu may phổ biến đến tận ngày nay.

Ashiarai Yashiki

足洗邸

Âm Hán Việt:
Túc Tẩy Để.

Nghĩa tên:
"Dinh thự rửa chân."

Giới tính:
Tương truyền là nam.

Chiều cao:
3 đến 4 mét.

Cân nặng:
Đủ nặng để dễ dàng đạp xuyên qua trần nhà.

Cỡ giày:
80EEE (ước tính).

Cách di chuyển:
Một chân.

Đặc điểm:
Một bàn chân liền cẳng chân khổng lồ lông lá.
Thường dính bùn; đôi khi đẫm máu.
Biết nói.

Vũ khí tấn công:
Chỉ riêng kích thước khổng lồ.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Các khu dân cư.

Danh tiếng:
Ashiarai Yashiki là một yokai có thể khiến Người Tuyết danh tiếng lẫy lừng cũng phải bỏ của chạy lấy người. Có hình dạng một cẳng chân kèm bàn chân khổng lồ bị cắt rời, đầy máu me, đạp xuyên qua trần nhà không một lời cảnh báo vào giữa đêm và đòi được rửa. Truyền thuyết kể rằng nó xuất hiện lần đầu trong một dinh thự hoàng thất ở quận Honjo của Edo. Tin đồn về sự tồn tại của nó lan truyền nhanh chóng mặt vào thời đó, và tạo vật này vẫn là một phần tất yếu trong các câu chuyện về yokai ngày nay.

Truyền thuyết này từng được tán tụng trong *Bảy chuyện quái lạ ở Honjo*, một tập truyền thuyết đô thị thế kỉ mười chín có bối cảnh trong và quanh Honjo, một quận thuộc Edo cũ tương ứng với quận Sumida của Tokyo bây giờ. Chúng được cho là dựa trên chuyện có thật. Ngoài Ashiarai Yashiki, một số liên quan tới các loài yokai khác, chủ yếu là Tanuki (trang 126) và Kitsune (trang 154). Những câu chuyện này





bao gồm *Okuri Chochin* ("Lồng đèn dẫn đường") trong đó Tanuki và Kitsune dẫn khách lữ hành đi lạc đường, và *Tanuki Bayashi* ("Buổi hoà nhạc Tanuki"), trong đó người ta bị mất phương hướng trong khi cố gắng tìm nguồn phát ra tiếng nhạc bí ẩn mà chỉ có họ nghe thấy.

Đòn tấn công!

Sự xuất hiện của Ashiarai Yashiki có xu hướng tuân theo cùng một quy luật. Vào giữa đêm, một ngôi nhà – thường được miêu tả là một toà dinh thự nguy nga – vang lên đầy tiếng cào và tiếng giậm chân. Đột nhiên, một bàn chân khổng lồ lớn gấp nhiều lần người bình thường xuất hiện trong phòng, đi kèm với một giọng nói ma quái, vang như sấm dậy, đòi chủ nhà "rửa chân cho ta!"

Thoát hiểm khi dụng độ:

Chỉ cần làm theo là nó sẽ lặng lẽ biến mất. Nếu từ chối, nó sẽ trút cơn thịnh nộ với một chân, biến mất trong thoáng chốc trước khi giẫm xuyên qua trần nhà lần nữa, phá huỷ mọi đồ đạc trong nhà (và đôi khi là cả chủ nhà).

Để ngăn kết cục này, chúng tôi gợi ý bạn chuẩn bị nước với xà phòng, và sẵn sàng bắt tay vào lao động.

Hoặc bạn có thể chuyển nhà. Theo một lời kể, một người hầu cận của Mạc phủ thấy mình bị Ashiarai Yashiki tấn công hết đêm này sang đêm khác. Mệt mỏi vì những đêm rửa chân khuya khoắt, ông ta sắp xếp đổi nhà với một người

ĐỊA ĐIỂM LIÊN QUAN: Những vụ bắt gặp Ashiarai Yashiki không chỉ giới hạn trong khu vực Honjo của Edo. Khả năng cao là những khu vực thuộc Tokyo được biết đến với tên "Senzoku" ám chỉ nơi tạo vật này xuất hiện qua các năm. Khu vực Senzoku có tên Meguro là một trong số đó (và quả thực viết bằng kanji có nghĩa "rửa chân"). Còn các khu vực Senzoku khác ở Tokyo, dù được viết bằng nhiều chữ kanji khác nhau, đều đồng âm với từ rửa chân trong tiếng Nhật.

hầu cận khác (cụ thể với lí do gì chúng ta có lẽ sẽ không bao giờ biết). Vụ chuyển nhà tạm thời đã phát huy tác dụng, và Ashiarai Yashiki từ đó không còn xuất hiện nữa.



Tranh khắc giữa thế kỉ mười chín của Utagawa Kuniteru về một vụ chạm trán Ashiarai Yashiki.

Một Ashiarai khác?

Theo một giả thuyết, Ashiarai Yashiki không phải một dạng yokai riêng biệt, mà là ảo ảnh tạo ra bởi Tanuki (trang 126) mưu mẹo. Trong dị bản này, một người giàu có là chủ nhân dinh thự tình cờ cứu một con Tanuki bị con người bắt và hành hạ. Nhiều năm sau, người chủ này bị một hầu gái tham lam cùng người tình của ả giết chết hòng đoạt lấy gia tài.

Khi con trai người đàn ông nọ biết được sự thật, anh ta tấn công hai kẻ sát nhân, nhưng lại rơi vào thế hạ phong. Đột nhiên, Tanuki mà người cha cứu nhiều năm trước hiện ra trong dạng yokai. Nhảy vào cuộc chiến, nó giúp xoay chuyển tình thế, và người con trai đã báo thù được cho cái chết oan uổng của cha mình. Sau ngày đó, người ta kể rằng một bàn chân khổng lồ đã xuất hiện trong dinh thự mỗi khi chủ nhà vô tình đối mặt với rủi ro – một điềm báo kì lạ cho phép họ chuẩn bị phòng tránh tai hoạ sắp tới. Dù câu chuyện này rất li kì, nguồn gốc và độ xác thực của nó vẫn còn chưa rõ, và hầu hết chuyên gia tiếp tục phân loại Ashiarai Yashiki thành một "loài" yokai riêng.

YOKAI BÊN LỀ:

Thời xưa, có phong tục cho khách đến chơi rửa chân trước khi vào nhà. Ashiarai Yashiki ra đời từ phong tục này.

YOKAI SỐ: 030

Te-no-me

手の目

Âm Hán Việt:
Thủ Chi Mục.

Nghĩa tên:
Mắt trên Tay.

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
Tương đương nam giới Nhật Bản trưởng thành.

Cân nặng:
Tương đương nam giới Nhật Bản trưởng thành.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Hai mí mắt nhắm chặt;
Mắt trên lòng bàn tay; Mặc áo choàng ngủ.

Số lượng:
Có thể độc nhất vô nhị; có thể phổ biến.

Vũ khí tấn công:
Đuổi theo doạ con người.

Mùa:
Không xác định.

Nơi cư trú ưa thích:
Vùng nông thôn.

Nơi phân bố:
Hầu như mọi nơi có con người.

Danh tiếng:
Nhìn thoáng qua, loài yokai này có vẻ là một người khiếm thị hoàn toàn bình thường, ngoại trừ một điểm khác biệt lạnh sống lưng: một con mắt khoẻ mạnh trên mỗi lòng bàn tay. Việc dễ dàng giấu giếm đặc điểm này là thứ khiến khả năng về một cuộc đụng độ trở nên rất đáng sợ, vì quá dễ cho Te-no-me đến thật gần rồi mới bất ngờ tiết lộ nhân dạng thật của mình.

Có vài giả thuyết về nguồn gốc của yokai này. Một trong số đó cho rằng nó là diện mạo già cả của Nopperabo ("Kẻ Không Mặt", xem trang 166). Theo ý kiến này, Nopperabo càng già đi, đường nét khuôn mặt càng trở nên mờ nhạt, và cuối cùng, một đôi mắt bình thường xuất hiện trên lòng bàn tay nó. Nếu đúng như vậy, nó là dạng tuổi già của một yokai (tương đối) phổ biến, và có khả năng là rất nhiều Te-no-me đang đi qua đi lại khắp nông thôn Nhật Bản.



BURGER
DELICOUS !!!

Nhưng một câu chuyện nguồn gốc khác, có lẽ hấp dẫn hơn, gợi ý rằng Te-no-me có thể là độc nhất vô nhị. Trước khi chúng ta đi sâu, hãy nhớ rằng cơ hội việc làm cho người tàn tật vào thời xưa khá bị hạn chế. Để giúp người khiếm thị độc lập kiếm sống, các phường hội mọc lên để đào tạo họ một số nghề dịch vụ, bao gồm nhạc công, tẩm quất, và châm cứu, thứ sẽ giúp họ đảm bảo một nguồn thu nhập ổn định. Tất nhiên, công việc đòi hỏi họ phải đi lại. Và đường phố Nhật Bản trước thời hiện đại thường là nơi nguy hiểm cho bất kì khách lữ hành nào, dù sáng mắt hay không.

Du khách đến thăm Nhật Bản ngày nay thường sửng sốt trước mật độ cầu đường và tuyến tàu nối các thành phố. Trên thực tế, phần nhiều cơ sở hạ tầng giao thông hiện đại của quốc gia này đều được xây dựng trên mạng lưới đường bộ, kênh đào và đường mòn cổ xưa nối các thành phố và làng mạc với những khu dân cư nhỏ hơn – tương tự cách động mạch trong cơ thể người nhường chỗ cho các mạch máu và mao mạch nhỏ hơn. Đặc biệt là nhiều những con đường nhỏ dẫn qua các vùng địa hình hẻo lánh khủng khiếp và thường khá trắc trở khó đi. Kiểu địa hình cung cấp cho kẻ có xu hướng phạm tội nhiều cơ hội kiếm chác.

Cướp có vũ trang là trò tiêu khiển thịnh hành ở những vùng nông thôn sâu tít mít trải dài giữa các khu vực văn minh. Những băng nhóm được biết đến như tozoku (trộm) và sanzoku (sơn tặc) chuyên cướp bóc những vật phẩm giá trị từ khách lữ hành. Những tên vô lại kiểu ấy chắc chắn đã hoành hành dưới hình thức này hay hình thức khác từ rất lâu, nhưng hoạt động của chúng lên tới đỉnh cao vào những năm 1500, khoảng thời gian nội chiến dài gần một thế kỉ được gọi là Thời kì Chiến Quốc. Vốn đã không lấy gì làm an toàn, nhiều con đường rơi vào tình trạng hoàn toàn hỗn độn, khi người dân bị mất nhà mất cửa do chiến tranh liên miên trở nên tuyệt vọng và không từ thủ đoạn nào để sống sót.

Không ngoài dự liệu, khách lữ hành đơn độc trở thành mục tiêu hàng đầu, và những người bị coi là kẻ yếu, ví dụ người khiếm thị, càng là con mồi béo bở. Đâu đó trong các rặng núi miền bắc, rất lâu trước đây, một thương gia mù đang trên đường đến chỗ làm ăn. Ông bị một nhóm sơn tặc tấn công. Chúng không chỉ cướp tiền ông kiếm được ở điểm dừng trước đó, mà còn đánh đập, tra tấn dã man, và cuối cùng giết chết người đàn ông đó.

Thi thể ông bị bỏ lại mục rữa cạnh đường mà không nhận được nổi một lời cầu siêu, linh hồn người đàn ông mù không chịu rời sang thế giới bên kia như những linh hồn bình thường. Cơn giận ngút trời cùng khao khát trả thù trong tim đã nạp nhiên liệu cho sự biến đổi của ông để trở thành một yokai chuyên ám khu vực này, mãi mãi truy lùng bằng đôi mắt mọc ra từ lòng bàn tay với mục đích duy nhất là tìm ra kẻ đã hành hạ mình.

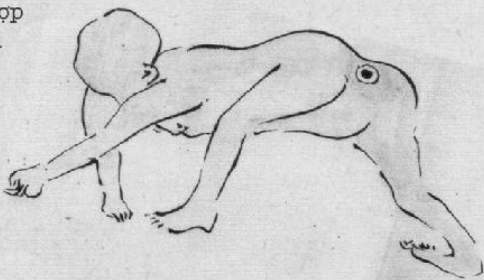
Đòn tấn công!
Te-no-me ẩn mình trong những vùng cây cối rậm rạp dọc đường núi, ví dụ những cánh đồng cỏ cao ngút ngàn, để mai phục khách lữ hành. Khi có người tình cờ đi qua, nó sẽ nhảy bật ra và để lộ "bàn tay có mắt" đặc trưng của mình, rồi đuổi theo khi nạn nhân quay đầu bỏ chạy.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Điều thú vị là trong tất cả các ghi chép về việc gặp Te-no-me, hình như không có trường hợp nào nó thực sự bắt được nạn nhân! Liệu việc ấy là do nó chỉ quan tâm tìm người đàn ông đã cướp đi mạng sống của mình trong kiếp trước, hay vì nó thực ra là kẻ dễ mủi lòng, chúng ta sẽ không bao giờ biết.

Xét trên quá khứ đau thương cùng sự tồn tại cô độc của Te-no-me, có lẽ nó chỉ đang tìm kiếm một người bạn đồng hành. Một cảnh báo cho những linh hồn can đảm định thử kết bạn với yokai này: dù bạn làm gì cũng đừng thử bắt tay. Việc đó hẳn là đau lắm đấy.

Nơi Mặt Trời không chiếu sáng

Shiri-me ("Cửu Mục") là một yokai tương tự với một cú cua gắt: con mắt khoẻ mạnh duy nhất của nó nằm ngay nơi là hậu môn của con người. Theo truyện dân gian Kyoto, quê hương của Shiri-me, nó làm người qua dường giật mình bằng cách giơ mông ra để lộ mắt, rồi đuổi theo bằng cả bốn chân, nửa sau đi trước. Không có thương vong nào từng được ghi lại.



YOKAI SỐ: 0 3 1

Nurikabe

塗壁

Âm Hán Việt:
Đồ Bích.

Nghĩa tên:
Bức tường.

Chiều cao:
3 đến 5 m.

Cân nặng:
Về cơ bản là vật thể không thể bị xê dịch.

Cách di chuyển:
Đa dạng: đôi khi có vẻ không có chân, có lúc hai chân, hoặc nhiều chân.

Đặc điểm:
Thường vô hình.
Đủ cao để ngăn cản ý đồ trèo qua.
Đủ rộng để ngăn ý đồ đi vòng qua.

Vũ khí tấn công:
Không có.

Số lượng:
Phổ biến.

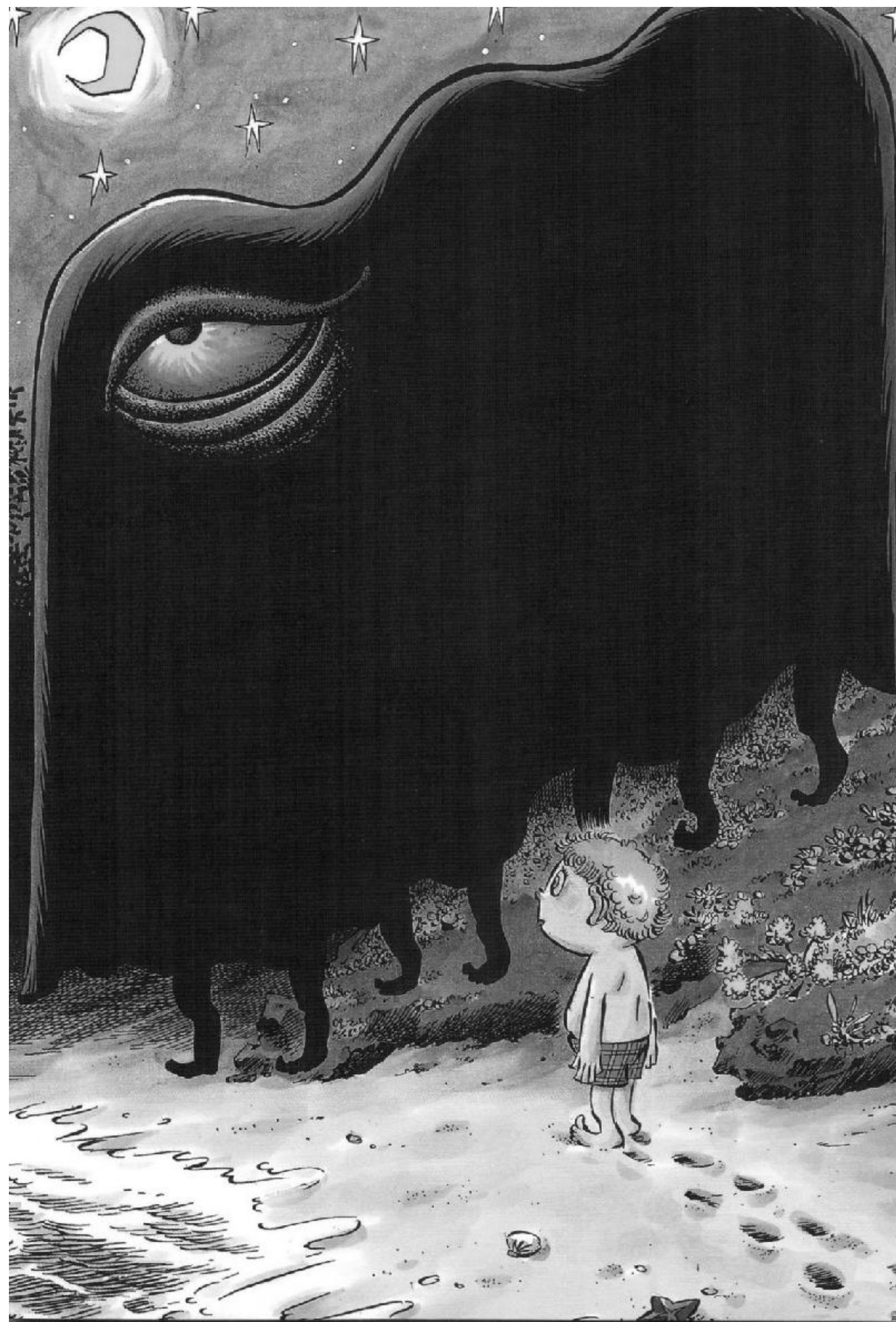
Nơi cư trú:
Bất cứ nơi nào có con người.

Nguồn gốc:
Có lẽ từ Kyushu (Tokushima).

Danh tiếng:
Nurikabe chính là sự nhân cách hoá của khái niệm nói về một trở ngại vô hình bất chợt xuất hiện, không hơn không kém. Nurikabe thường trà trộn vào cuộc sống hằng ngày bằng cách giả làm một bức tường vô hại trong nhà hay kiến trúc khác, ngoài ra cũng có thể xuất hiện ngoài trời, ngay cả ở những vùng hẻo lánh hoàn toàn vắng bóng nhà cửa và những kiến trúc nhân tạo. Chúng thường vô hình đối với mắt thường. Mô tả về loài yokai này có rất nhiều phiên bản; dù chúng khá nổi tiếng, rất khó xác định điều gì cụ thể về chúng.

Đòn tấn công!
Bạn đang đi trong rừng, trên một con phố vắng lặng, hoặc gần như là bất cứ nơi nào, thì bạn đột nhiên đâm sầm vào một thứ tựa như bức tường vô hình. Thực tế có vẻ nó vẫn đứng lù lù ra đó cho dù bạn cố di chuyển bằng bất cứ cách nào. Trái... phải... đẩy, đấm, quăng túi vào nó; đều vô ích. Bạn không thể tiến lên phía trước, hay về bất kì hướng nào. Bạn đã bị dồn đến chân tường: Nurikabe.

HÀNG XÓM KHÓ ƯA



Thoát hiểm khi dụng độ:
Đòn tấn công của Nurikabe thường khiến người ta bực bội và lo sợ nhưng hiếm khi gây chết người. Loài yokai này thường nhằm vào những ai đang vội hoặc hốt hoảng. Việc đầu tiên và quan trọng nhất là phải bình tĩnh lại. Sau đó, hãy dùng que (hoặc bí quá thì dùng tay) huơ gần "chân" của Nurikabe, ngay phía trên mặt đất. Vì lí do nào đó, hành động này tương truyền là có thể hoá giải sự khống chế của nó đối với bạn. Có lẽ nó chỉ đơn giản không thích ai động vào "chân" mình. Dù thế nào thì bạn sẽ có thể tự do đi tiếp.

YOKAI BÊN LỀ:
Dù có hình thù (hay đúng hơn là vô hình thù, vì không ai nhìn thấy nó) đa dạng, "Nurikabe" có nghĩa đen là "tường đã trát" trong tiếng Nhật.

Bạn của Nurikabe?
Tỉnh Tokushima, nằm trên đảo Kyushu, là quê hương của những truyện kể về yokai có đặc tính tương tự như Nurikabe. Được gọi là Tsuitate-danuki (dịch sát nghĩa là "Lửng vách"), nó thường được phân loại thành một dạng Tanuki (trang 126). Tuy nhiên, cách thức hoạt động của nó gần như giống hệt Nurikabe.

Tsuitate-danuki từng trú tại một con đường dẫn ra khỏi thị trấn Waki, chặn lối bất cứ ai đi qua đường này vào đêm khuya. Dù một số dân làng dũng cảm đủ bạo gan để đi tiếp, thì đa số vẫn tránh hoàn toàn lối đi này.

Cuối cùng, dân làng tiến hành một nghi lễ để nhốt tạo vật này lại, phong ấn nó trong một tháp đá lớn.

Toà tháp đá này đứng đó trong nhiều năm, nhưng theo ghi chép gần đây nó đã bị những kẻ phá hoại lấy trộm. Liệu Tsuitate-danuki có thể sẽ lại được tự do?

ĐỤNG ĐỘ NGOÀI ĐỜI THỰC
Chuyên gia về yokai kiêm hoạ sĩ truyện tranh nổi tiếng Mizuki Shigeru kể về một trải nghiệm với Nurikabe trong cuốn sách *Nihon Yokai Daizen* của ông. Sự việc xảy ra ở Papua New Guinea trong Thế Chiến II, khi ông bị lạc đồng đội giữa một cuộc tấn công. Khi chạy trốn qua rừng rậm, ông thấy mình không thể tiến lên được. "Như thể tôi bị mắc kẹt trong nhựa đường," ông viết. "Trái, phải, trước... đều như nhau." Ông gồng mình về phía trước suốt hai mươi phút, rồi kiệt sức ngã xuống. Sau khi nghỉ ngơi ít lâu, "dù chỉ làm đúng những việc mà lúc nãy không hề đem lại kết quả nào, tôi lại có thể di chuyển."

Điệu đà và Độc địa

Này, ngay cả quái vật cũng có thể sở hữu nhan sắc rạng ngời. Những tạo vật sau đây cho "hồ ly tinh" một ý nghĩa mới. Người đẹp và quái thú chưa là gì, đây kiêm cả hai vai luôn nhé.

Rokuro Kubi

轆轤首

Âm Hán Việt:
Lộc Lô Thủ.

Nghĩa tên:
Cổ bàn xoay; Người đàn bà cổ rắn; Người đàn bà có cái đầu bay và "Người đàn bà cổ cao su"

Giới tính:
Nữ.

Chiều cao:
Tương đương một phụ nữ Nhật Bản (khi cổ rụt lại).

Cân nặng:
Tương đương một phụ nữ Nhật Bản.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Diện mạo trẻ trung, thu hút.
Trang phục truyền thống (kimono).
Cổ vươn dài có vệt tím khi rụt lại, hoặc
Đầu có thể tách rời khỏi cơ thể, có kí tự nhỏ màu đỏ trên cổ.

Chiều dài cổ tối đa:
Không rõ.

Thức ăn ưa thích:
Dầu đèn, nội tạng người (Rokuro Kubi cổ rắn).
Thịt người (Rokuro Kubi đầu bay).

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Mọi nơi có con người sinh sống.

Danh tiếng:
Ban ngày, yokai có tên Rokuro Kubi lấy hình dạng một phụ nữ xinh đẹp, nhưng ả yêu nữ này sẽ tung độc chiêu lúc về đêm.

Có hai "loài" Rokuro Kubi khác nhau. Loài thứ nhất và có thể coi là nổi tiếng nhất có cái cổ khiến cho trăn Nam Mỹ cũng phải chào thua. Chúng tôi sẽ gọi nó là "Rokuro Kubi cổ rắn."

Lúc bình thường nó hầu như không khác gì một người phụ nữ, trừ một loạt vết rạn trên cổ, rất nhiều cá thể thuộc loại Rokuro Kubi này thích giả trang đến mức hành nghề kĩ nữ hoặc về làm vợ của con người. Một số thậm chí còn tin rằng mình là người. Nhưng khi mặt trời lặn xuống và nó ngủ thiếp đi, ngay cả Rokuro Kubi trầm tính nhất cũng không ngăn được



mình lộ mặt thật. Cổ nó lặng lẽ vươn dài ra như rắn, đầu càng ngày càng xa khỏi kimono, trườn ra ngoài phòng và tuồn vào bóng đêm, tìm kiếm con mồi. Đôi khi cuộc đi săn khiến Rokuro Kubi mệt đến mức nó quên rụt cổ lại, và ngủ thiếp đi với cái đầu gác trên xà nhà hay những nơi kì quặc khác.

Cái đầu của Rokuro Kubi sục sạo trong rừng tìm ấu trùng, giun rết, sâu bọ, nhưng đó không phải món duy nhất trong thực đơn của yokai này. Nó còn đói khát khí, nguồn năng lượng thiết yếu chảy trong cơ thể con người, và cụ thể là dương khí của nam nhân. Rokuro Kubi cũng thích liếm nhiên liệu của đèn dầu kiểu cổ (một đặc trưng giống với Neko-mata, trang 38).

Loài Rokuro Kubi thứ hai cũng đẹp không kém gì đồng bạn cổ rắn, nhưng nguy hiểm hơn nhiều. Đặc điểm nhận dạng của nó là cái đầu có thể tách rời hoàn toàn khỏi cổ và bay qua bầu trời đêm. Còn có tên gọi Nuke Kubi ("Đầu tách rời"), dạng Rokuro Kubi này được cho là bắt nguồn từ Trung Quốc. Từ đây chúng ta sẽ gọi nó là Rokuro Kubi đầu bay. Trên thực tế, loài này đôi khi được xem là có cả nam giới, mặc dù nữ phổ biến hơn hẳn.

Dù người ta nói rằng nó ăn cùng những loại thức ăn kinh tởm như người bà con cổ rắn, Rokuro Kubi đầu bay thích ăn thịt người hơn.

Ý KIẾN HỌC GIẢ: Rokuro Kubi có liên quan đến câu tục ngữ Nhật Bản "*kubi wo nagakushite matsu*", có nghĩa "đợi dài cổ".

Đòn tấn công!

Rokuro Kubi cổ rắn: Rokuro Kubi là một kiểu ma cà rồng, truy tìm món ăn là ham muốn thể xác và tinh thần trú ngụ trong cơ thể đàn ông khoẻ mạnh. Nó đoạt lấy như một tên trộm, lẻn đến vào đêm khuya để hút lấy nguyên khí từ con mồi trong giấc ngủ.

Tuy nhiên, có lẽ khía cạnh đáng sợ nhất của Rokuro Kubi không phải là viễn cảnh tấn công, mà là ý nghĩ chính bạn có thể là một Rokuro Kubi mà không biết. Ai mà lại chưa từng có lần ngủ dậy thấy cổ đau hay vị khó chịu trong miệng chứ?

Rokuro Kubi đầu bay: Các vụ tấn công luôn xảy ra sau khi trời tối, có thể đơn độc hoặc theo "bầy" như thể gia đình. Một Rokuro Kubi đầu bay phóng đầu đi ngang trời đêm, lượn lập lờ như không trọng lượng. Dù nó có thể sống nhờ côn trùng và giun dế, nó thích con mồi là người hơn. Nó có tiếng là chuyên dụ dỗ khách lữ hành vào nhà khi trời sáng với lời mời mọc

nghỉ trọ miễn phí, để nó có thể tấn công nạn nhân cả tin khi họ ngủ.

Thoát hiểm khi đụng độ, Rokuro Kubi cổ rắn:
Đòn tấn công của chúng ít khi gây chết người. Khi Rokuro Kubi nhắm vào người đang ngủ, nạn nhân có xu hướng còn không nhận ra mình vừa bị tấn công, chỉ coi cơn mệt mỏi cực độ kèm theo cuộc săn mồi là do đi đường vất vả hay gì đó. Nếu bạn mới từ xa đến, hãy tránh lời mời của những phụ nữ xinh đẹp có vệt tím kì quặc trên cổ. Và nếu bạn gặp một phụ nữ quàng khăn trái mùa, coi chừng đấy!

Rokuro Kubi đầu bay:
Loài Rokuro Kubi này có tiếng tấn công con người để ăn thịt nạn nhân. May mắn thay, có một cách cụ thể để đối phó với chúng. Theo tác phẩm kinh điển năm 1903 *Kwaidan* của Lafcadio Hearn: "Người ta ghi lại rằng nếu tìm thấy cơ thể không đầu của Rokuro Kubi và dời nó đi nơi khác, cái đầu sẽ không bao giờ nối lại được với cổ. Và... khi cái đầu quay lại, phát hiện cơ thể đã bị di chuyển, nó sẽ đập mình xuống đất ba lần – nảy tưng tưng như quả bóng – rồi thở dốc như kinh sợ, và chết ngay."



YOKAI SỐ: 0 3 3

Nure Onna

濡女

Âm Hán Việt:
Nhu Nữ.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Nure-onago; Nure-yomejo.

Nghĩa tên:
"Người phụ nữ ướt."

Giới tính:
Nữ.

Chiều dài:
Ít nhất 30 m, có thể tới hàng trăm mét.

Cách di truyền:
Trườn, bơi.

Đặc điểm:
Mình rắn mặt người.
Có cánh tay và bàn tay giống người.
Tóc đen dài.

Thức ăn ưa thích:
Thịt và máu người.

Vũ khí tấn công:
Ánh mắt gây tê liệt.
Răng nanh.
Cơ bắp mạnh mẽ siết chặt con mồi.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Bến cảng, vịnh biển, hay những vùng biển nông khác; đôi khi dưới sông.

Danh tiếng:
Là một tạo vật hình rồng dữ tợn với cơ thể của mãng xà và cái đầu của một phụ nữ, Nure Onna ám các bờ biển ở khắp Nhật Bản. Nó chọn ngư dân, người đi bơi, người bộ hành, v.v... đơn độc làm con mồi. Nó mang tên Nure Onna (Người phụ nữ ướt) vì dành phần lớn thời gian lặn dưới nước, làn da rắn của nó ướt át loang loáng mỗi khi trồi lên khỏi mặt nước. Như Medusa trong thần thoại, Nure Onna được cho là có thể khiến nạn nhân tê liệt chỉ bằng

Da rắn tìm được gần nơi bắt gặp Nure Onna





KHOẺ NHƯ TRÂU
Miêu tả về Ushi Oni rất đa dạng. Một số người nói nó có dạng quỷ đầu trâu hay Tsuchi-gumo (xem trang 58). Là một kẻ săn mồi hung ác, nó được đặt tên như vậy do xu hướng tấn công cả gia súc lẫn con người.

Một mô hình bằng nhựa mềm tiêu biểu của Ushi Oni, kẻ được miêu tả là chồng Nure Onna trong một số dị bản. Món đồ chơi này được Nitto sản xuất như sản phẩm ăn theo bộ phim năm 1968 có tên "Yokai Đại Chiến".

nó hợp tác với một yokai khác, Ushi Oni ("Ngưu Quỷ") – để săn bắt ngư dân.

ánh mắt (dù hiệu quả có vẻ mang tính tâm lí hay sinh lí chứ không phải thực sự biến da thịt thành đá). Vài người tin rằng đây chỉ là cách nói ẩn dụ, bởi thực tế không ai từng đối mặt với nó mà sống sót trở về.

Đặc biệt, Nure Onna được miêu tả theo những cách khác hẳn nhau trong các truyền thuyết ở khắp nơi trên đất Nhật. Ở đảo Kyushu, nó được miêu tả không phải dưới dạng rắn mà như một cô gái trẻ bình thường mặc áo trắng và bế một em bé sơ sinh. Trong câu chuyện này,

Đòn tấn công!

Dạng rắn:
Khi một con người không cảnh giác – thường là ngư dân – đi dọc bờ biển, nó tấn công và cuốn lấy con mồi, lôi họ xuống nước trước khi xơi tái họ bằng cái miệng đầy răng nhọn. Không như rắn thường, Nure Onna còn có một đôi tay, khiến việc giãy thoát khỏi vòng khống chế của nó là không thể.

Nure Onna cũng được biết tới với việc săn lùng những ai định qua sông hay qua suối,

và nó vẫn có thể ẩn nấp trong những vùng nước nông một cách đáng ngạc nhiên, bất chấp chiều dài khủng khó mà tin nổi.

Người ta còn tin rằng nó dùng mặt người để dụ dỗ con mồi, nổi lên trên mặt nước giả làm người đi bơi gặp nạn hay xác người chết trôi, hòng lôi kéo nạn nhân vào phạm vi tấn công.

Ý KIẾN HỌC GIẢ:
Nure Onna là ví dụ hoàn hảo của tính đa dạng trong truyện kể về yokai trên khắp Nhật Bản. Nó được miêu tả là có nhiều hình dạng khác nhau, nhưng tất cả những câu chuyện này đều có điểm chung là đại dương. (Nure có nghĩa là "ướt" trong tiếng Nhật.)

Dạng thiếu phụ:
Nó lẳng lặng tiếp cận ngư dân, trên tay bế một em bé, mà sau đó nó kiếm cớ bỏ lại rồi quay người đi, bước về phía đại dương và biến mất dưới làn sóng như thể định tự sát. Trước khi người ngư dân xấu số kịp phản ứng, anh ta đã bị đứa trẻ sơ sinh làm cho tê liệt, rồi nó nhanh chóng tăng trọng lượng khiến anh ta không thể động đậy. Khi anh ta gắng gượng ra đến mép nước, Ushi Oni (xem bên trên) sẽ trồi lên khỏi mặt nước và nuốt chửng nạn nhân đen đủi. Trong một số dị bản, Nure Onna và Ushi Oni được cho là hai vợ chồng.

Thoát hiểm khi đụng độ,

Dạng rắn:
Dù nơi cư trú ưa thích là nước biển, Nure Onna về cơ bản tương đồng với động vật như trăn hay mãng xà. Vấn đề nằm ở kích thước khổng lồ của nó, vì nó có thể duỗi tới chiều dài kinh khủng để đuổi theo con mồi. Một khi bạn đã bị ngắm trúng, gần như không thể tránh được vòng kiềm toả của Nure Onna. Tốt nhất là tránh đi bộ một mình dọc bờ biển hay bờ sông tối vào đêm khuya. Nếu bạn quả thực gặp phải, hãy tránh nhìn thẳng vào mắt nó bằng mọi giá – và bỏ chạy.

Dạng thiếu phụ:
Ngày nay rất hiếm gặp phải loại này. Trong thời đại của điện thoại di động và phương tiện liên lạc đường dài mau lẹ khác, một thiếu phụ mặc kimono thình lình xuất hiện và nhờ bế hộ con có lẽ sẽ gây xôn xao, kể cả ở những nơi hoang vắng nhất. Tuy vậy, cẩn tắc vô ưu: nếu bạn thấy mình gặp phải tình huống này, hãy từ chối và liên lạc với nhà chức trách. Yokai chỉ nhắm tới những người không có điều kiện thoát thân hay kêu cứu.

YOKAI SỐ: 034

Kuchisake Onna

口裂け女

Âm Hán Việt:
Khẩu Liệt Nữ.

Nghĩa tên:
Người phụ nữ rạch miệng.

Giới tính:
Nữ.

Chiều cao:
Bằng một phụ nữ Nhật Bản bình thường.

Cân nặng:
Bằng một phụ nữ Nhật Bản bình thường.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Tóc dài.
Đeo khẩu trang.
Cái miệng đầy răng ngoác tận mang tai.

Số răng:
130 (ước tính).

Thức ăn ưa thích:
Bekko ame (kẹo cứng truyền thống).

Như thế này



Điểm yếu:
Mùi sáp bôi tóc.

Tốc độ tối đa:
Có thể chạy hơn 90 mét trong 3 giây.

Vũ khí tấn công:
Dao, rựa, liềm.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Thành thị và ngoại ô khắp Nhật Bản.

Danh tiếng:
Yêu quái này gây kinh sợ cho đám học sinh với hình tượng một kẻ săn mồi máu lạnh có cái miệng đầy răng nanh và khả năng chạy nhanh hơn cả xe máy. Theo một nguồn thông tin, đến chín mươi chín phần trăm trẻ con Nhật Bản khẳng định biết đại khái câu chuyện về nó. Nó có diện mạo của một cô gái trẻ bình thường, nhưng một chiếc khẩu trang y tế đã che khuất cái miệng ngoác tận mang tai vô cùng ghê rợn, chứa vô số răng. (Đeo khẩu trang là một thói quen thường thấy của người bị

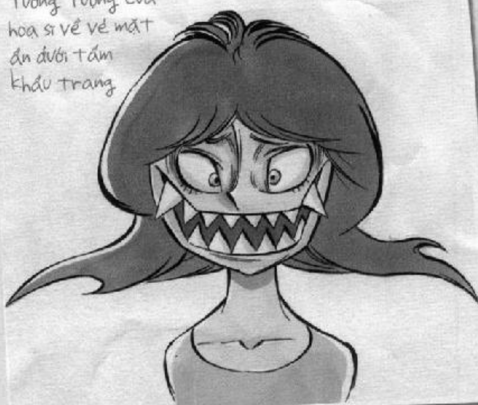
ĐIỀU ĐÀ VÀ ĐỘC ĐỊA


カルビス
045

cảm cúm ở Nhật, cho phép loài yokai này dễ dàng trà trộn giữa người thường.) Nó gần như luôn bị gặp phải trong các thành phố hoặc vùng ngoại ô, và khác với nhiều yokai, thường xuất hiện vào ban ngày – đặc biệt là chiều muộn, khi trẻ con đang trên đường đi học về.

Kuchisake Onna là một trong những thành viên mới nhất trong ngôi đền yokai. Số lời đồn về yokai này cũng nhiều như số người kể về nó; trẻ con ở gần như mọi khu vực của Nhật Bản đều có phiên bản riêng thêu dệt thêm màu sắc địa phương. Một số phiên bản khẳng định nó là nạn nhân phẫu thuật thẩm mỹ hỏng. Người khác đổ lỗi sự biến dạng của nó cho việc sửa răng thất bại. Nhưng cũng có người cho rằng một cô chị xấu xí đã rạch miệng cô ta vì ghen tị với khuôn mặt xinh đẹp của cô. Gần như câu chuyện nào cũng tuyên bố nó có thể chạy với tốc độ siêu nhân. Một vài lời đồn, chắc hẳn là bị giới trẻ bốc đồng thổi phồng, cho rằng cô ta lái một chiếc xe thể thao Lamborghini đỏ chói, vĩnh viễn săn lùng máu tươi.

Ý KIẾN HỌC GIẢ:
Kuchisake Onna sinh ra từ một loại hoảng loạn quần thể, một ảo giác phát sinh từ nỗi lo âu không ngừng mà trẻ con mắc phải do áp lực của phụ huynh, yêu cầu chúng phải thành công trong hệ thống trường học có tính cạnh tranh cao của Nhật Bản. Tuy nhiên, chắc chắn nó là sự pha trộn giữa truyền thống và hiện đại. Con dao rựa hay lưỡi hái là công cụ điển hình của yokai, như loại đeo bên mình Namahage (trang 122), một tạo vật khác cũng nhắm vào trẻ con. Sáp bôi tóc, kĩ năng Olympic, và xe thể thao rõ ràng là chi tiết hiện đại. Đây là ví dụ hoàn hảo của vòng tuần hoàn thay đổi và hồi sinh liên tục của diện mạo yokai, ngay cả trong thời hiện đại.



Đòn tấn công!
Các cuộc tấn công luôn tuân theo một trình tự giống nhau. Nó đến gần nạn nhân và hỏi một câu: "Watashi kirei?" ("Trông tôi có đẹp

không?") Nếu nạn nhân trả lời "có," Kuchisake Onna sẽ xán lại và tháo khẩu trang để lộ cái miệng ngoác rộng kinh dị. "Bây giờ vẫn đẹp chứ?" Rồi nó lợi dụng cơn sốc của nạn nhân để rút dao hoặc liềm ra rạch mặt họ thành ra giống như mặt mình.

Nếu nạn nhân trả lời "không," nó vẫn sẽ rạch mặt người ta. Tiến thoái lưỡng nan.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Chạy cũng vô ích. Kuchisake Onna được cho là có thể chạy chín mươi mét trong ba giây. (Một số dị bản miêu tả nó từng là vận động viên Olympic.) Tuy nhiên người ta nói rằng nó cực kì thích một loại đồ ngọt Nhật Bản truyền thống gọi là kẹo *bekko ame.* Hãy đưa, hoặc nếu nguy cấp thì ném chúng ra nhằm phân tán sự chú ý của nó đủ lâu để chạy thoát.

Nó rất ghét mùi sáp bôi tóc. Trong một số ghi chép, quát từ "sáp bôi tóc" ba lần sẽ khiến nó ngẩn ra đủ lâu để cho nạn nhân rút lui. (Tương truyền gã bác sĩ hay nha sĩ từng rạch mặt nó bôi sáp tóc rất dày.)

Một phương pháp thịnh hành khác để đẩy lùi nó là niệm từ *ninniku* (tỏi) trong khi viết chữ "cẩu" bằng kanji lên tay.

Con số thần kì:
Ngoài lời đồn rằng niệm từ "sáp bôi tóc" ba lần có thể đuổi nó đi, người ta cho rằng các cuộc đụng độ thường hay xảy ra ở những nơi có số ba trong tên hay địa chỉ – Tỉnh Mie, được viết bằng chữ số ba trong kanji, được cho là địa bàn ưa thích – và thường xảy ra với những người có số ba trong ngày sinh. Nguồn gốc của mối liên hệ số học mơ hồ này vẫn còn chưa rõ.

TRONG ĐỜI SỐNG:
Kuchisake Onna đến nay vẫn là một trong những truyền thuyết đô thị nổi tiếng nhất Nhật Bản. Những lời kể đầu tiên xuất hiện năm 1978, lên đến đỉnh điểm vài năm sau đó. Hiện nay nó đã có một vị trí bền vững trong truyền thuyết dân gian, và xuất hiện trong nhiều truyện tranh, phim truyền hình, điện ảnh cùng các hình thức giải trí khác. Ở thời kì hoàng kim danh tiếng – hay khét tiếng – của nó, đồn cảnh sát thường nhận được điện thoại từ những học sinh hoảng sợ, báo là nhìn thấy nó quanh khu mình sống.

YOKAI SỐ: 035

Kitsune





Kitsune chín đuôi bay lên trời trong tranh in thế kỉ mười chín của Utagawa Kuniyoshi.

Âm Hán Việt:
Hồ.

Nghĩa tên:
Cáo.

Tên khoa học:
Vulpes vulpes japonica.

Giới tính:
Nam hoặc nữ.

Chiều cao:
Đa dạng.

Cân nặng:
Đa dạng.

Cách di chuyển:
Bốn chân hoặc hai chân.

Đặc điểm:
Mang hình dạng cáo, cáo nhiều đuôi, hay (đôi khi) con người.

Năng lực siêu nhiên:
Biến hình và mô phỏng.
Thổi lửa.
Nhập hồn.

Thức ăn ưa thích:
Đậu phụ rán.

Điểm yếu:
Rượu.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Rừng, núi, đồng ruộng.

Danh tiếng:
Một phiên bản mô tả đầy đủ vai trò của Kitsune trong tôn giáo, thần thoại và văn hoá Nhật Bản hẳn sẽ có thể dễ dàng lấp kín nhiều cuốn sách. Dịch sát nghĩa, *kitsune* là từ chỉ cáo đỏ phổ thông ở Nhật Bản. Truyền thuyết về loài vật gian manh này là một phần thiết yếu trong bao thế hệ truyện dân gian, dựa trên tín ngưỡng truyền thống rằng cáo sở hữu tuổi thọ phi thường và trí thông minh siêu đẳng ít nhất ngang với con người. Trên hết, khi đã tới một độ tuổi nhất định và mài giũa tài năng thiên phú, Kitsune sẽ mọc thêm đuôi và đạt được siêu năng lực; cáo chín đuôi được cho là đỉnh điểm sức mạnh của loài này.

Có nhiều dạng Kitsune. Một số chỉ đơn thuần là nghịch ngợm; những loại khác lại hung tàn; và còn có loại được coi là sứ giả của thần linh. Trong bất cứ trường



GHI CHÚ: Xem tranh cáo chín đuôi ở trang 154

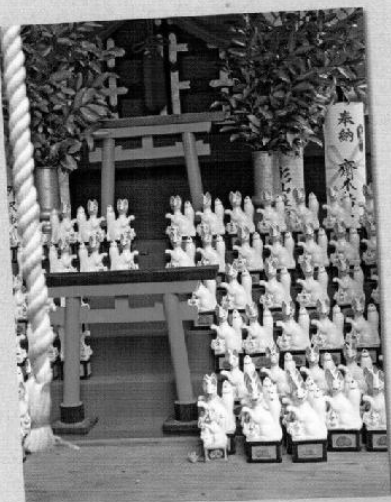
hợp nào, quan niệm chung đều là con người sẽ ở trong tình thế bấp bênh một cách nguy hiểm khi phải đối mặt với những tạo vật mạnh mẽ và thất thường này.

Yokai này có nhiều năng lực. Có lẽ dạng hiện thân phổ biến nhất là hiện tượng *kitsune-bi,* hay "hồ hoả", tương tự như khái niệm "lửa ma trơi". Chúng là những bậc thầy biến hình và giả trang khét tiếng, được biết tới với việc biến mình thành những phụ nữ xinh đẹp – đôi khi trong thời gian dài – để quyến rũ con mồi. Kinh nghiệm dân gian cho rằng Kitsune cần đội lên đầu lá, sậy, hay thậm chí xương sọ để có thể hoàn thiện việc giả dạng con người.

Tuy nhiên, ngược lại với Tanuki (trang 126) có kĩ năng tương tự, Kitsune bị xem là nguy hiểm và đôi khi còn là kẻ địch chết người. Trong tập truyền thuyết đô thị thế kỉ mười chín có tên gọi "Bảy chuyện quái lạ ở Honjo", khách lữ hành bị dẫn đi lạc đường bởi một bóng người cầm đèn lồng, nhưng thực ra là Tanuki hoặc Kitsune cải trang. Tanuki hài lòng với việc dẫn nạn nhân đi chệch đường; trong khi Kitsune dụ khách lữ hành bất cẩn bước chân khỏi vách núi hay vào những tình huống chết người khác.

Đòn tấn công!

Quá trình đụng độ Kitsune điển hình có thể theo nhiều dạng thức,



ĐIỀU ĐÃ VÀ ĐỘC ĐỊA

CÁO VÀ INARI: Trong tôn giáo Shinto hình thành tại Nhật, người ta tin rằng cáo có vai trò sứ giả và hầu cận của Inari, thần sinh sản và nông nghiệp; hình tượng cáo đặc biệt hay gặp trong các đền thờ Inari của Nhật Bản. Những ngôi đền như thế này hết sức phổ biến. Con số ước tính là khoảng hai mươi đến ba mươi nghìn ngôi đền Inari công cộng, nhưng con số này sẽ cao gấp vài lần nếu tính cả những ngôi đền cỡ nhỏ "không chính thức" ở các vùng ngoại ô, chân núi, hay thậm chí trên đỉnh nhà cao tầng.

nhưng chúng là những kẻ biến hình điêu luyện đến mức sự góp mặt của chúng thường không bị phát hiện cho đến khi sự việc đã xảy ra.

Kitsune thích những trò đùa ác. Một ví dụ kinh điển là biến thành một người tốt bụng và cho nạn nhân cả tin một viên kẹo mà hoá ra là một cục phân.

Truyện kể về Kitsune thường có chi tiết một con cáo biến thành cô gái xinh đẹp để dụ dỗ nạn nhân nam, rồi hút sạch máu tươi của anh ta. Trong một số trường hợp, những "ả hồ ly tinh" này đóng giả con người suốt nhiều năm.

Kitsune còn được cho là có thể nhập hồn vào cơ thể người để gây điên loạn hoặc bệnh tật. Theo bài luận năm 1913 *Truyền thuyết và Thần thoại Nhật Bản*, "Nghiên cứu của tiến sĩ Baelz, Đại học Hoàng gia Nhật Bản, dường như chỉ ra sự thực rằng động vật nhập hồn người là một hiện tượng có thật và khủng khiếp. Ông nhận xét rằng cáo thường nhập vào cơ thể phụ nữ thông qua ngực hoặc giữa kẽ móng tay, và rằng con cáo này có một đời sống riêng, thường nói bằng giọng hoàn toàn khác giọng người."

Ẩm thực cáo: Món mì Nhật Bản *Kitsune udon* chứa đậu phụ rán thái chỉ, được coi là món khoái khẩu của Kitsune. Thành phần này còn được dùng để làm *Inari-sushi*, cơm tẩm giấm bọc đậu phụ chiên.

Thoát hiểm khi đụng độ:
Sắm một con chó. Kitsune có thể che mắt người thường, nhưng loài chó thừa sức đánh hơi ra chúng. Hoặc mua đồ uống cho nó, vì Kitsune trong dạng người thường quên giấu đuôi mỗi khi mải nghĩ hoặc khi say. Tuy nhiên, câu chốt hạ là nếu bạn đã dính vào một âm mưu quái dị của Kitsune, nói chung bạn đã vào thế cưỡi hổ rồi đó.

Tuy vậy, điều quan trọng cần lưu ý là không phải mọi Kitsune đều bị coi là hung ác. Ngay cả những con đội lốt người cũng chưa chắc đã gây hại cho bạn đời. Trên thực tế, đã có không ít người trong lịch sử từng tuyên bố mình có dòng máu cáo chảy trong huyết quản.

YOKAI SỐ: 036

Yuki-Onna

雪女

Âm Hán Việt:
Tuyết Nữ.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Yuki-musume, Yuki-joro, Yoki-onba.

Giới tính:
Nữ.

Chiều cao:
Bằng phụ nữ Nhật Bản bình thường.

Cân nặng:
Hỏi cân nặng phụ nữ là bất lịch sự!

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Diện mạo thiếu nữ, tóc đen, da trắng đến gần như trong suốt, kimono trắng hoặc trang phục không hợp thời tiết khác (Đôi khi hầu như khoả thân.)

Thân nhiệt:
Lạnh như băng.

Số lượng:
Không rõ (xem thêm bên dưới).

Mùa:
Giữa mùa đông.

Nơi cư trú ưa thích:
Vùng núi.

Danh tiếng:
Yuki-Onna là một trong những yêu nữ nổi tiếng nhất trong truyện dân gian Nhật Bản. Bạn biết câu "hồng nhan hoạ thuỷ" chứ? Cô ta sở hữu chính kiểu nhan sắc như vậy. Cô ta có hình dạng một cô gái xinh đẹp xuất hiện trước mắt những người đàn ông bị kẹt trong bão tuyết trên núi – và là thứ cuối cùng họ nhìn thấy.

Làn da trắng nhợt không tự nhiên, mái tóc phủ đầy băng, và bộ kimono trắng loá có vẻ cực kì lạc lõng giữa hoàn cảnh thiên nhiên dữ dội vần vũ quanh cô ta. Dù đôi khi được miêu tả là những linh hồn lang thang của phụ nữ trẻ bị chết trong bão tuyết, cô ta thường được coi là yokai thay vì yurei (u hồn). Thậm chí có khả năng cô ta CHÍNH LÀ tuyết. Trên thực tế một nhà khoa học tự nhiên thế kỉ mười chín tên là Yamaoka Genrin đưa ra giả thuyết cô ta sinh ra từ chính bản thân tuyết, dù ý tưởng

ĐIỀU ĐÀ VÀ ĐỘC ĐỊA



của ông dựa trên thuyết tự sinh, một thuyết sinh học đã bị phủ nhận từ lâu.

Số lượng dị bản về Yuki-Onna cũng nhiều như số núi ở Nhật Bản. Ví dụ, ở các tỉnh Iwate và Miyagi, Yuki-Onna được cho là khiến khách lữ hành đóng băng chỉ bằng một cái nhìn. Ở Niigata (nơi cô ta được gọi là Yuki-joro, Tuyết Kĩ Nữ) cô ta được cho là nhằm vào trẻ con để ăn sống gan của chúng. Cư dân vùng núi Ibaraki và Fukushima tuyên bố nếu bạn phớt lờ tiếng gọi của Yuki-Onna, cô ta sẽ đẩy bạn xuống vực hoặc chôn bạn dưới đống tuyết.

Chỉ riêng số lượng truyện kể dường như đã cho thấy phần nào rằng Yuki-Onna đại biểu cho hẳn một loài yokai, nhưng cũng có số lượng truyền thuyết tương đương tuyên bố cô ta là một cá thể đơn lẻ, độc nhất vô nhị. Sự thật đến nay vẫn chưa sáng tỏ.

Đòn tấn công!

Vào thời đại của đồ lót giữ nhiệt Gore-Tex, lò sưởi di động, v.v... như ngày nay, thương vong do Yuki-Onna gây ra rất hiếm gặp. Nhưng như thế không có nghĩa bạn đã có thể yên tâm. Còn nhớ chuyện cô ta có thể khiến người ta đóng băng chỉ bằng ánh mắt, theo phong cách Medusa chứ? Như các truyền thuyết mâu thuẫn nhau cho thấy, chúng ta không biết chính xác cô ta có những mánh khoé gì.

Tuy nhiên, Yuki-Onna thông thường sẽ nhằm vào những ai vốn đã bị cóng và ngừng di chuyển trong tuyết. Cô ta cúi mình xuống con mồi đã gục ngã và phả hơi thở trắng như khói vào mặt họ, đoạt lấy dấu vết cuối cùng của hơi ấm – và cả sự sống – khỏi cơ thể nạn nhân. Có lẽ bạn có thể coi cô ta là hình tượng nhân hoá của chứng mất nhiệt.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Đơn giản mà lại khó khăn: Thành đôi với cô ta!

Cho phép chúng tôi giải thích. Chỉ có đúng một truyện kể về người sống sót sau khi gặp phải Yuki-Onna. Lafcadio Hearn ghi lại trong cuốn sách năm 1903 *Kwaidan* của ông.

Một tiều phu già tên là Mosaku cùng người thợ học việc thiếu niên Minokichi gặp phải bão tuyết trên núi. Họ co ro trong một căn lều để chờ cơn bão qua đi. Đêm đó, Minokichi tỉnh dậy và thấy một người phụ nữ cúi mình trên người thầy của cậu, phả hơi thở chết người lên mặt ông. Nhận ra có người nhìn mình, cô ta quay về phía chàng trai trẻ. Nhưng cô ta sinh lòng thương hại và đề nghị tha mạng cho cậu nếu cậu thề sẽ không bao giờ tiết lộ việc mình vừa



Chân dung ma quái của Yuki-Onna do Sekien vẽ.

chứng kiến. Tuy nhiên, nếu cậu nói ra, cô ta sẽ báo thù.

Sáng hôm sau Minokichi giật mình thức giấc. Cơn bão đã ngừng. Một giấc mơ chăng? Nhưng Mosaku đã chết, vẻ kinh hoàng đông cứng trên mặt. Vì thế, chàng thiếu niên quyết tâm không bao giờ nhắc đến sự việc này nữa.

Năm tiếp theo, vào cùng khoảng thời gian, Minokichi tình cờ gặp một cô gái xinh đẹp trên đường mòn dẫn qua làng. Tự giới thiệu mình là Oyuki (một cái tên phổ biến có nghĩa là "tuyết"), cô kể với chàng trai trẻ là mình mồ côi cha mẹ, đang trên đường đến Edo (Tokyo ngày nay) để tìm việc làm.

Cuối cùng, Oyuki không đến được Edo, vì cô và Minokichi phải lòng nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên. Họ kết hôn không lâu sau đó và chẳng mấy chốc Oyuki mang thai đứa con của Minokichi. Suốt một thập kỉ tiếp theo, cô sinh hạ chín đứa nữa, tất cả đều là những cô bé, cậu bé khoẻ mạnh.

Gia đình họ sống hạnh phúc trong nhiều năm. Nhưng một buổi tối, khi vợ đang khâu vá bên ánh nến, Minokichi nhận xét rằng cô khiến anh nhớ đến một người. Câu chuyện về cuộc gặp trong lều tuyết buột ra sau nhiều năm đè nén.

"Chính là ta!" Oyuki rít lên, bay vụt khỏi ghế tới trước mặt Minokichi đang giật mình sửng sốt. "Ngươi đã nuốt lời thề! Nếu không vì đàn con của chúng ta, ta đã giết ngươi ngay tại chỗ! Hãy chăm lo cho chúng, nếu chúng có bất cứ điều gì bất mãn, ta sẽ săn lùng ngươi tới cùng trời cuối đất và bắt ngươi trả giá, trả giá, trả giá..."

Khi cơn thịnh nộ bùng phát lên đến đỉnh điểm, cơ thể cô ta mờ dần thành một làn khói rồi nhanh chóng phóng vụt qua ống khói. Minokichi không bao giờ gặp lại cô ta nữa.

Kết luận: Nếu bạn gặp phải Yuki-Onna, bạn hãy hi vọng mình lọt vào mắt xanh của cô ta.

YOKAI SỐ: 037

Hashi Hime

橋姫

Âm Hán Việt:
Kiều Cơ.

Nghĩa tên:
Công chúa Cầu.

Giới tính:
Nữ (đôi khi là nam).

Chiều cao:
Bằng một phụ nữ Nhật bình thường.

Cân nặng:
Bằng một phụ nữ Nhật bình thường.

Đặc điểm:
Mang diện mạo phụ nữ loài người.
Mái tóc đen uốn thành bảy lọn tròn. "Vương miện" sắt gắn nến đang cháy.

Thường ở trần nửa trên

Thứ gây bực mình:
Các cặp đôi hạnh phúc.

Vũ khí tấn công:
Ánh nhìn cau có giận dữ.
Móng vuốt và răng.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Cầu.

Danh tiếng:
Một con người bị biến thành yokai chỉ bằng sức mạnh của lòng đố kị và thù hận, Hashi Hime về cơ bản là kẻ chuyên phá hoại tình yêu, một kẻ rình mò siêu hạng, một lực lượng tự nhiên tàn bạo hết lòng vì mục đích duy nhất là khiến kẻ khác trả giá cho sự phản bội cô ta từng phải chịu. Không giống những yokai khác như Kappa (trang 26) hay Tengu (trang 22), đây là một tạo vật đơn độc, chỉ có một cá thể duy nhất.

Có nhiều câu chuyện gắn liền với Hashi Hime. Chuyện nổi tiếng nhất kể về một cặp vợ chồng sống gần sông Uji ở Kyoto cách đây rất lâu. Bị người chồng trăng hoa phản bội, người vợ chung thuỷ cầu khấn ngày đêm ở ngôi đền Shinto địa phương, mong kẻ phụ tình bị quả báo.

CHUYÊN GIA TÂM LÍ YOKAI
Có một ngôi đền thờ Hashi Hime ở thành phố Uji, nơi thường được viếng thăm bởi những người mong muốn cắt đứt mối liên hệ với ai đó trong đời họ.





Mặt nạ Hashi Hime dùng trong lễ hội Chofu

Vào đêm thứ bảy, tu sĩ trong đền tiến đến nói với cô về một giấc mơ kì lạ đã đánh thức mình. Trong mơ ông được chỉ dẫn một phương pháp mà người vợ có thể dùng nó trả thù. Cô phải mặc đồ đỏ, bôi chu sa[1] dọc lên mặt và cơ thể, chia tóc thành bảy lọn, úp ngược kiềng sắt lên đầu rồi thắp nến lên trên, một tay cầm gậy sắt nguyên chất, và chầu chực ở sông Uji suốt hai mươi mốt ngày. Nếu cô nghe lời, cô sẽ biến thành một tạo vật có khả năng báo thù như mong muốn. Và phần còn lại của câu chuyện như mọi người đã biết.

THƯ VIỆN YOKAI: Hashi Hime là tiêu đề một chương trong *Truyện kể Genji*, tiểu thuyết đầu tiên trên thế giới, được sáng tác vào khoảng năm 1000 bởi một cung nữ tên là Murasaki Shikibu.

Đòn tấn công!

Hashi Hime nhắm vào khách lữ hành đi qua cầu; phạm vi của nó gần như trải khắp quần đảo Nhật Bản. Người ta cho rằng nó xuất hiện trong hình dạng nữ giới khi tấn công nam giới và ngược lại. Một khi bạn đã bị hớp hồn bởi vẻ đẹp giả tạo ấy, nó sẽ nhanh chóng bộc lộ bản chất xấu xa: một con quỷ phẫn nộ. Tương truyền cảnh tượng đó có thể khiến nhiều người phát điên; không ít người chết ngay tại chỗ vì sốc.

Một kiểu đụng độ Hashi Hime khác kèm theo một yêu cầu. Với một trong các trường hợp ấy, lữ khách nọ gặp một cô gái xinh đẹp khi đi qua cầu. Cô ta nài nỉ người này chuyển giúp một tin nhắn viết cho bản sao của cô ta trên một cây cầu khác đâu đó tại Nhật Bản. Người lữ khách nhận lời và vô tình mở tin nhắn ra trên đường, rồi kinh hoàng phát hiện ra nó viết, "Hãy giết người đàn ông này." Bằng chiêu đối phó đơn giản là thêm chữ "đừng" vào đằng trước, người đàn ông đã thực hiện được nhiệm vụ mà vẫn tránh khỏi kết cục thê thảm.

Thoát hiểm khi đụng độ:

Hashi Hime đặc biệt thích nhắm vào các cặp đôi hạnh phúc. Nếu gặp phải, cơ hội duy nhất để tránh khỏi cái chết đau đớn là thề sẽ chia tay nửa kia của mình. Bạn không có? Ừ thôi...

[1] *Một khoáng vật có sẵn trong tự nhiên, thành phần chính là sulfua thuỷ ngân, có màu đỏ.*

Lũ Nhát Cáy

Nếu các chương trước khiến bạn vã mồ hôi lạnh, hãy thư giãn. Con người chúng ta còn đáng sợ hơn đám tiểu quỷ sau đây nhiều.

Nopperabo

のっぺらぼう

Nghĩa tên:
Kẻ Không Mặt.

Tên khác trong tiếng Nhật:
Nupperabo, Zunberabo, Nupperiho.

Giới tính:
Nam hoặc nữ.

Chiều cao:
Tương đương người lớn tầm trung.

Cân nặng:
Tương đương người lớn tầm trung.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Trông giống một người bình thường.
Mặt trơn láng, hoàn toàn không có mắt mũi miệng.

Vũ khí tấn công:
Diện mạo gây sốc.

Nguồn gốc:
Edo (Tokyo).

Số lượng:
Phổ biến.

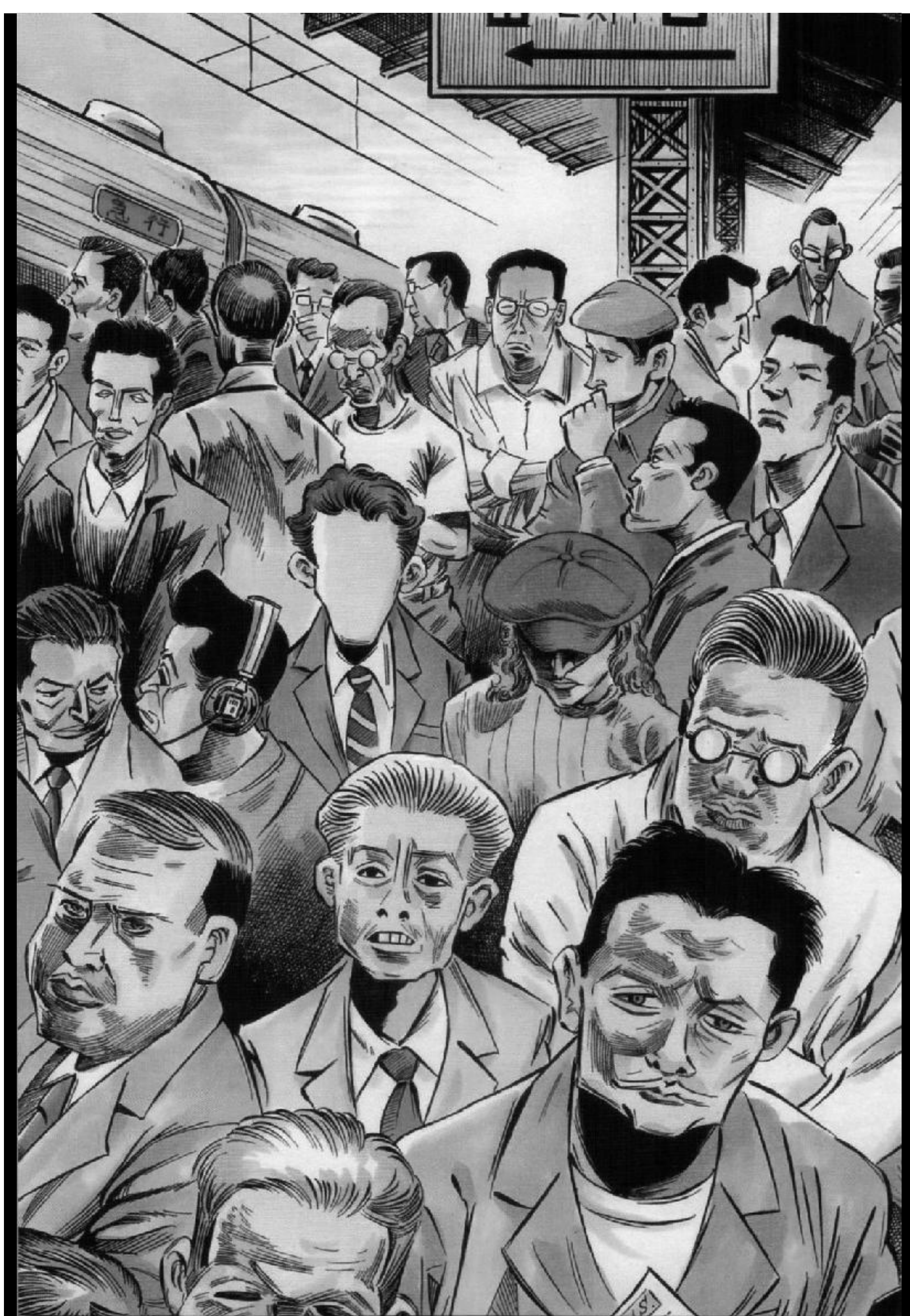
Nơi cư trú:
Đô thị, ngoại ô và nông thôn.

Danh tiếng:
Nopperabo, cái tên gợi cảm giác về một thứ nhẵn nhụi, không có nét trong tiếng Nhật, trông giống một người ăn mặc bình thường, có vẻ khoẻ mạnh, chỉ trừ một khác biệt lớn: khuôn mặt nhẵn bóng như vỏ trứng, không hề có mắt mũi hay miệng.

Những tạo vật tinh nghịch này thuộc nhóm yokai nổi tiếng nhất Nhật Bản. Trong một số truyện kể, Nopperabo chỉ thiếu mắt và mũi. Những dị bản khác miêu tả chúng hoàn toàn không có gì trên mặt. Dù ngoài gương mặt ra trông chúng không khác gì con người, người ta tin rằng chúng là Kitsune (trang 154) hoặc Tanuki (trang 126) đội lốt người. Có lẽ chúng là những yêu quái biến hình nhỏ tuổi mới bắt đầu thử sức giả dạng người chăng? Dù thế nào thì chúng cũng có vẻ rất thích thú với việc hù doạ con người, thường đặt mình vào tình huống mà chúng biết sẽ bị "nạn nhân" sơ ý nhìn thấy.

Nhiều truyện kể về chúng xuất phát từ Kyoto. Một trong

LŨ NHÁT CÁY


急行

số đó kể rằng, Nopperabo kéo tay áo một thương gia, khiến ông ta chạy bán sống bán chết. Lát sau, khi dừng lại thở lấy hơi, ông thấy cả tá sợi lông thô ráp bám vào chỗ quần áo ban nãy vừa bị túm. Một câu chuyện khác kể về một ngôi nhà bỏ hoang tại quận Chuo ở Kyoto, được cho là nhà của một Nopperabo cứ giã chày xuống cối không ngơi nghỉ.

Nopperabo có vẻ thích gần nước. Chúng thường xuất hiện cạnh hào, bờ sông, và kênh rạch các loại, dẫn đến một số người phỏng đoán chúng là sản phẩm của rái cá hoặc chồn thay vì Kitsune hoặc Tanuki. (Tình cờ một số người tin rằng rái cá cũng là kẻ đứng sau loài yokai Nobiagari (trang 190). Ai biết được lũ nhóc lông xù này lại to gan đến vậy?)

Đòn tấn công!

Cuộc đụng độ luôn theo cùng một trình tự. Nó xảy ra vào đêm khuya, để cho tạo vật không mặt này đến gần hết mức trước khi để lộ ngoại hình gây sốc. Theo một số lời kể, nó có khả năng tạo ảo ảnh mang vẻ mặt của người bình thường trong khoảng thời gian ngắn, giúp nó đến gần các nạn nhân tiềm năng hơn. Toàn bộ chiêu trò của nó nói ra thì chỉ để phục vụ mục đích duy nhất là khiến những người nó gặp giật bắn mình.

Nopperabo thường hoạt động theo nhóm. Một tên doạ nạn nhân, người này sẽ chạy đi tìm người khác để kể lể. Đảm bảo người tiếp theo mà nạn nhân gặp được sẽ lắng nghe với vẻ cảm thông trước khi để lộ ra rằng chính nó cũng là một Nopperabo không mặt, khiến nạn nhân càng thêm khủng hoảng. Tuy có phần ấu trĩ, nhưng cũng khá là vui khi dính dáng đến yokai.

HỌC NGÔN NGỮ: Như nhiều yokai khác, tên của Nopperabo là một phép chơi chữ dựa trên từ *nopperi*, có nghĩa là "không đặc điểm" trong tiếng Nhật.

Tránh đụng độ:

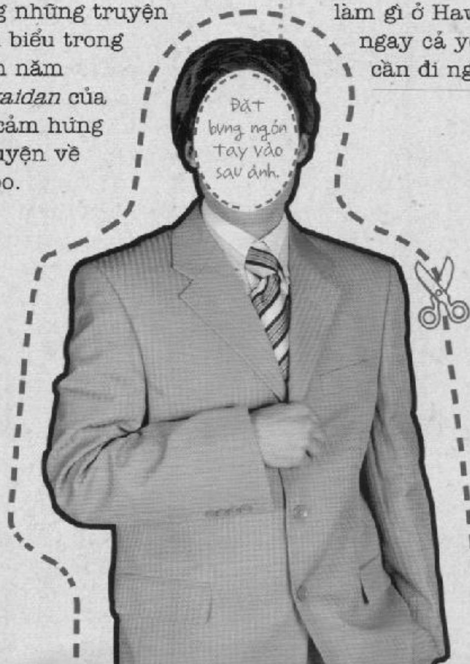
Trừ những người bệnh tim, đụng độ Nopperabo ít khi, nếu không muốn nói là không bao giờ, gây chết người. Lũ yêu quái tinh nghịch này chỉ cần doạ nạn nhân sợ mất mật là thoả mãn. Một khi giở trò xong, chúng chỉ đơn giản chờ cho người kia kêu thét và bỏ chạy.

Nếu bạn tình cờ gặp phải một Nopperabo, hãy cố giữ bình tĩnh và đứng vững. Biết đâu bạn lại là người đầu tiên khiến Nopperabo phải cụp đuôi bỏ đi đấy!

Trong đời sống:
Trớ trêu thay, đa phần sự nổi tiếng ngày nay của Nopperabo không phải do truyện dân gian Nhật Bản mà do tác phẩm văn chương đã chuyển ngữ của Lafcadio Hearn (1850-1904), người viết bằng tiếng Anh dưới tên thật và tiếng Nhật dưới cái tên "Yakumo Koizumi" mà ông lấy sau khi trở thành công dân Nhật Bản vào năm 1896. Được người vợ Setsuko giúp chuyển ngữ và tái hiện lại các câu chuyện, Hearn nổi danh là một trong những người ngoại quốc đầu tiên kể lại nhiều truyện dân gian và truyện ma vùng miền của Nhật Bản. "Mujina," một trong những truyện ngắn tiêu biểu trong cuốn sách năm 1904 *Kwaidan* của ông, lấy cảm hứng từ các truyện về Nopperabo.

Dù trên thực tế *mujina* là loài lửng nhỏ Nhật Bản, theo truyện dân gian có năng lực tương tự như Kitsune, sự nổi tiếng của câu chuyện của Hearn đã khiến hình tượng *mujina* trở nên lẫn lộn với Nopperabo tại Nhật Bản.

Điều lạ lùng là từng có những tin đồn về việc trông thấy *mujina* nhìn như Nopperabo cả ở ngoài biên giới Nhật Bản. Một truyền thuyết đô thị Hawaii được cho là có từ năm 1959 miêu tả một cặp phụ nữ không mặt chải tóc trong nhà vệ sinh của một rạp phim được ưa thích, cảnh tượng bất ngờ có thể khiến người chứng kiến phải nhập viện vì hoảng loạn. Nopperabo làm gì ở Hawaii cơ chứ? Có lẽ ngay cả yokai đôi khi cũng cần đi nghỉ.



TỰ TẠO NOPPERABO!

Chỉ cần cắt một lỗ hổng ở vị trí khuôn mặt rồi thay thế bằng bụng ngón tay.

YOKAI SỐ: 039

Hitotsume Kozo

一つ目小僧

Âm Hán Việt:
Nhất Mục Tiểu Tăng.

Nghĩa tên:
Chú tiểu một mắt.

Giới tính:
Nam.

Chiều cao:
Bằng bé trai bảy, tám tuổi.

Cân nặng:
Bằng bé trai bảy, tám tuổi.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Hình dạng người.
Thường mặc trang phục truyền thống (kimono, guốc *geta*, nón rơm, v.v...).
Đầu trọc hoặc đầu đinh. Con mắt quá khổ duy nhất ở giữa trán.

Vũ khí tấn công:
Diện mạo gây sốc.
Con mắt phát sáng.

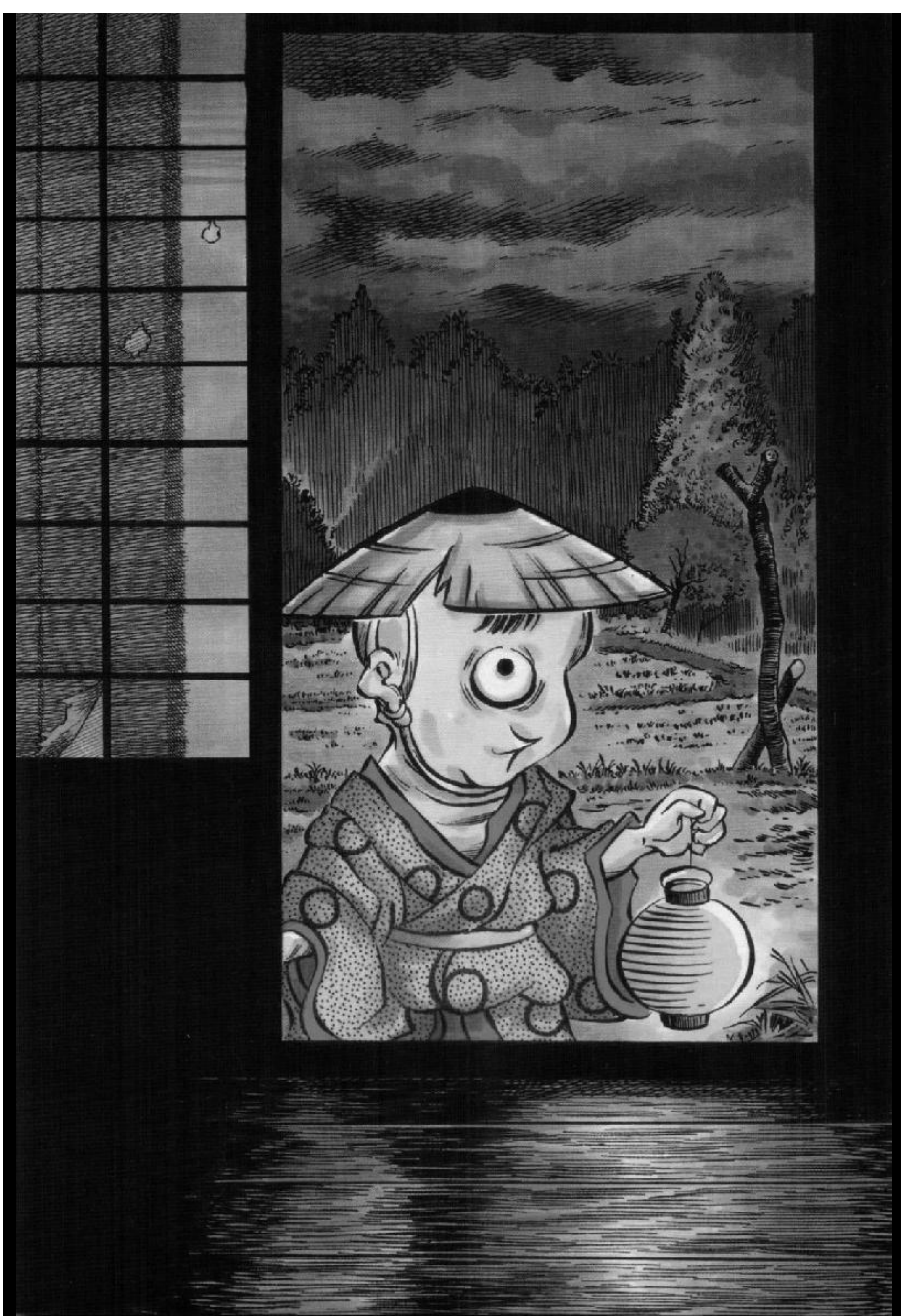
Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Thường ở vùng núi, nhưng ở cả bất cứ nơi nào con người sinh sống.

Danh tiếng:
Đám một mắt nhỏ bé này là những kẻ chơi khăm khét tiếng, hoặc nhảy ra từ bóng tối hoặc lẻn vào nhà người ta để doạ chủ nhà sợ chết khiếp. Chúng thường được miêu tả là có cái lưỡi dài lòng thòng, ăn mặc kiểu truyền thống với kimono, áo thụng hoặc các loại phục sức cổ trang khác, trông giống một chú tiểu. Đôi khi mang theo tràng hạt hoặc những vật phẩm gắn với tín ngưỡng thờ Phật. Có thể coi là một trong các siêu sao của thế giới yokai, truyện kể về Hitotsume Kozo xuất hiện lần đầu trong các truyền thuyết đô thị và truyện kinh dị thời Edo (1603-1868). Thẻ bài gọi là karuta in hình chúng là loại đồ chơi thịnh hành vào thời đó, khiến chúng trở thành tiền thân cho



Làm bạn với chú chuột nào đó chăng? Thẻ karuta những năm 1960



các loại thẻ bài sưu tầm được trẻ em ngày nay yêu thích.

Hitotsume Kozo được biết rộng rãi trong truyện dân gian Nhật Bản, nhiều vùng khác nhau có truyền thống và truyền thuyết riêng về yokai này. Ví dụ ở tỉnh Shizuoka, truyền thống dân gian nói rằng Hitotsume Kozo xuống núi để thăm nhà con người vào ngày mùng tám tháng Hai và tháng Mười Hai. Cư dân phải đặt lá thiêng (một số dị bản nói loại lá này đã chọc mù một mắt của Hitotsume), rổ và nước vo gạo ngoài của nhà để ngăn loài yokai này, đồng thời ăn *sekihan*, cơm trộn đậu đỏ trong nhà. Nếu Hitotsume Kozo ghé qua mà thấy gia đình hay cư dân nào không ăn sekihan, người ta nói nó sẽ ghi sổ địa chỉ nhà đó, và nơi ấy sẽ bị nguyền gặp phải ốm đau và tai ương trong năm đó.

Dù thường bị gắn với trò đùa tinh nghịch, có ít nhất một trường hợp Hitosume Kozo làm việc tốt. Trong một tu viện trên núi Hiei của Kyoto, người ta kể rằng nó xuất hiện trước mặt một hoà thượng ham mê hưởng lạc trong khu giải trí ở trung tâm Kyoto, rung chuông cảnh tỉnh ông ta trở lại con đường đúng đắn. (Tình cờ – không liên quan đến Hitotsume Kozo – hành hương đến núi Hiei hiện nay là một hoạt động du lịch được ưa chuộng.)

Đòn tấn công!

Trong một cuộc đụng độ ngoài trời, theo thông lệ khách lữ hành sẽ bị giật mình khi thấy một con mắt lớn phát sáng trên cây hoặc bên đường; khi anh ta dừng lại để nhìn cho kĩ, Hitotsume Kozo sẽ nhảy xổ ra từ bóng tối để lọt vào tầm mắt của nạn nhân, đồng thời trêu chọc họ bằng cái lưỡi dài khó hiểu.

Dù hiếm xảy ra, thỉnh thoảng vẫn có trường hợp Hitotsume Kozo tác quái trong nhà, đánh đổ đồ đạc, ăn trộm kẹo, và bày đủ trò nghịch ngợm khác.

Tránh đụng độ:

Đừng hoảng sợ. Hitotsume Kozo có xu hướng biến mất trước cả khi lượng adrenalin trong máu nạn nhân kịp hạ xuống. Ở một số vùng, người ta treo



Liệu có nữ luôn không? Tấm karuta những năm 1960 này có vẻ gợi ý thế.

HUYỀN BÍ CHẤT CHỒNG:

Có lẽ do cái tên na ná nhau và cùng có diện mạo trẻ con, Hitotsume Kozo và Tofu Kozo (trang 82) thường được tả thành một thể đồng nhất (cụ thể là một chú tiểu một mắt mang theo một bìa đậu), nhưng trên thực tế đây là hai yokai khác nhau.

rổ hoặc sàng trước cửa để trục xuất lũ tiểu quỷ này, vì vô số "mắt" đan của sàng có thể doạ nạt Hitotsume Kozo một mắt.

Trong đời sống:

Tác giả Yanagita Kunio (1875-1962), người từng đi khắp Nhật Bản để thu thập truyện kể yokai cho cuốn sách ra đời năm 1912 *Tono Monogatari* ("Truyện kể ở Tono"), tin rằng Hitotsume Kozo phát sinh từ các truyện kể về những tu sĩ Shinto sùng đạo đến mức cố ý chọc mù một mắt để tiếp thu tốt hơn sự uyên bác huyền bí của thần linh. Bất chấp câu chuyện có phần khủng khiếp và tính xác thực vẫn chưa rõ kể trên, loài yokai này thường mang hình tượng trẻ con nghịch ngợm thay vì người lớn.



Mô hình đồ chơi bằng nhựa Hitotsume Kozo

YOKAI SỐ: 040

Toire no Hanako

トイレの花子

Nghĩa tên:
"Hanako trong nhà xí."

Giới tính:
Nữ.

Chiều cao:
Bằng một nữ sinh tiểu học Nhật Bản.

Cân nặng:
Bằng một nữ sinh tiểu học Nhật Bản.

Cách di chuyển:
Hai chân.

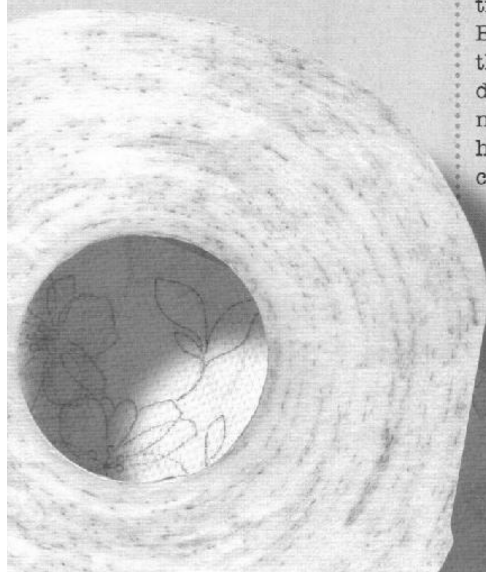
Đặc điểm:
Trông như một bé gái người Nhật.
Tóc bob.
Váy đỏ.

Vũ khí tấn công:
Không có.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

Nơi cư trú:
Nhà vệ sinh trường học.

Danh tiếng:
Yokai này trông như một bé gái bình thường, mặc đồng phục, xuất hiện trong nhà vệ sinh trường tiểu học trên khắp Nhật Bản. Mang hình dạng nữ, nó thường ám các nhà vệ sinh nữ, dù đôi khi cũng bị nam sinh nhìn thấy trong những trường hợp hiếm hoi nam và nữ dùng chung công trình phụ. Viễn cảnh đụng độ đôi khi được dùng làm phép thử lòng dũng cảm cho các nữ sinh, những người thường khích nhau vào thám hiểm buồng vệ sinh bị đồn là nơi Hanako ám. Đối với nó, các bé gái mang tâm trạng





vừa yêu vừa hận: dù bất ngờ gặp phải có thể đáng sợ, nhưng theo những gì đã biết, nó không gây ra bất cứ tổn thương thực chất nào, và thậm chí một số nơi còn coi nó là một loại linh vật trường học. Nó là bóng ma nữ sinh kinh điển, loại quái vật mà trẻ nhỏ thường thủ thỉ kể với nhau trong các bữa tiệc ngủ hoặc chuyến dã ngoại của trường.

Cùng với Kuchisake Onna (trang 150), Hanako là một trong những tạo vật "nhỏ tuổi nhất" được đề cập trong cuốn cẩm nang này. Dù đôi khi bị miêu tả như *yurei* (ma), cách thức hoạt động của nó đủ nhất quán và giống yokai để được xếp vào đây.

"Hanako" là một cái tên phổ biến, hơi lỗi thời dành cho nữ. Lần xuất hiện đầu tiên được ghi chép lại của yokai mang tên này là từ những năm 1950. Truyền thuyết đô thị kể về một bé gái cố gắng trốn trong nhà vệ sinh trường học nhưng bị người mẹ điên phát hiện và sát hại. Một dị bản khác mô tả cô bé thiệt mạng trong một trận không kích bất ngờ vào thời chiến trong khi đang chơi trốn tìm với bạn cùng lớp. Bất kể trường hợp nào, hàng loạt vụ đụng độ đã ồ ạt lan tràn trong giới học sinh những năm 1980, củng cố danh tiếng của Hanako như một trong những bóng ma ưu tú.

Hanako là một trong số rất ít yokai hoạt động vào ban ngày, khi trường học đang mở cửa, thay vì vào ban đêm khi không còn ai hết.

Đòn tấn công!

Hanako chỉ xuất hiện trong nhà vệ sinh nữ. Tình huống điển hình là một nữ sinh gọi tên Hanako khi bước vào nhà vệ sinh vắng người ở trường. Nếu Hanako có mặt, nó có thể trả lời bằng giọng nói ma quái văng vẳng "tôi ở đây."

NHÀ VỆ SINH KINH HOÀNG

Có nhiều tạo vật khác xuất hiện trong nhà vệ sinh bao gồm Akamanto ("Áo choàng đỏ"), kẻ có giọng nói ma quái hỏi người đang đi vệ sinh có muốn áo choàng đỏ không, và nếu câu trả lời là có, sẽ lột da lưng của họ. Akai-Kami-Aoi-Kami ("Giấy đỏ, giấy xanh") là một giọng nói ma quái khác hỏi nạn nhân cần giấy vệ sinh màu nào trong hai màu nói trên. Nếu người đó trả lời "đỏ", họ sẽ phải nhận cái chết đẫm máu; nếu là "xanh", toàn bộ máu sẽ bị hút khỏi cơ thể. Còn nếu họ trả lời bất cứ màu nào khác, họ vẫn sẽ bị bắt sang thế giới bên kia.

Trừ những trường hợp hiếm hoi, nó thường thích tránh tầm mắt mọi người. Khi nó thực sự xuất hiện, nó thường được miêu tả là có mái tóc *bob* nữ tính và mặc váy đỏ.



DVD một bộ phim dựa trên yokai này (xem trang 199)

Tránh đụng độ:
Dù ý nghĩ đụng phải nó đã hù doạ vô số nữ sinh, được biết Hanako không gây nguy hiểm cho sức khoẻ hay sinh mạng của người gặp phải nó. Trên thực tế, nó giống một linh vật siêu nhiên hơn là thứ gì đáng sợ. Nếu bạn tình cờ chạm trán nó, bạn thậm chí có thể coi như mình may mắn, vì còn có những thứ tồi tệ hơn nhiều rình rập trong nhà vệ sinh trên khắp Nhật Bản (xem trang trước).

Trong đời sống:
Hanako là một đề tài được ưa thích trong truyện tranh, phim kinh dị, và *anime* Nhật Bản, nơi nó thường được khắc hoạ với vẻ tà ác hơn nhiều so với cách truyền thuyết đô thị thể hiện. Trên thực tế, "Toire no Hanako-san" là tiêu đề một chuỗi phim và chương trình truyền hình về loài yokai trứ danh này.

Về mặt khái niệm, nguồn gốc của Hanako tương tự như Akaname (trang 86), một tạo vật khác cũng ám nhà vệ sinh ẩm thấp. Trường học Nhật Bản thường được xây theo thiết kế mặt bằng các tầng giống hệt nhau với khu vệ sinh đơn sơ có thể khiến người sử dụng sợ hãi, đặc biệt là khi trẻ nhỏ nhìn thấy lần đầu tiên. Vì thế chúng là bối cảnh tự nhiên cho loại truyện rùng rợn mà học sinh thích rỉ tai nhau ở khắp nơi trên thế giới.

YOKAI SỐ: 041

Enen-ra

煙々羅

Âm Hán Việt:
Yên Yên La.

Tên khác:
Enra-enra.

Nghĩa tên:
Ma khói.

Giới tính:
Không rõ.

Kích thước:
Đa dạng.

Cân nặng:
Không có thực thể.

Cách di chuyển:
Trôi lơ lửng.

Đặc điểm:
Một đám mây khói không có hình dạng cố định.

Vũ khí tấn công:
Khói.

Số lượng:
Hiếm.

Nơi cư trú:
Bất cứ nơi nào gần ngọn lửa tạo khói (đống lửa trại, v.v...).

Danh tiếng:
Một tạo vật hiếm gặp với nguồn gốc cũng mơ hồ như bản thân sự tồn tại của nó, Enen-ra là kiểu yokai bí ẩn tụ thành từ khói lửa. Không bao giờ có hình dạng thực, nó hài lòng với việc xuất hiện trong dạng nam, nữ, động vật, thậm chí đôi khi là các loại quái vật khác. Cấu tạo dường như chỉ từ khói và không khí, tạo vật này được cho là hoàn toàn vô hại, có chăng thì hơi gây khó chịu nếu thật sự trông thấy nó hoạt động.

Người ta tin là Enen-ra liên quan đến một hiện tượng siêu nhiên tương tự, trong đó khói của ngọn lửa đông lại tại chỗ, như trong một tấm ảnh, bất động trong một khoảng thời gian. Theo một số nguồn tư liệu, chỉ có những ai có trái tim thuần khiết mới nhìn thấy chúng.

Đòn tấn công!
Nhìn chung, nó chỉ ngưng tụ, hiện hình, rồi lại biến mất. Theo thông tin đã biết thì Enen-ra không chủ động gây hấn, dù luồng khí dịch chuyển có thể thổi nó vào thẳng mặt bạn. Đừng nghĩ

Liên hệ ngôn ngữ: "En" nghĩa là "khói" trong tiếng Nhật.

LŨ NHÁT CÁY


10
RAP
1

về nó như một đòn tấn công mà nghiêng về tính nguy hiểm của việc hút thuốc thụ động.

Trong một lời kể gần đây về sự xuất hiện của Enen-ra, mẹ của một em bé gặp phải thứ trông như hồn ma phụ nữ đang cúi xuống đứa trẻ với vẻ định dỗ dành nó. Giật mình khi thấy người mẹ, bóng hình đó tan biến thành làn khói rồi nhanh chóng xoay tròn, biến vào viền chiếu tatami trải sàn như dải ruy-băng. Em bé được thông báo là bình yên vô sự.

Tránh đụng độ:
Hầu như giống một hiện tượng hơn là sinh vật, bản thân Enen-ra không đáng sợ. Nó chỉ cần làm người nhìn thấy giật mình bằng sự xuất hiện đột ngột là đã thoả mãn rồi.

Tuy nhiên, sự có mặt của nó có thể là dấu hiệu cho thấy vị trí đó có mức độ hoạt động siêu nhiên cao hơn bình thường, về lí thuyết có thể là tốt cũng có thể là xấu, tuỳ thuộc vào vị thế của bạn đối với yokai.

Nếu bạn bị hen suyễn hay có vấn đề nào khác về hô hấp, hãy cân nhắc việc đeo khẩu trang hoặc mặt nạ phòng độc để tránh hít phải khói. (Dù bản thân Enen-ra hoàn toàn vô hại, xin nhắc bạn rằng thứ khói tạo thành nó có thể gây hại cho sức khoẻ của bạn.)

LỜI HIROKO:
Khi còn nhỏ, tôi và bạn bè rất thích chơi một món đồ chơi tên là Yokai Kemuri ("Yêu quái khói"). Đó là một bộ dụng cụ chứa những tờ giấy tẩm một loại hoá chất gì đó. Khi miết ngón tay lên mặt giấy rồi ép các ngón tay lại với nhau nhiều lần, sẽ có những làn khói bí ẩn giăng giữa các đầu ngón tay. Cũng vui không kém thứ khói này là bao bì sặc sỡ, phủ kín bởi đủ loại quái vật kì quặc. Dù tôi không nhớ khói có bao giờ biến thành dạng người hoặc động vật hay không, nhưng bây giờ nghĩ lại, hiệu quả của trò đó có phần giống như tự tạo ra Enen-ra của riêng mình vậy! Hoá ra sản phẩm này bây giờ vẫn có bán trong các cửa hiệu chuyên dụng, dưới cái tên và bao bì đúng như trước đây.



LŨ NHẤT CÂY



Địa điểm hay xuất hiện:
Về mặt lí thuyết, Enen-ra có thể sinh ra từ mọi loại khói, từ lửa trại đến giàn hoả táng rồi đầu thuốc lá.

Tạo vật này đôi khi được cho là sống trên mái chùa, dường như thu nạp lượng khói lớn sinh ra ở đó. Thắp hương và đốt bùa làm từ gỗ hoặc giấy là hoạt động phổ biến trong các nghi thức Phật giáo. Đặc biệt lễ kuyo, hay lễ cầu siêu bằng phương pháp hoả thiêu, có vẻ là cảnh tượng khả thi cho Enen-ra xuất hiện. Trong những nghi lễ này, vật đã có thời gian dài bên con người (ví dụ búp bê hay bùa) hoặc mang đường nét con người (ví dụ như ảnh) được đốt trên giàn thiêu dưới sự giám sát của các hoà thượng. Đây là một dạng thể hiện lòng kính trọng và biết ơn với những đồ vật mà người ta không đành lòng vứt vào sọt rác.

Bản khắc hoạ đầu tiên của yokai này xuất hiện trong cuốn sách thế kỉ mười tám của Toriyama Sekien *Konjaku Hyakki Shui* ("Sưu tập Bách quỷ Cổ Kim"), trong đó ông miêu tả Enen-ra xuất hiện "từ khói của đống lửa đuổi muỗi," một việc thường thấy ở thời trước khi có thuốc diệt côn trùng.

Kosode no Te 小袖の手

Boroboro-ton 暮露々々団

Âm Hán Việt:
Tiểu Tụ Chi Thủ (Kosode no Te). Mộ Lộ Mộ Lộ Đoàn (Boroboro-ton).

Giới tính:
Nữ (Kosode no Te).
Không rõ (Boroboro-ton).

Kích thước:
Kosode no Te: 1,5 đến 1,75 m.
Boroboro-ton: 2,1 x 1 m.

Cân nặng:
Kosode no Te: khoảng 3 kg.
Boroboro-ton: khoảng 5 kg.

Cách di chuyển:
Kosode no Te: Lướt.
Boroboro-ton: Trượt/ lật.

Đặc điểm:
Trông giống bộ kimono và tấm chăn bình thường, có phần cũ sờn.

Vũ khí tấn công:
Không có (Kosode no Te).
Cân nặng nghẹt thở (Boroboro-ton).

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Phòng ngủ.

Danh tiếng:
Hai yokai này về cơ bản là quần áo và chăn nệm bị ám, về mặt phân loại, chúng thuộc về loài phụ của Tsukumo-gami (trang 102). Thường xuất hiện ở cùng một nơi – cụ thể là phòng ngủ - ở đây chúng tôi nhóm chúng lại với nhau cho tiện giới thiệu.

Tên của Boroboro-ton được viết bằng từ kanji đồng âm với "sờn rách". Nó là một tấm chăn bông sút chỉ, thường được miêu tả là có một hoặc nhiều mắt, lệt sệt mò quanh phòng tìm kiếm con mồi. Đúng vậy, bạn không đọc nhầm đâu. Nó là quái vật chăn. Và còn chẳng phải loại hung dữ gì cho lắm.

Với nghĩa đen là "tay trong ống tay áo", Kosode no Te chính xác như cái tên thể hiện: một bộ kimono trống rỗng có hai cánh tay ma quái lòng thòng thò ra khỏi hai ống tay áo thùng thình



như hai dải ruy-băng, ve vẩy khi tìm kiếm thứ gì đó. Một số người tin rằng chúng gợi nhớ đến những tấm giấy trang trí treo trong đền thờ Nhật Bản.

Loại kimono tay ngắn hay bị Kosode no Te ám là trang phục truyền thống của các bé gái. Vào thời xưa, đây là loại đồ vật đầu tiên phải ra hiệu cầm đồ khi gia đình rơi vào cảnh khó khăn. Theo một số giả thuyết, loài yokai này là linh hồn một kĩ nữ vẫn đang huơ tay tìm kiếm vòng tay đàn ông dù đã chết từ lâu; những người khác lại cảm thấy nó là linh hồn một bà lão đang đưa tay với về phía thời thanh xuân đáng nhớ nhưng đã lùi xa của mình.

Đòn tấn công!

Như bản chất của chúng, đòn tấn công xảy ra khi người ta vô ý sử dụng những đồ vật bị ám: đắp chăn trong trường hợp của Boroboro-ton, hoặc mặc áo trong trường hợp Kosode no Te. Hình thức đụng độ là rung lắc, bay lượn, gầm rít, rên rỉ, hoặc nói chung là hành xử theo cách không phù hợp với một tấm chăn hay bộ kimono bình thường – ưu tiên lúc nửa đêm, khi nạn nhân ít đề phòng nhất.

Tránh đụng độ:

Dù về lí thuyết có thể bị Boroboro-ton làm nghẹt thở, đến nay chưa có thông báo nào về thương vong – thậm chí là thương nhẹ cũng không. Tuy vậy, cẩn tắc vô ưu.

Nếu bạn không muốn chia tay tấm chăn của mình hay không đủ tiền mua chăn mới, hãy thử cách sau:

1) Chờ trời sáng.

2) Thu lại tấm chăn thủ phạm. Nếu ý nghĩ tiếp xúc trực tiếp với một yokai khiến bạn thấy ghê, hãy thử đeo găng tay.

3) Phơi chăn ngoài trời dưới nắng gắt. (Ghi chú với các cử nhân và sinh viên: thỉnh thoảng làm vậy là một ý hay, dù chăn nệm của bạn không bị ma quỷ ám.)

4) Khi đêm xuống, cầu mong Boroboro-ton đã tìm được chăn nệm của ai khác để trú ngụ.

5) Nếu nó xuất hiện lại, hãy lặp lại bước một và hai. Nhưng giờ đã đến lúc giặt giũ kĩ lưỡng. Nhớ rằng với những món đồ dễ hư hỏng như vỏ chăn hay kimono nên giặt khô, đặc biệt là những món có linh hồn người chết trú ngụ.

Về phần Kosode no Te, hãy nhớ kĩ rằng người ta biết tới nó như kẻ không gây ra điều gì

tồi tệ hơn hù doạ, thậm chí với cả những ai vô tình khoác nó lên người.



LIÊN HỆ TRONG VĂN CHƯƠNG

Kosode no Te (tranh trên) xuất hiện lần đầu trong cuốn sách năm 1780 của Toriyama Sekien *Konjaku Hyakki Shui* ("Sưu tập Bách quỷ Cổ Kim"). Miêu tả của ông như sau:

"Có một bài thơ Đường nói về người đàn ông đau buồn trước sự ra đi của nàng kĩ nữ mình sủng ái. Ông ta yêu cầu tu sĩ tiến hành tang lễ cho chiếc *obi* từ bộ kimono của nàng, nơi ông phát hiện một sợi dây đàn tì bà giấu trong nếp gấp; việc này càng gợi nhắc thêm về mất mát vừa qua, khiến ông ta càng đau khổ. Một phần linh hồn người phụ nữ lưu lại trong phục sức và quần áo mà nàng từng mặc, và ngay cả khi nàng đã chết, người ta cho rằng vẫn có thể thoáng thấy đôi tay ma quái vươn ra từ ống tay kimono."

Boroboro-ton (tranh dưới) xuất hiện trong *Gazu Hyakki Tsurezure Bukuro*, "Tập minh hoạ trăm đồ vật ngẫu nhiên" của Sekien. Chỉ có rất ít thông tin quý báu về nguồn gốc của nó. Những dòng miêu tả quanh co của Sekien nhắc đến một tấm chăn sờn cũ được sử dụng bởi một người sống ẩn dật, lánh xa xã hội, nhưng khi đọc kĩ hơn, văn bản này có vẻ đề cập tới một số văn tự cổ khác. Nhiều khả năng Boroboro-ton dựa trên một kiểu chơi chữ khó hiểu nào đó.



YOKAI SỐ: 0 4 3

Obariyon

オバリヨン

Tên khác trong tiếng Nhật:
Onbu-obake.

Nghĩa tên:
Quái vật đòi cõng.

Giới tính:
Trung tính.

Chiều cao:
1 đến 2 m.

Cân nặng:
Biến đổi.

Cách di chuyển:
Hai chân; trên cây.

Đặc điểm:
Có hình dạng người.
Miêu tả cụ thể không thống nhất (xem bên dưới).

Vũ khí tấn công:
Khối lượng thay đổi.

Số lượng:
~~Phổ biến~~ Độc nhất vô nhị!

Nơi cư trú:
Rừng, cây cối và vùng núi.

Danh tiếng:
Obariyon là một tạo vật hình người kì dị được cho là cư trú ở vùng rừng rậm khắp Nhật Bản. Như hầu hết mọi yokai, nó hoạt động về đêm, và tiếp cận lữ khách đơn độc trên những đường mòn vắng vẻ nhiều cây sau khi trời tối. Vì người ta chỉ biết đến sự xuất hiện của nó trong điều kiện ánh sáng tù mù và luôn ở sau lưng nạn nhân, miêu tả về diện mạo của nó rất không đồng nhất; một số người miêu tả nó gần như nhẵn thín, những người khác tả là nó có tỉ lệ cơ thể gần giống với trẻ sơ sinh khổng lồ. Thậm chí cả kích cỡ cơ thể của nó cũng hoàn toàn là phỏng đoán, vì nó có khả năng tăng khối lượng và trọng lượng vốn có, khiến bản thân có vẻ lớn hơn nhiều so với thực tế. Tranh vẽ ở trang bên là phỏng đoán gần nhất về diện mạo của loài yokai thích lẩn tránh này nếu thấy vào ban ngày.

Đòn tấn công!
Obariyon kiên nhẫn chờ đợi những khách lữ hành hồn nhiên đi qua bên dưới chỗ ẩn nấp của mình. Khi họ đã trong phạm vi, nó kêu lên *"Obusaritei!"* ("Tôi muốn được cõng!") rồi nhảy xuống vai nạn nhân. Bám chặt vào con người khốn khổ nọ, Obariyon tăng cân nặng của

LŨ NHẤT CÂY



mình, chậm rãi nhưng chắc chắn, cho đến khi nạn nhân bị đè chặt xuống đất và không thể động dậy.

Tránh dụng độ:

Dù về lí thuyết, người ta có thể bị thương bởi trọng lượng khủng khiếp của Obariyon, cuộc dụng độ với chúng hầu như luôn khó chịu hơn là nguy hiểm. Sau đây là một vài sách lược giúp rũ bỏ chúng.

1) Nếu bạn tình cờ nghe thấy tiếng la của Obariyon, hãy cắm đầu mà chạy. Không phải để giữ mạng sống mà để tránh mất thời gian tìm cách thoát ra.

2) Nếu bạn quả thực bị Obariyon bám lấy, hãy cố gỡ nó xuống bằng cách tung ngửa người ra sau. Tránh ngã sấp, vì bạn sẽ phải lãnh đủ cú va đập hơn là Obariyon, còn nó vẫn tiếp tục bám chặt vào bạn và càng làm khó bạn trong việc vật lộn để đứng lên.

3) Giữ bình tĩnh. Nhớ rằng ngay cả trong trường hợp xấu nhất, yokai này cũng không làm hại nạn nhân lâu dài; nó hài lòng với việc chỉ bám vào lưng họ cho đến khi phát chán hoặc bị phân tán chú ý.

4) Cách tự vệ tốt nhất là phòng tránh: tránh một mình vào những khu vực cây cối rậm rạp hoặc nhiều bóng cây, đặc biệt là ban đêm.

Trong đời sống:

Về mặt khái niệm, yokai này cực kì giống với Konaki Jiji (trang 62). Sự khác biệt lớn nằm ở chỗ gặp phải Konaki Jiji thường là tai hoạ chết người, trong khi Obariyon chỉ là chút phiền phức bám trên lưng. Nhưng không phải mọi cuộc dụng độ Obariyon đều chỉ kết thúc với hậu quả là một cơn đau lưng, như truyền thuyết sau đây cho thấy.

Truyện cổ tích: Ông Lão và Obariyon:

Ngày xửa ngày xưa, có một ông lão nọ đi qua một con đường mòn nằm sâu trong núi. Bỗng nhiên ông nghe thấy một giọng nói gai người vang lên từ rừng cây bên đường: "Cho tôi quá giang với! Cho tôi quá giang với!" Giật mình kinh hãi, ông lão quay đầu chạy khỏi nguồn phát ra yêu cầu kì lạ kia. Tuy nhiên, cho dù đôi chân ông có chạy bao xa, giọng nói bí ẩn vẫn bám theo sát gót. Không bao lâu sau, nó chuyển sang giọng van vỉ: "Ông ơi, làm ơn cho con quá giang với. Con không đi nổi. Con gặp nạn rồi. Con xin ông."

Dù ban đầu rất kinh hãi, ông lão vốn là người tốt bụng, và dù biết là không nên, ông vẫn sinh lòng thương hại giọng nói ma quái nọ. Ông dừng chân, cất tiếng, vẫn hơi run rẩy: "Được.



Một địa điểm để gặp Obariyon

Hãy leo lên lưng ta. Ta sẽ cõng ngươi đi." Vừa dứt lời, ông lão thấy một khối nặng trịch đè lên vai và lưng mình.

"Trời ơi, ngươi nặng thế!" Ông lão lầu bầu khi đang phải vật lộn dưới gánh nặng bí ẩn. "Nhưng lời hứa là lời hứa. Chúng ta đi nào." Cố bước nhanh hết sức bằng đôi chân đã bị quá tải, ông lão hớt hải đi trên con đường trở về nhà.

Ông đã đi một con đường dài nhiều dặm, trọng lượng gãy lưng bám chặt không rời, và vẫn còn đó khi ông bước qua ngưỡng cửa nơi ở tồi tàn của mình. Tay run rẩy, ông mò mẫm quờ tay sau lưng hòng gỡ cái gánh nặng bí ẩn ra khỏi đôi vai mệt mỏi vừa mang vác quá lâu. Sau khi để nó xuống sàn, ông ngỡ ngàng nhận ra nó không phải người hay yokai mà là một cái hũ đất nung chứa đầy vàng thỏi. Từ đó ông lão sống giàu có và sung sướng suốt đời.

NGHĨ LẠI, có lẽ chúng ta nên bắt đầu tìm kiếm gã yokai này đi thôi. Ghi nhớ: bắt đầu chương trình tập thể dục. Tích trữ thuốc giảm đau lưng.

YOKAI SỐ: 0 4 4

Nobiagari

のびあがり

Nghĩa tên:
Ma bóng tối; Bóng ma co giãn.

Chiều cao:
Không cố định.

Cân nặng:
Không rõ.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Hình người mờ ảo.

Vũ khí tấn công:
Khả năng tăng kích thước.

Số lượng:
Độc nhất vô nhị.

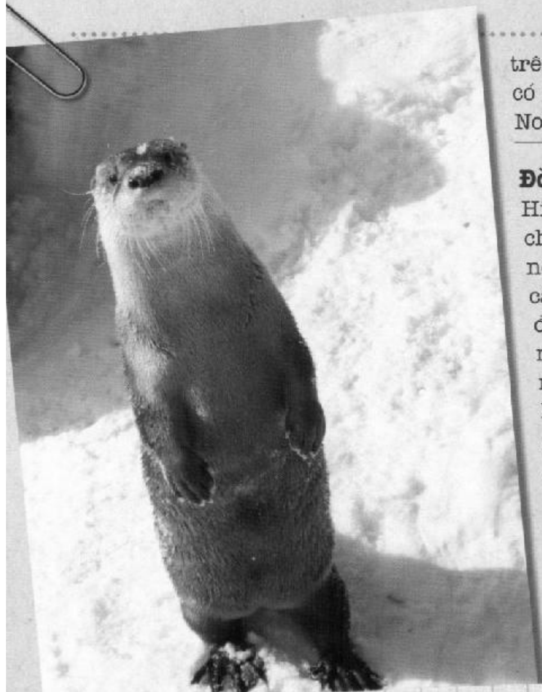
Nơi cư trú:
Mọi nơi có con người sinh sống.

Danh tiếng:
Có phải nó là một cái bóng? Hay một hình người ma quái? Một sinh vật sông nước hay rừng rú? Chỉ có một điều chắc chắn về Nobiagari bí ẩn: đây là một yokai bất thình lình xuất hiện và nhanh chóng phình ra thành kích thước khổng lồ. Thường bám theo nạn nhân từ phía sau và vì thế tránh khỏi tầm nhìn, chi tiết về nguồn gốc và vẻ bề ngoài của nó có sự sai lệch rất lớn tại các vùng miền khác nhau. Một số người miêu tả nó là một cái bóng sống mờ ảo vô định; số khác lại tả nó là một sinh vật giống người; đôi khi đội lốt hoà thượng; và cũng có người nói rằng nó là một loại động vật đã đạt được năng lực lừa cho con người tưởng rằng nó to lớn hơn nhiều so với thực tế. Dù thế nào thì hình dạng thật của Nobiagari vẫn được cho là có dạng người với tỉ lệ kì quái – có lẽ lấy cảm hứng từ hình dạng kì lạ mà cái bóng của chúng ta in lên mặt đất vào buổi tối – chuyên nhảy bổ ra và đuổi theo các khách bộ hành sợ khiếp vía. Người ta nói rằng nó hay xuất hiện trên những lối đi gần nguồn nước, đặc biệt là sông và hồ.

Nếu thực sự là một cái bóng, Nobiagari về cơ bản là sự nhân cách hoá của hiệu ứng đồng hồ mặt trời. Theo những truyền thuyết này, Nobiagari có tiềm năng xuất hiện bất cứ khi nào mặt trời hạ thấp trên bầu trời – cơ bản là trước lúc chạng vạng tối, khoảng thời gian truyền thống mà yokai có xu hướng

LŨ NHẤT CÂY





trên đỉnh đầu, mặt đất không có bóng – và vì thế không có Nobiagari!)

Đòn tấn công!
Hiện không rõ Nobiagari chọn mục tiêu như thế nào; nó xuất hiện không lời cảnh báo sau lưng lữ khách đi một mình hoặc những người đơn độc khác. Khi nạn nhân lo sợ ngoái đầu lại, cố căng mắt hòng nhìn cho rõ thứ gì ở sau lưng, Nobiagari dần dần tăng kích thước. Nếu nạn nhân định tháo chạy, Nobiagari sẽ đuổi theo, bằng cách chạy hoặc kéo giãn cổ, thân mình, hay chân tay, đồng thời cúi xuống

COI CHỪNG RÁI CÁ?
Một số người tin rằng Nobiagari chỉ là ảo ảnh đánh lừa tâm trí do Kitsune (trang 154) hoặc Tanuki (trang 126) tạo ra. Tuy nhiên, ở tỉnh Ehime, nằm trên đảo Shikoku của Nhật Bản, truyền thuyết địa phương kể rằng loài động vật đứng đằng sau Nobiagari là rái cá sông. Điều đó có thể giải thích được lượng lớn ca đụng độ xảy ra gần nguồn nước ngọt. Không may là lần cuối cùng người ta nhìn thấy rái cá sông Nhật Bản là vào năm 1979, và loài này bị xem là đã tuyệt chủng.

xuất hiện. Tuy nhiên, theo logic thì đụng độ có lẽ thường xuyên xảy ra trong mùa đông hơn, khi ngày ngắn và mặt trời ở thấp. (Khi mặt trời ở thiên đỉnh, ngay thật gần với vẻ đầy đe doạ.

Trong những trường hợp cực hiếm, Nobiagari được cho là sẽ nhảy bổ vào cần cổ lộ ra của nạn nhân khi họ nghển cổ để

nhìn được cao hơn.

Nobiagari thoả mãn với việc hù doạ thay vì làm tổn thương nạn nhân. Tuy vậy gặp nó cũng không dễ chịu gì.

Tránh đụng độ:

Truyền thuyết vùng miền miêu tả hai cách để đuổi Nobiagari. Cả hai đều yêu cầu bình tâm và giữ vững vị trí.

Sách lược 1: Quay lại đối mặt trực tiếp với Nobiagari, và chầm chậm hạ tầm mắt xuống đất. Kích thước của nó bị ấn định bởi góc độ chúng ta nhìn nó. Nhìn lên sẽ khiến nó trông to lớn hơn, trong khi việc hạ thấp tầm mắt sẽ làm giảm kích thước vật lí của nó. Khi nó đã xuống tới chiều cao bạn có thể xử lí được, hãy quát lên "Mioroshita!" ("Ngươi dưới tầm mắt ta!") và nó sẽ biến mất.

Sách lược 2: Giả sử Nobiagari quả thực là bản phóng đại của một sinh vật nhỏ hơn nhiều. Khi đối mặt với Nobiagari, hãy đá vào một điểm trong không khí cách mặt đất chừng ba mươi phân. Bạn có thể sẽ làm sinh vật đó mất thăng bằng, khiến Nobiagari biến mất.

Họ hàng:

Nobiagari có cách thức hoạt động giống với nhiều yokai tương tự, gần nhất là Mikoshi (còn gọi là Mikoshi-nyudo, "Sư Nhìn Lên"). Mikoshi lấy hình dạng hoà thượng để xuất hiện đột ngột trước người đi đường trên những lối đi hoặc con phố vắng vẻ, tăng kích thước tới tầm vóc khổng lồ trong khi người chứng kiến nhìn lên nó. Như Nobiagari, Mikoshi có thể là tác phẩm của một loài động vật nhỏ hơn; người làng Hinoemata ở tỉnh Fukushima tin rằng thủ phạm là *itachi*, hay chồn Nhật Bản, dù mối quan hệ thực sự giữa chúng vẫn còn chưa chắc chắn. Truyền thuyết địa phương cho rằng hét vào mặt yokai "Miokoshitari!" ("Ta có thể nhìn qua đầu ngươi!") sẽ đuổi được nó đi.

Những họ hàng khác bao gồm Shidaidaka ở vùng Tây Nam Nhật Bản; Taka-nyudo trên đảo Shikoku; và Norikoshi-nyudo ở tỉnh Iwate miền Bắc Nhật Bản. Dù nơi cư trú cụ thể, hình dạng ban đầu và kích thước tối đa của những yokai này khác nhau tuỳ theo từng nơi, đặc điểm và quy luật của chúng lại hết sức tương đồng. Đến nay vẫn chưa rõ những sự khác nhau này đại diện cho những "loài" khác nhau, hay là nhiều bộ dạng của cùng một loài yokai có phong vị địa phương được thêm thắt.

YOKAI SỐ: 045

Nuppeppo

ぬっぺっぽう

Tên khác:
Nuhehho, Nuppebbo.

Nghĩa tên:
"Đống bùng nhùng."

Giới tính:
Không rõ.

Chiều cao:
1 đến 1,5 m.

Cân nặng:
Không rõ, nhưng rất nặng.

Cách di chuyển:
Hai chân.

Đặc điểm:
Hình người èo uột.

Vũ khí tấn công:
Mùi cơ thể rất hăng.

Số lượng:
Phổ biến.

Nơi cư trú:
Mọi nơi có con người sinh sống.

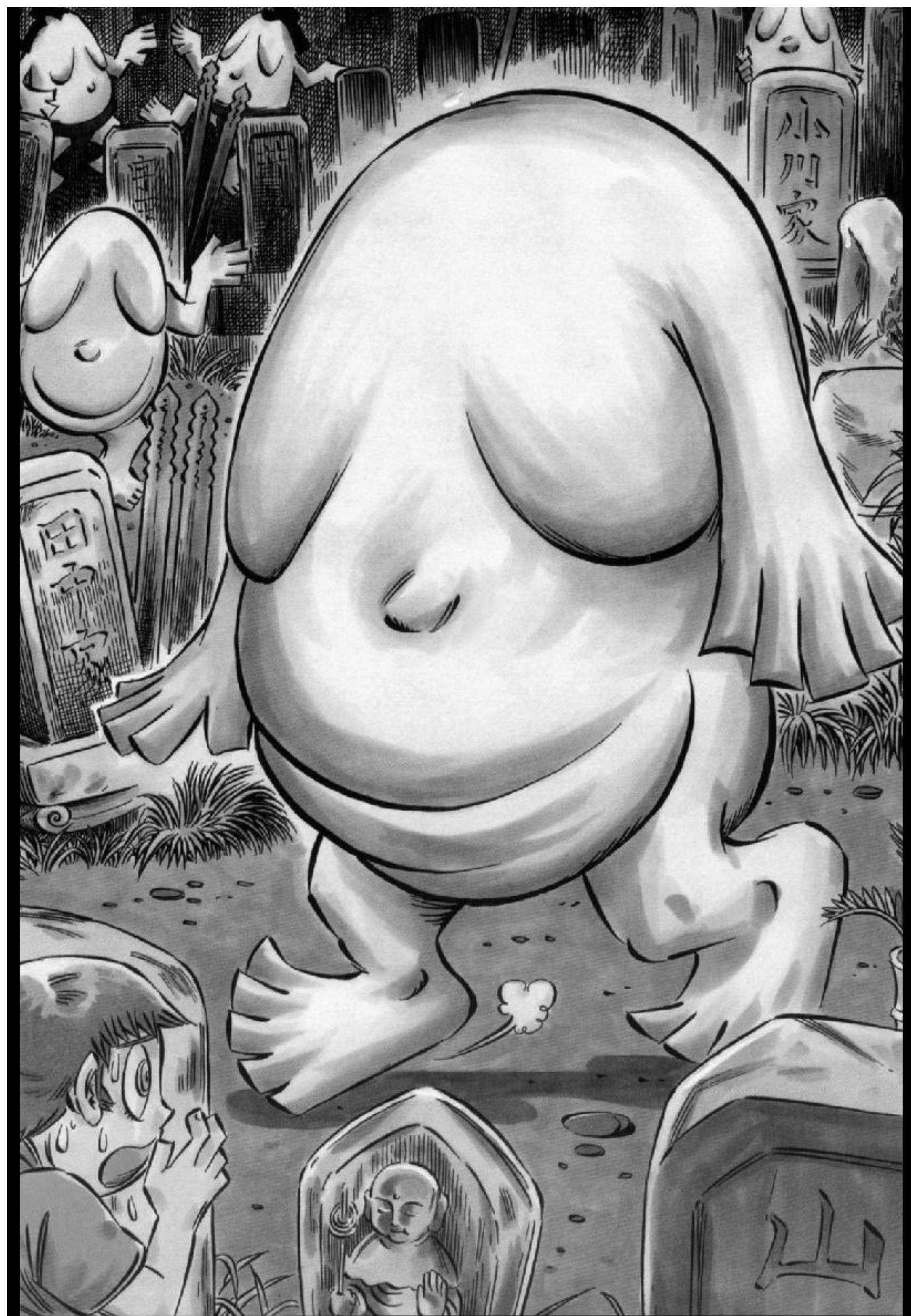
Danh tiếng:
Một cục thịt tròn vo hình người với các ngấn mỡ trên "ngực" tạo đường nét tựa như khuôn mặt, Nuppeppo đôi khi được miêu tả là có những bộ phận như ngón tay và ngón chân; nhưng khi khác lại chỉ có các khối hình dạng mơ hồ thay vì tay chân. Trên thực tế, thường khó phân biệt được đâu là mặt trước đâu là mặt sau của chúng. Được biết tới rộng rãi khắp Nhật Bản, Nuppeppo là một loại yêu quái kinh điển.

Nuppeppo rất lặng lẽ, thụ động, hiền lành. Ngoài diện mạo xấu xí, thứ duy nhất có tính công kích ở chúng là mùi cơ thể, tương truyền chẳng hề kém cạnh mùi thịt thối. Một số giả thuyết khẳng định thực ra chúng *chính là* thịt thối. Bất chấp mùi hôi thối, một số tin đồn nói rằng thịt của Nuppeppo có thể ban cho người ăn sự trường sinh bất lão. * Xem chú ý ở trang sau

Nuppeppo lang thang vô định trên các đường phố hoang vắng của làng mạc, thị trấn, thành phố, thường vào các đêm cuối năm; hoặc lẩn khuất quanh địa phận các nghĩa trang của đền chùa bỏ hoang đã không còn được sử dụng. Chúng thường xuất hiện một mình nhưng đôi khi cũng bị bắt gặp đi thành nhóm nhỏ.

Một số người tin rằng Nuppeppo đầu tiên được tạo ra

LŨ NHẶT CÂY


小川家
山

cách đây rất lâu từ những mẩu thịt người thối rữa bị dồn lại với nhau vì lí do không tưởng tượng nổi nào đó, kiểu như quái vật của Frankenstein. Tư liệu không đề cập gì về người nào – hoặc cái gì – chịu trách nhiệm cho việc này, và có rất ít thông tin chỉ ra động cơ của kẻ đó có thể là gì.

Chú ý về ngôn từ: dù tên của Nuppeppo có vẻ giống với Nopperabo (trang 166), chúng không liên quan gì đến nhau trừ chuyện cả hai nhìn chung đều thiếu đường nét trên mặt.

Đòn tấn công!

Bạn đang đi bộ vào đêm khuya khi một mùi hôi thối dữ dội tràn ngập hai lỗ mũi, và bạn trông thấy những thứ hình người trông như đống tròn lảng vảng xung quanh. Đại khái đây chính là đòn tấn công nguy hiểm nhất của Nuppeppo rồi đó.

Tránh đụng độ:

Tốt nhất là tránh xa đền chùa bỏ hoang và nghĩa trang lâu năm vào đêm khuya. Nhưng thực tình thì bạn không có gì phải sợ cả, ngay cả khi tiếp xúc trực tiếp với Nuppeppo. Trên thực tế, đây rất có thể là cơ hội cho bạn chơi với một yokai. Tập luyện đấu vật sumo một chút chăng? Tuy nhiên chúng tôi khuyên bất cứ ai muốn giao lưu với loài tạo vật này, hãy dùng kẹp quần áo cho mũi.

Còn với những ai có khẩu vị nặng, có lẽ một chút thịt Nuppeppo có thể sẽ chữa khỏi bệnh tật trên người bạn. Đấy là với điều kiện bạn đang tâm giết hại một loài sinh vật mà bản tính khá hiền lành và vô hại – rồi nuốt miếng da sống thối rữa, nhầy nhụa của nó – và không ngại khả năng sống mãi mãi dưới dạng một đống bầy hầy không hình dạng (nhớ rằng khi người ta nói "cuộc sống vĩnh hằng", họ không nói cụ thể là cuộc sống đó sẽ theo dạng thức nào.)

TỪ LÓNG NUPPEPPO

Từ mang tính xúc phạm nupperi đôi khi được dùng để chỉ phụ nữ trang điểm quá dày.

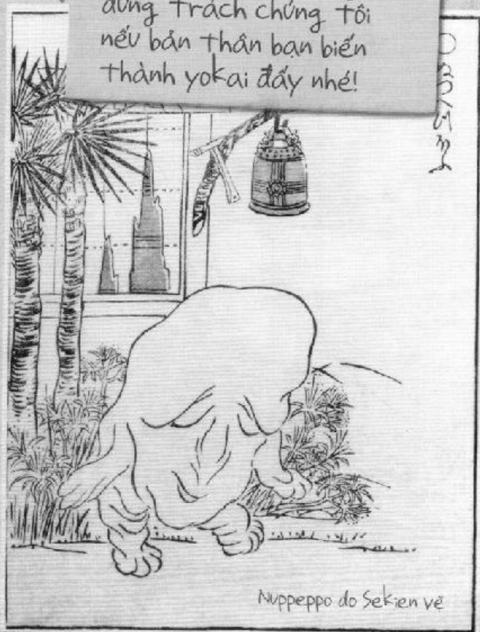
Nuppeppo và Shogun:

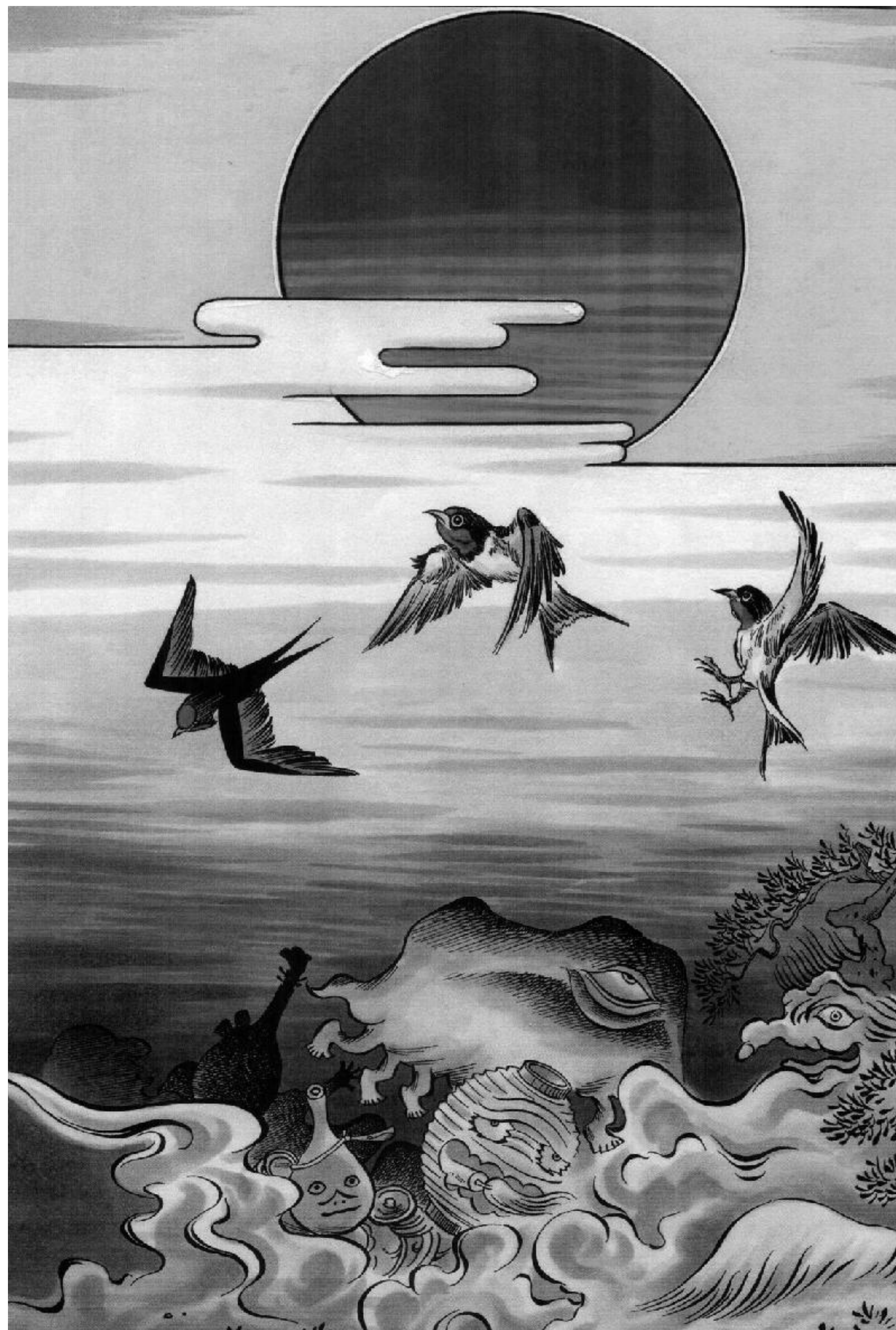
Một đầu sách cuộn do Makibokusen – viên quan coi giữ công văn giấy tờ thế kỉ mười tám – viết có miêu tả về một thứ dường như là Nuppeppo xuất hiện trong lâu đài của Shogun Tokugawa Ieyasu (1543-1616). Theo Makibokusen, Tokugawa ra lệnh thả nó an toàn vào sâu trong núi, cách xa nơi con người sinh sống. Mãi về sau Tokugawa mới được một học

giả cho biết tạo vật này được văn chương Trung Quốc miêu tả là một "thần dược trị bách bệnh" biết đi, có khả năng hồi phục sinh khí đồng thời ban tặng tuổi trẻ cho bất cứ ai ăn thịt nó. Dễ đến, dễ đi.

Yokai và Trường sinh:
Nhân tiện, Nuppeppo không phải là yokai duy nhất được cho là có thịt ban tặng sự trường sinh. Thịt của một loài yokai hoàn toàn không liên quan gọi là Ningyo – nghĩa đen là "nhân ngư", nhưng bạn đừng nhầm tạo vật này với những người đẹp đẫy đà mà thuỷ thủ phương Tây thương nhớ trong truyền thuyết – được cho là có cùng tác dụng. Trong một truyện cổ tích dân gian tên là *Yaobikuni* ("Ni cô Tám Trăm Tuổi"), con gái của một ngư dân vô tình ăn phải thịt của nhân ngư, nghĩ rằng đó là thịt cá bình thường. Tuy nhiên, bất tử xem ra là lời nguyền chứ không phải phúc phận. Cô gái cứ mãi trẻ đẹp, khoẻ mạnh, trong khi gia đình, bạn bè cùng người quen lần lượt già đi và chết, bỏ lại cô tồn tại trong cô độc và lang thang khắp nơi suốt nhiều thế kỉ cho đến khi cô cuối cùng cũng có thể tự kết liễu cuộc đời. Bài học rút ra là: hãy cẩn thận với những gì bạn ước. Cuộc sống vĩnh hằng cũng đồng nghĩa với đau khổ dài lâu.

* Không có ghi chép nào về việc đã từng có ai thực sự thành công kiếm được thịt Nuppeppo hay chưa, hoặc mùi vị của nó thế nào. Nếu bạn tình cờ được nếm, xin đừng ngại cho chúng tôi biết. Nhưng đừng trách chúng tôi nếu bản thân bạn biến thành yokai đấy nhé!


Nuppeppo do Sekien vẽ



Nguồn tư liệu Yokai

PHIM KINH ĐIỂN NÓI VỀ YOKAI

Kaidan (1965)
Đạo diễn Masaki Kobayashi tài tình chuyển thể một số truyện kinh dị từ cuốn *Kwaidan* của Lafcadio Hearn thành phiên bản tổng hợp trên màn ảnh rộng. Một tác phẩm kinh điển phải xem của nghệ thuật làm phim kinh dị Nhật Bản.
Có DVD thuộc bộ sưu tập Criterion.

Yokai Monsters: Yokai Hyaku Monogatari (Yêu quái Bách Vật Ngữ) (1968)
Một bộ phim ngộ nghĩnh về thời Edo tái hiện một số yokai, nổi bật là Rokuro Kubi cổ rắn (trang 142) và một đoạn hoạt hình xuất sắc với nhân vật Kara-kasa (trang 110).
Có DVD do hãng phim ADV phát hành.

Yokai Monsters: Yokai Daisenso (Yêu Quái Đại Chiến) (1968)
Bị những thợ săn kho báu quấy rầy nơi an nghỉ, một yêu quái giống ma cà rồng từ Babylon cổ đại đến Nhật Bản, khiến yokai bản địa hoảng loạn. Khoa trương, nghiêng về điên khùng, vui vẻ cho cả gia đình.
Có DVD do hãng phim ADV phát hành.

Pom Poko (1994)
Một bộ phim vui nhộn mà sâu sắc về một bộ tộc Tanuki (xem trang 126) có ngôi nhà tổ tiên bị đe doạ bởi việc mở rộng ngoại ô. Bộ phim hoạt hình chế tác tinh tế của Studio Ghibli. Cơ hội để bạn xem Tanuki biến hình!
Có DVD do hãng Walt Disney Home Entertainment phát hành.

Shinsei Toire no Hanako-san (1998)
Có DVD với giá 3990 yên Nhật do hãng phim Pony Canyon phát hành.

Spirited Away: Sen to Chihiro no Kamikakushi (Sen và Chihiro ở thế giới thần bí) (2001)
Dù không hề được gọi thẳng là "yokai", nhiều sinh vật thần thoại lạ kì có mặt trong bộ phim hoạt hình xuất sắc này của đạo diễn Hayao Miyazaki. Phim giành nhiều giải thưởng, bao gồm giải Oscar cho phim hoạt hình hay nhất năm 2003.
Có DVD do hãng Walt Disney Home Entertainment phát hành.

Kibakichi (2004)
Một samurai lang thang gặp một ngôi làng bỏ hoang là nơi trú ngụ của yokai đóng giả yakuza, kéo theo những màn bạo lực điên cuồng. Do Tomoo Haraguchi làm đạo diễn, dựa trên một truyện tranh của Takao Shimamoto và Tatsuya Morino.

Chính là Morino đã minh hoạ cuốn sách này.

Có DVD do hãng Saiko Films và MTI phát hành.

Yokai Daisenso (Yêu quái Đại Chiến) (2005)
Có sự tham gia diễn xuất của Chiaki Kuriyma nổi tiếng từ Kill Bill, đây là lần đầu tiên bậc thầy phim kinh dị

Nhật Bản Takashi Miike thử sức với phim thiếu nhi. Trong phim có cả quân đoàn yokai.

Nếu nhìn kĩ bạn thậm chí có thể thấy tác giả cuốn sách này trong đám đông!

Có DVD do hãng Tokyo Shock phát hành.

NGUỒN THAM KHẢO TRỰC TUYẾN

Tiếng Anh

The Obakemono Project
(Dự án Obakemono)
http://www.obakemono.com/

Tiếng Nhật

怪異・妖怪伝承データベース
(Kho dữ liệu hiện tượng lạ và truyền thuyết yokai)
http://www.nichibun.ac.jp/YoukaiDB/

鳥山石燕の世界
Thế giới của Sekien Toriyama
http://www.linet.gr.jp/~kojima/Kyogokudou/Sekien/

妖怪ストリート
Phố Yokai
http://www.kyotohyakki.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Addiss, Stephen. *Japanese Ghosts and Demons: Art of the Supernatural* ("Ma và quỷ Nhật Bản: Nghệ thuật của sự siêu nhiên"). New York: George Braziller Inc., 2001.

Davis, F. Hadland. *Myths and Legends of Japan* ("Thần thoại và truyền thuyết của Nhật Bản"). London: George G. Harrap & Co., 1913.

Figal, Gerald. *Civilization and Monsters: Spirits of Modernity in Meiji Japan* ("Văn minh và Quái vật: Linh hồn của sự Hiện đại thời Meiji tại Nhật Bản"). Durham and London: Duke University Press, 1999.

Figal, Gerald. "Yokai Monsters, Giant Catfish, & Symbolic Representation in Popular Culture (Quái vật Yokai, Cá da trơn Khổng lồ, & Đại diện Biểu tượng trong Văn hoá Đại chúng)." Lưu trữ ngày 12 tháng Một, 2008 từ http://www.east-asianhistory.net/textbooks/PM-Japan/ch8.html

Foster, Michael Dylan. "The Metamorphosis of the Kappa: Transformation of Folklore to Folklorism in Japan (Sự biến hoá của Kappa: Chuyển mình từ Văn học dân gian tới Chủ nghĩa Văn học dân gian ở Nhật Bản)." *Asian Folklore Studies ("Nghiên cứu Văn học dân gian châu Á")*, Số. 57, 1998: 1-24.

Foster, Michael Dylan. "The Question of the Slit-Mouthed Woman: Contemporary Legend, the Beauty Industry, and Women's Weekly Magazines in Japan (Câu hỏi của Người phụ nữ Rạch Miệng: Truyền thuyết Đương thời, Công nghiệp Thẩm mĩ, Tạp chí tuần của phụ nữ ở Nhật)." *Signs: Journal of Women in Culture and Society ("Dấu hiệu: Tạp chí của Phụ nữ trong Văn hoá và Xã hội")*, Số. 32, 2007.

Fujinuma, Yoshizo, et al. *Yokai Yurei Daihyakka* ("Đại bách khoa về Yokai và Yurei"). Tokyo:

Keibunsha, 1982.

Fujisawa, Morihiko. *Zusetsu Nihon Minzokugaku Zenshu* ("Toàn tập tranh minh hoạ về Văn học dân gian Nhật Bản"). Tokyo: Akane Shobo, 1959.

Hasegawa, Ryoichi. "The Mysterious Waq-Waq Tree (Cây Waq-Waq bí ẩn)." *Bo Mu Ryo: The Dreamers's Tower* ("Bo My Ryo: Ngọn tháp của kẻ mộng mơ") 23 tháng Ba 2006. Lưu trữ ngày 12 tháng Một, 2008 từ http://homepage3.nifty.com/boumurou/island/sp02/02Waqwaq.html.

Hearn, Lafcadio. *In Ghostly Japan* ("Nhật Bản ma quái"). Boston: Little, Brown, and Co., 1899.

Hearn, Lafcadio. *Kwaidan: Stories and Studies of Strange Things* ("Quái Đàm: Trò chuyện và nghiên cứu về những điều kì quặc"). New York: Dover Publications, 1968.

Komatsu, Kazuhiko. *Nihon Yokai Ibunroku* ("Ghi chép chuyện lạ về Yokai Nhật Bản"). Tokyo: Shogakugan, 1992.

Kurotani, Sawa. "Behind the Paper Screen / 'Yokai' Folklore Boom Grips Japan (Đằng sau màn giấy / Nắm lấy cơn bùng nổ Văn học dân gian "Yokai" ở Nhật)." *Daily Yomiuri Shimbun,* November 13, 2007.

Masamichi Abe, et. al. *Nippon Yokai Chizu* ("Bản đồ Yokai Nhật Bản"). Tokyo: Kadokawa Shoten, 1996.

Mizuki, Shigeru. *Nihon Yokai Daizen* ("Yokai Nhật Bản toàn tập"). Tokyo: Kodansha Plus Alpha Bunko, 1994.

Murakami, Kenji and Studio Hard MX. *Hyakki Yako Kaitai Shinsho* ("Phân giải mới về Bách Quỷ Dạ Hành"). Tokyo: Koei, 2000.

Murakami, Kenji. *Yokai Walker* ("Yokai đi bộ"). Tokyo: Kadokawa Shoten, 2002.

Nakamura, Yukio, et. al. *Books Esoterica 24: Yokai no Hon* ("Cuốn sách của Yokai"). Tokyo: Gakken, 2006.

Sato, Kouseki. *Kappa at Play* ("Kappa trong Kịch"). Tokyo: Nihon Shuppan Kyodo, 1952.

Tada, Tatsumi. *Edo Yokai Karuta*. Tokyo: Kokusho Kankokai, 1998.

Takenaka, Kiyosho, et al. *Nihon no Yokai Daihyakka* ("Đại bách khoa về Yokai Nhật Bản"). Tokyo: Keibunsha, 1985.

Yamada, Norio. *Tohoku Kaidan no Tabi* ("Hành trình qua miền truyện quái dị Tohoku"). Tokyo: Jiyu Kokumin Sha, 1974.

Yanagita, Kunio. *Tono Monogatari* ("Truyện kể ở Tono"). Tái bản lần thứ 55. Tokyo: Kadokawa Sofia Bunko, 1998.

Yumoto, Goichi. Meiji Yokai Shimbun ("Thời báo Yokai Meiji"). Tokyo: Hakushobo, 1999.

Yokai Street, "Kodogutachi no Hyakki Yako" ("Bách Quỷ Dạ Hành của những món đạo cụ"). Lưu trữ ngày 12 tháng Một, 2008, từ http://www.kyotohyakki.com/web_0317/hyakki-yakou01.html.

Liệt kê Yokai



Lời cảm ơn

Hiroko và Matt xin gửi lời cảm ơn tới các cá nhân sau vì sự giúp đỡ và ủng hộ của họ trong quá trình sáng tác *Yokai Attack:*

Gregory Starr, vì sự ủng hộ kiên trì ngay từ bước đầu và giúp chúng tôi đi đúng hướng nhờ những góp ý quý giá. Andrew Lee vì năng lực thiết kế và dàn trang đáng tin cậy. William Notte và Alphone Tea ở nhà xuất bản Tuttle, với công việc biên tập và thiết kế. Yutaka Kondo, với tác phẩm thư pháp tuyệt đẹp ở trang 37. Rich Amtower, Robert Duban, Tim Hornyak, và Mark Schreiber vì nhiều lời khuyên và hỗ trợ trong suốt quá trình.

Ngoài ra, chúng tôi xin cảm ơn những cá nhân và tổ chức sau đã hào phóng cho chúng tôi mượn tư liệu ảnh để dùng trong sách. Nhà môi giới tranh Jerry Vegder (với trang web *www.printsofjapan.com).* Bộ sưu tập Mike Lyon, thành phố Kansas, bộ sưu tập Michael Thaler, hiệp hội Du lịch Izunokuni *(www.izunotabi.com)*, Yoshimi Kawada cùng trang web về các lễ hội *(www005.upp.sonet.ne.jp/omatsuri/)*, David Keymont với bộ sưu tập đồ chơi, và Yoshiharu Kato, còn gọi là "nandemoplamo", với website *blogs.yahoo.co.jp/nandemoplamo.* Cuối cùng là tác giả Natsuhiko Kyogoku, vì đã vẽ tấm bùa ofuda cho cuốn sách này.

Cuốn sách về yokai nào có thể hoàn chỉnh nếu thiếu một lời chào gửi tới giới siêu nhiên? Hiroko gửi lời cảm tạ sâu sắc tới yokai hiện đại điển hình Kuchisake Onna, người đã khơi gợi nên nhiều giờ đàm luận sôi nổi suốt thời thơ ấu, chưa kể đến vô số lần mua kẹo *bekko.* Và phát huy tinh thần vật linh chân chính, Matt xin gửi lời cảm ơn tới chiếc laptop chịu thương chịu khó của mình, mà sau khi gõ xong cuốn sách này có lẽ sẽ bước chân lên con đường trở thành một *Tsukumo-gami.*



"Ofuda" là một lá bùa giấy truyền thống có thể mang theo người hoặc dán để bảo vệ người dùng khỏi tổn hại siêu nhiên. Tiểu thuyết gia huyền bí Natsuhiko Kyogoku đã thật tốt bụng viết lá bùa này dành riêng cho Yokai Attack! Bùa viết: "Yokai Thủ Hộ: Chúc May Mắn. Từ Hội đồng Cổ động Yokai toàn Nhật Bản." Giờ thì bạn cũng được che chở rồi nhé!

NGUỒN ẢNH/ TRANH MINH HOẠ

Tatsuya Morino: Bìa và toàn bộ minh hoạ chính, cộng thêm trang 73, 152; Adachigahara Furusatomura: 78; Bộ sưu tập Matt Alt và Hiroko Yoda: 38, 62, 66, 122, 170, 172; Thư viện Quốc hội Nhật Bản: 21, 36, 40, 43, 48, 69, 89, 92, 101, 117, 120, 145, 148, 181, 185, 185; Hiroko Yoda: 22, 24, 32-33, 42, 49, 82, 105, 114, 125, 150, 156, 180, 189, 206-207; Bộ sưu tập Mike Lyons: 25, 81, 104, 154; William Shlitz: 84; Bộ sưu tập Michael Thaler: 29; Hiệp hội Du lịch Izunokuni: 45; Visipix: 52, 57, 85, 133; G. Starr: 100, 126; Bộ sưu tập David Keymont: 112, 173; Bộ sưu tập Jerry Vegder: 128; Andrew Lee: 132, 146; Yoshimi Kawada: 164; Pony Canyon: 177; Dave Pape: 192; Yasuhiro Hatabe: 88

KHI TIA NẮNG CUỐI NGÀY NHẠT PHAI: LÀ KHI YOKAI NHẬT BẢN CHUI RA TÁC QUÁI.

– TÁC GIẢ KHUYẾT DANH



Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Yokai attack!: Từ điển yêu quái : Cuộc nổi dậy của yêu quái Nhật Bản : Truyện tranh / Hiroko Yoda, Matt Alt ; Minh hoạ: Tatsuya Morino ; Nguyên Hương dịch. - H. : Kim Đồng, 2019. - 208tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Dành cho tuổi trưởng thành)
ISBN 9786042144223

1. Văn học hiện đại 2. Truyện tranh 3. Nhật Bản
895.63 - dc23

KDM2398p-CIP

Yokai Attack!

Từ điển yêu quái

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG
55 Quang Trung – Hà Nội. ĐT: 024 3943 4730 – 024 3942 8632. FAX: 024 3822 9085
Internet web site: http://www.nxbkimdong.com.vn – Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG
102 Ông Ích Khiêm – TP. Đà Nẵng.
ĐT: 0236 3812 333 – 0236 3812 335. FAX: 0236 3812 334
Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: 028 3925 1001 – 028 3925 0987. FAX: 028 3925 1012
Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc PHẠM QUANG VINH
Chịu trách nhiệm nội dung: Phó Giám đốc VŨ THỊ QUỲNH LIÊN
Biên tập: TRẦN NHẬT MỸ
Trình bày: NGUYỄN MẠNH LINH
Sửa bài: VŨ PHƯƠNG ANH - BÙI HOÀI THU

In và gia công 2.000 bản – Khổ 14,5 cm x 20,5 cm
Tại Công ty CP In & DVTM Phúc An
Địa chỉ: Lô B2-2-6 KCN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 1282-2019/CXBIPH/19-84/KĐ cấp ngày 17/04/2019
Quyết định xuất bản số: 2071/QĐKĐ kí ngày 29/07/2019
In xong và nộp lưu chiểu quý 3/2019